

Số: 696/QĐ-UBND

Huế, ngày 23 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Giao trách nhiệm quản lý, bảo trì hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Huế cho Trung tâm Quản lý và Khai thác hạ tầng thành phố Huế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;*

*Căn cứ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 04 năm 2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;*

*Căn cứ Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước;*

*Căn cứ Thông tư 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;*

*Căn cứ Quyết định số 2509/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2025 của UBND thành phố Huế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Quản lý và Khai thác hạ tầng thành phố Huế thuộc Sở Xây dựng;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 359/TTr-SXD ngày 21 tháng 01 năm 2026.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Danh mục giao quản lý**

Giao cho Trung tâm Quản lý và Khai thác hạ tầng thành phố Huế thuộc Sở Xây dựng trực tiếp tổ chức quản lý, bảo trì hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Huế cụ thể như sau :

- |                             |   |
|-----------------------------|---|
| 1. Đường:                   | 686,704 km/902 tuyến.   |
| 2. Cầu:                     | 83 cầu/ 4.422,31 m.   |
| 3. Đèn tín hiệu:            | 78 cụm (không bao gồm các tuyến Quốc lộ và đường Hồ Chí Minh).                  |
| 4. Điện chiếu sáng:         | 985 tủ điện/45.246 bóng (không bao gồm các tuyến Quốc lộ và đường Hồ Chí Minh). |
| 5. Bãi đỗ xe:               | 27.332,22 m <sup>2</sup> /11 bãi.   |
| 6. Bến Thủy nội địa:        | 30.162,8 m <sup>2</sup> /10 bến.  |
| 7. Cầu Cảng:                | 2000 DWT/1 cầu.   |
| 8. Nhà chờ xe Bus:          | 624,44 m <sup>2</sup> /44 nhà.  |
| 9. Nhà máy xử lý nước thải: | 110.559,4 m <sup>2</sup> /01 cái.   |
| 10. Trạm bơm:               | 7,00 cái.   |

11. Nghĩa trang: 1.476.100,00 m<sup>2</sup>/3 cái.  
 12. Công thoát nước: 276.940,26 m.  
 13. Hệ thống thoát nước: 212.840,00 m.  
 (công chung, công bao, công áp lực thuộc hệ thống nhà máy xử lý nước thải)  
 14. Mương thoát nước 85.962,18 m.  
 15. Via hè 525.981,88 m<sup>2</sup>.

*(Chi tiết có các phụ lục 1,2,3,4,5,6,7,8 kèm theo)*

## **Điều 2. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí duy tu, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa vừa và nhỏ của hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật nêu trên được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành có liên quan.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc chuyển giao trách nhiệm quản lý, bảo trì được thực hiện tại thời điểm ký biên bản bàn giao giữa Sở Xây dựng, Trung tâm Quản lý và Khai thác hạ tầng thành phố Huế, Trung tâm công viên cây xanh thành phố Huế, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển đô thị và UBND các phường, xã.

## **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Công an thành phố; Giám đốc Trung tâm Quản lý và Khai thác hạ tầng thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### ***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- VP: LĐ và các CV: TH, NVTC, CT, GT;
- Lưu: VT, XD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Hải Minh**

**PHỤ LỤC 01:**  
**DANH MỤC HỆ THỐNG ĐƯỜNG BỘ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ GIAO**  
**TRUNG TÂM QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC HẠ TẦNG THÀNH PHỐ HUẾ QUẢN LÝ**  
*Kèm theo Quyết định số: 696/QĐ-UBND ngày 23/02/2026 UBND thành phố Huế*

TT	Tên đường	Địa danh		Chiều dài (Km)
		Điểm đầu	Điểm cuối	
<b>I</b>	<b>TRUNG TÂM QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC HẠ TẦNG THÀNH PHỐ HUẾ</b>			<b>686,704</b>
<b>A</b>	<b>QUẢN LÝ ĐƯỜNG Q.THUẬN HÓA (CŨ)</b>			<b>178,442</b>
1	Bà Huyện Thanh Quan	Trương Định	Lê Lợi	0,069
2	Bảo Quốc	Điện Biên Phủ	Lịch Đợi	0,260
3	Bến Nghé	Đội Cung	Hùng Vương	0,440
4	Bùi Thị Xuân	Ga Huế	Lương Quán	5,323
5	Bùi San	Hà Huy Tập	Trần Văn Ôn	0,295
6	Đường vào cầu đường bộ Bạch Hồ	Cầu Bạch Hồ	Bùi Thị Xuân	0,677
7	Chế Lan Viên	Xuân Diệu	Trần Hoàn	0,667
8	Chu Văn An	Lê Lợi	Nguyễn Thái Học	0,360
9	Đặng Huy Trứ	Trần Phú	Ngự Bình	1,000
10	Đặng Văn Ngữ	Hùng Vương	Trường Chinh	1,000
11	Đào Tấn	Trần Thái Tông	Kiệt 131 Trần Phú	0,982
12	Điện Biên Phủ	Lê Lợi	Ngự Bình	2,221
13	Đoàn Hữu Trưng	Hàm Nghi	Trần Phú	0,499
14	Đội Cung	Bến Nghé	Lê Lợi	0,221
15	Đổng Đa	Nguyễn Huệ	Hùng Vương	0,846
16	Đường lên xuống cầu Chợ Dinh	Cầu chợ Dinh	Nguyễn Sinh Cung	0,131
17	Phong Châu	Bà Triệu	Tôn Đức Thắng	0,240
18	Đường nội bộ Big.C Hùng Vương	Phong Châu	Hùng Vương	0,083
19	Dương Văn An	Bà Triệu	Nguyễn Lộ Trạch	0,949
20	Duy Tân	Trần Phú	Ngự Bình	1,200
21	Hai Bà Trưng	Hà Nội	Phan Đình Phùng	0,900
22	Hải Triều	Hùng Vương	SN120 Hải Triều	2,143
23	Hàm Nghi	Trần Phú	Đoàn Hữu Trưng	0,840
24	Hàn Mặc Tử	Nguyễn Sinh Cung	Nguyễn Sinh Sắc	2,000
25	Hồ Đắc Di	An Dương Vương	Võ Văn Kiệt	1,852
26	Hoàng Hoa Thám	Hà Nội	Lê Lợi	0,230
27	Huyền Trân Công Chúa	Bùi Thị Xuân	Qua hết Cầu Gò Bồi	3,400
28	Lâm Hoàng	Nguyễn Sinh Cung	Phạm Văn Đồng	0,629
29	Lê Hồng Phong	Đổng Đa	Nguyễn Huệ	0,580
30	Lê Lai	Lê Lợi	Ngô Quyền	0,270

31	Lê Lợi	Bùi Thị Xuân	Nguyễn Công Trứ	2,260
32	Lê Ngô Cát	Minh Mạng	Huyền Trân Công Chúa	2,202
33	Lê Quý Đôn	Hùng Vương	Bà Triệu	0,620
34	Lịch Đợi	Bảo Quốc	Trường Đúc	0,840
35	Lương Thế Vinh	Hoàng Hoa Thám	Hùng Vương	0,170
36	Lý Thường Kiệt	Hà Nội	Phan Chu Trinh	0,860
37	Ngô Gia Tự	Nguyễn Văn Cừ	Đổng Đa	0,300
38	Ngô Hà	Bùi Thị Xuân	Kiệt 47 Ngô Hà	0,950
39	Ngô Quyền	Hà Nội	Phan Bội Châu	0,970
40	Nguyễn Công Trứ	Lê Lợi	Bà Triệu	0,470
41	Nguyễn Đỗ Cung	Dương Văn An	Nguyễn Lộ Trạch	0,240
42	Nguyễn Huệ	Hùng Vương	Lê Lợi	2,069
43	Nguyễn Khoa Chiêm	Ngự Bình	Võ Văn Kiệt	1,746
44	Nguyễn Khuyến	Phan Đình Phùng	Nguyễn Huệ	0,350
45	Nguyễn Lộ Trạch	Bà Triệu	Dương Khuê	1,540
46	Nguyễn Lương Bằng	Tôn Đức Thắng	Khu dân cư	0,350
47	Nguyễn Thái Học	Bến Nghé	Bà Triệu	0,480
48	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Hồng Phong	Tôn Đức Thắng	0,319
49	Nguyễn Thiện Kế	Nguyễn Huệ	Phan Bội Châu	0,314
50	Nguyễn Tri Phương	Bến Nghé	Hà Nội	0,430
51	Nguyễn Trường Tộ	Lê Lợi	Đoàn Hữu Trưng	1,048
52	Nguyễn Tuân	Dương Văn An	Nguyễn Lộ Trạch	0,223
53	Nguyễn Văn Cừ	Lý Thường Kiệt	Hai Bà Trưng	0,300
54	Nguyễn Huy Tự	Ngô Quyền	Lê Lợi	0,280
55	Phạm Hồng Thái	Ngô Quyền	Lê Lợi	0,400
56	Phạm Ngũ Lão	Võ Thị Sáu	Lê Lợi	0,300
57	Phạm Ngọc Thạch	Hải Triều	KĐC Thủy An	0,567
58	Phan Bội Châu	Lê Lợi	Ngự Bình	2,187
59	Phan Chu Trinh	Hùng Vương	Bùi Thị Xuân	2,651
60	Phan Đình Phùng	Hùng Vương	Điện Biên Phủ	2,210
61	Phó Đức Chính	Bến Nghé	Trần Quang Khải	0,100
62	Sư Liễu Quán	Điện Biên Phủ	Phan Bội Châu	0,105
63	Tam Thai	Phan Bội Châu	Thiên Thai	4,150
64	Thanh Hải	Điện Biên Phủ	Quảng Tế	0,500
65	Thanh Tịnh	Tùng Thiện Vương	Lại Thế	0,252
66	Thiên Thai	Lê Công Hành	Tam Thai	3,600
67	Tự Đức Đồng Khánh	Huyền Trân Công Chúa	Qua khỏi Cầu Gò Bồi	2,000
68	Tố Hữu	Tôn Đức Thắng	Võ Chí Công	3,400
69	Tôn Đức Thắng	Lê Quý Đôn	Bà Triệu	0,548
70	Tôn Thất Cảnh	Hoàng Quốc Việt	Cầu Nhất Đông	0,484
71	Tôn Thất Tùng	Bùi Thị Xuân	Bùi Thị Xuân (Cầu Lòn)	0,370
72	Tôn Quang Phiệt	Đặng Văn Ngữ	Võ Chí Công	1,672

73	Trần Cao Vân	Hai Bà Trưng	Bến Nghé	0,860
74	Trần Phú	Phan Chu Trinh	Phan Bội Châu	1,687
75	Trần Quang Khải	Bến Nghé	Nguyễn Thái Học	0,700
76	Trần Thái Tông	Lê Ngô Cát	Thích Tịnh Khiết	1,100
77	Trần Thúc Nhẫn	Lê Lợi	Phan Bội Châu	0,610
78	Trương Định	Hùng Vương	Hà Nội	0,510
79	Tùng Thiện Vương	Nguyễn Sinh Cung	Nguyễn Hạnh	0,955
80	Ứng Bình	Nguyễn Sinh Cung	Kiệt 47 Ứng Bình	0,500
81	Văn Cao	Dương Văn An	Nguyễn Lộ Trạch	0,274
82	Võ Thị Sáu	Đội Cung	Nguyễn Công Trứ	0,400
83	Võ Văn Tần	Nguyễn Thị Minh Khai	Đống Đa	0,315
84	Xuân Diệu	Phan Bội Châu	Kiệt 68 Xuân Diệu	0,475
85	Ngô Thúc Khuê	Nguyễn Lộ Trạch	Nguyễn Cửu Vân	0,292
86	Lê Đức Anh	Chi cục Thuế	Phạm Văn Đồng	0,227
87	Tuyến Phú Thượng- Phú Mậu	Đường lên xuống cầu chợ Dinh	Đường Tinh 2 (Km2+400)	4,990
88	Đường Trung tâm xã Hương Phong	Cầu Thanh Phước	Quốc lộ 49B	5,280
	<b><i>Tuyến Phú Thượng- Phú Lương</i></b>			
89	Lại Thế	Chợ Mai	Phạm Văn Đồng	1,400
90	Nguyễn Đình Bảy	Phạm Văn Đồng	Cổng làng Dưỡng Mong	1,900
	<b><i>Tuyến Liên Xã Thanh Vân</i></b>			
91	Trương Hữu Hoàn	Cầu Vân Thê Đập	Võ Chí Công	1,000
92	Nguyễn Hạnh	Võ Chí Công	Nguyễn Cửu Vân	2,400
93	Nguyễn Cửu Vân	Nguyễn Cửu Vân	Võ Chí Công	3,050
94	Dương Thị Côi	Võ Chí Công	Giáp Thủy Thanh	0,550
	<b><i>KQH Nam Thủy Trường</i></b>			
95	Trần Anh Tông	Đặng Huy Trứ	Phan Bội châu	0,300
96	Võ Liêm Sơn	Đặng Huy Trứ	Phan Bội châu	0,300
97	Trần Hoàn	Võ Liêm Sơn	Cao Đình Độ	0,375
98	Cao Đình Độ	Đặng Huy Trứ	Trần Hoàn	0,300
	<b><i>CSHT phục vụ giải toả để tôn tạo di tích cổ đô</i></b>			
99	Nguyễn Hữu Thận	Võ Văn Kiệt	Khu TĐC XH 2	0,300
100	Tuyến số 2	Nguyễn Hữu Thận	Khu TĐC XH 2	0,100
101	Tuyến số 3	Nguyễn Hữu Thận	Khu TĐC XH 2	0,100
102	Tuyến số 4	Võ Văn Kiệt	Nguyễn Hữu Thận	0,200
	<b><i>Khu tái định cư Xóm Hành</i></b>			
103	Lê Công Hành	Tam Thai	Trần Đại Nghĩa	0,760
104	Trần Lư	Lê Công Hành	Trần Đại Nghĩa	0,546
105	Võ Quý Huân	Lê Công Hành	Khu TĐC XH 2	0,090
106	Tuyến số 1	Lê Công Hành	Khu TĐC XH 2	0,090
107	Trần Đại Nghĩa	Lê Công Hành	Khu TĐC XH 2	0,060

	<b><i>Khu dân cư mới Thủy An</i></b>			
108	Nguyễn Duy Trinh	Hoàng Quốc Việt	Kiệt 2 Phạm Ngọc Thạch	0,450
109	Hồng Chương	Hoàng Quốc Việt	An Thủy	0,280
110	Phan Anh	Hoàng Quốc Việt	Nguyễn Duy Trinh	0,400
111	An Thủy	Phan Anh	Nguyễn Duy Trinh	0,110
112	Ngũ Đông	Phan Anh	Nguyễn Duy Trinh	0,110
	<b><i>KQH Trường Bìa</i></b>			
113	Tôn Thất Dương Ky	Hồ Đắc Di	KQH mới	0,250
114	Nguyễn Hữu Đính	Hồ Đắc Di	KQH mới	0,300
	<b><i>Khu QH Kiểm Huệ</i></b>			
115	Lê Viết Lượng	Hà Huy Tập	Lê Minh	0,630
116	Nguyễn Đức Tịnh	Nguyễn Phong Sắc	Lê Minh	0,370
117	Nguyễn Đức Cảnh	Nguyễn Phong Sắc	Lê Minh	0,380
118	Huỳnh Tấn Phát	Nguyễn Hữu Thọ	Lê Minh	0,300
119	Trần Tất Văn	Nguyễn Phong Sắc	Hoàng Văn Thụ	0,130
120	Nguyễn Phong Sắc	Trần Tất Văn	Trương Chinh	0,220
121	Nguyễn Hữu Thọ	Trần Tất Văn	Tổ Hữu	0,470
122	Hồ Tùng Mậu	Nguyễn Hữu Thọ	Lê Quang Đạo	0,650
123	Hoàng Văn Thụ	Trần Tất Văn	Trần Hữu Dực	0,470
124	Lê Minh	Huỳnh Tấn Phát	Lê Quang Đạo	0,340
125	Trần Anh Liên	Nguyễn Hữu Thọ	Phùng Chí Kiên	0,570
126	Lê Quang Đạo	Lê Minh	Tổ Hữu	0,340
127	Phùng Chí Kiên	Nguyễn Hữu Thọ	Kiệt 177 Trương Chinh	0,240
	<b><i>Khu QH Vỹ Dạ</i></b>			
128	Cao Xuân Dục	Phạm Văn Đồng	Nguyễn An Ninh	0,530
129	Phan Văn Trường	Cao Xuân Dục	Lâm Hoàng	0,560
130	Nguyễn Sinh Sắc	Hoàng Thông	Kim Liên	0,720
131	Việt Bắc	Phạm Văn Đồng	Nguyễn Sinh Khiêm	0,250
132	Trương Gia Mô	Cao Xuân Dục	Nguyễn Minh Vỹ	1,300
133	Hà Huy Giáp	Cao Xuân Dục	Việt Bắc	0,250
134	Nguyễn Sinh Khiêm	Cao Xuân Dục	Lâm Hoàng	0,500
135	Nguyễn Quý Anh	Cao Xuân Dục	Ng. Sinh Sắc	0,050
136	Hoàng Thông	Nguyễn Sinh Sắc	Công phụ trường Mầm non Hương Lưu	0,150
137	Đào Trinh Nhất	Lưu Hữu Phước	Nguyễn Sinh Sắc	0,140
138	Dục Thanh	Hoàng Thông	Nguyễn An Ninh	0,100
139	Nguyễn An Ninh	Hoàng Thông	Cao Xuân Dục	0,120
140	Lưu Hữu Phước	Phạm Văn Đồng	Kim Liên	0,378

141	Xuân Thủy	Điềm Phùng Thị	Tuyển số 3 (Diễn Phái nổi dài)	0,570
142	Nguyễn Phan Chánh	Xuân Thủy	Kim Liên	0,143
143	Kim Liên	Nguyễn Sinh Sắc	Tuyển số 7	0,217
144	Hồng Thiết	Xuân Thủy	Kim Liên	0,138
145	Điềm Phùng Thị	Phạm Văn Đồng	Kim Liên	0,406
	Nhánh công viên	Điềm Phùng Thị	Lưu Hữu Phước	0,112
	<b><i>Hạ tầng kỹ thuật khu nhà biệt thự Nam Vỹ Dạ</i></b>			
146	Diễn Phái	Nguyễn Sinh Sắc	Tuyển số 3	0,223
		Diễn Phái	Xuân Thủy	0,033
	<b><i>Khu Dân cư sau Trung tâm thể thao</i></b>			
147	Lý Tự Trọng	Tổ Hữu	Bùi San	0,255
148	Trần Văn Ôn	Tổ Hữu	Bùi San	0,255
149	Đặng Thùy Trâm	Lý Tự Trọng	Tổ Hữu	0,245
150	Hà Huy Tập	Dương Văn An	Trường Chinh	0,540
	<b><i>KQH Thôn Thượng 1-Thủy Xuân</i></b>			
151	Bùi Viện	Minh Mạng	Khúc Hạo	0,569
152	Phạm Phú Thứ	Nguyễn Thành Ý	Bùi Viện	0,332
153	Hoàng Tăng Bí	Bùi Viện	Bùi Viện	0,198
154	Khúc Hạo	Nguyễn Thành Ý	Bùi Viện	0,313
155	Nguyễn Thành Ý	Bùi Viện	Khúc Hạo	0,240
	<b><i>KQH hai bên đường Tùng Thiện Vương</i></b>			
156	Nguyễn Minh Vỹ	Nguyễn Khoa Vy	Trương Gia Mô	0,180
157	Cao Xuân Huy	Tùng Thiện Vương	Nguyễn Minh Vỹ	0,113
158	Ứng Trí	Gần Tuy Lý Vương	Nguyễn Minh Vỹ	0,205
159	Nguyễn Khoa Vy	Tùng Thiện Vương	Nguyễn Minh Vỹ	0,150
160	Tuy Lý Vương	Trương Gia Mô	Nguyễn Khoa Vy	0,191
	<b><i>KQH tái định cư TRƯỜNG AN</i></b>			
161	Thích Tịnh Khiết	Điện Biên Phủ	Trần Thái Tông	0,400
162	Thích Nữ Diệu Không	Thích Tịnh Khiết	Đào Tấn	0,345
163	Lê Đình Thám	Thích Tịnh Khiết	Thích Nữ Diệu Không	0,197
164	Dương Xuân	Lê Đình Thám	Thích Nữ Diệu Không	0,118
165	Tây Sơn	Thích Tịnh Khiết	Thích Nữ Diệu Không	0,249
166	Tuyển số 1	Tây Sơn	Đào Tấn	0,116
167	Tuyển số 2	Dương Xuân	Lê Đình Thám	0,046
	<b><i>KQH Bàu Vá 2</i></b>			
168	Sơn xuyên	Nguyễn Văn Đào	Kinh Nhơn	0,307
169	Kinh Nhơn	Nguyễn Văn Đào	Sơn Nguyên	0,352
170	Bản Bộ	Nguyễn Văn Đào	Kinh Nhơn	0,328
171	Lê Bá Thận	Nguyễn Văn Đào	Võ Quý Hải	0,133

172	Tuyển số 5 (chưa đặt tên)	Nguyễn Văn Đào	Võ Quy Hải	0,133
173	Võ Quy Hải	Sơn Nguyên	Nguyễn Văn Đào	0,306
174	Nguyễn Văn Đào	Bùi Thị Xuân	Đường BTXM	0,402
	<b><i>Khu QH Lịch Đợt và Bàu Vá</i></b>			
175	Đường Đồng Khởi	Bùi T Xuân	Út Tịch	0,843
176	Trường Đúc	Tôn Thất Tùng	Hà Huy Tín	0,765
177	Nguyễn Xí	Lê Phụng Hiểu	Hoàng Đình Ái	0,183
178	Hoàng Đình Ái	Lê Phụng Hiểu	Đình Liệt	0,226
179	Trường Đồng	Lê Phụng Hiểu	Đình Liệt	0,210
180	Lê Phụng Hiểu	Đồng Khởi	Trường Đúc	0,321
181	Đình Liệt	Đồng Khởi	Trường Đúc	0,194
182	Tuyển 1 (chưa đặt tên)	Trường Đúc	Hoàng Đình Ái	0,098
183	Nguyễn Thị Định	Đồng Khởi	Út Tịch	0,620
184	Bùi Thị Cúc	Nguyễn Thị Định	Hà Huy Tín	0,536
185	Hà Văn Chúc	Nguyễn Thị Định	Hà Huy Tín	0,536
186	Bông Văn Dĩa	Nguyễn Thị Định	Đắc Lập	0,377
187	Út Tịch	Nguyễn Thị Định	Trường Đúc	0,694
188	Phan Đình Giót	Hà Văn Chúc	Út Tịch	0,435
189	Đắc Lập	Đồng Khởi	Hà Văn Chúc	0,103
190	Đắc Lập 1	Hà Văn Chúc	Đường đất	0,063
191	Đắc Lập 3	Hà Văn Chúc	Đường đất	0,063
192	Tuyển số 5	Bùi Thị Cúc	Trường Đúc	0,063
193	Hà Huy Tín	Đồng Khởi	Trường Đúc	0,152
194	Mạc Thị Bưởi	Út Tịch	Nguyễn Thị Định	0,287
195	Dương Xuân Hạ	Út Tịch	Nguyễn Thị Định	0,422
196	Lê Gia Đình	Út Tịch	Nguyễn Thị Định	0,268
197	Bửu Đóa	Út Tịch	Nguyễn Thị Định	0,235
198	Trần Thị Tâm	Út Tịch	Nguyễn Thị Định	0,190
	<b><i>KQH Xóm Giồng</i></b>			
199	Tôn Thất Bật	Nguyễn Hữu Cảnh	Tuyển Số 1	0,200
200	Nguyễn Văn Khả	Nguyễn Hữu Cảnh	Nguyễn Hữu Cảnh	0,200
	<b><i>Sở GTVT bàn giao</i></b>			
201	Nguyễn Văn Tuyết	Kinh Dương Vương	Trần Hải Thành	1,400
	<b><i>Danh mục kiệt chuyển sang</i></b>			
202	Quảng Tế	Điện Biên Phủ	SN 70 Trần Thái Tông	0,283
203	Thân Văn Nhiếp	SN 572 Bùi Thị Xuân	SN 33 Lương Quán	1,120
204	Đặng Đức Tuấn	SN 47 Ngô Hà	SN 93 Nguyệt Biều	0,720
205	Lương Quán	Bùi Thị Xuân	Am Mù U	2,360
206	Nguyệt Biều	SN 509 Bùi Thị Xuân	SN 90 Nguyệt Biều	2,200

207	Thanh Nghị	SN 499 Bùi Thị Xuân	SN 51 Nguyệt Biều	0,952
208	Long Thọ	Bùi Thị Xuân	Kiệt 61 Long Thọ	0,750
209	Vạn Niên	SN100 đường Huyền Trân Công Chúa	Nhà máy nước	0,197
210	Tôn Thất Cảnh	SN 41/8 Tôn Thất Cảnh	SN 104 Tôn Thất Cảnh	1,770
211	Nguyễn Khoa Vy	Lâm Hoàng	Tùng Thiện Vương	0,559
212	Trần Thanh Mại	SN 105 An Dương Vương	Tr. TH số 2 An Đông	0,465
213	Nguyễn Hữu Cảnh	SN 1 Nguyễn Hữu Cảnh	SN 109 Nguyễn Hữu Cảnh	0,947
214	Hoàng Thị Loan	Ngự Bình	Tam Thai	1,400
215	Hoài Thanh	Lê Ngô Cát	Bùi Thị Xuân (Kiệt 257)	1,989
216	Thanh Hải	Quảng Tế	LT Thượng 3 - Hạ 2 - Hạ 1	0,640
217	Sử Hy Nhan	Lê Ngô Cát	Kiệt 103 Lê Ngô Cát	0,733
218	Vũ Ngọc Phan	Hoài Thanh	Đường liên thôn Thượng 3-Hạ 2-Hạ 1	1,282
219	Quảng Tế	105 Trần Thái Tông	Thích Tịnh Khiết	0,457
220	Thích Tịnh Khiết	Trần Thái Tông	Út Tịch	1,067
221	Lê Bá Thận	Đường liên thôn T3 - H2 - H1	Khu Quy hoạch	0,695
222	Đường dọc sông Như Ý	Kiệt 163 Nguyễn Lộ Trạch	Liên thôn Nhất Đông 2	1,020
223	Đường dọc sông Như Ý 2	Đường dọc sông Như Ý	Võ Nguyên Giáp	0,810
224	Đường Hải Triều nổi dài	SN 120 Hải Triều	KQH Thủy Dương	0,910
	<b><i>Khu tái định cư xã Thủy Bằng</i></b>			
225	Tuyến A1	Tuyến A2	Tuyến B1	0,066
226	Tuyến A2	Tuyến A1 (QL49A)	Tuyến B3	0,210
227	Tuyến B1	Tuyến B3	Tuyến A1	0,210
228	Tuyến B2	Tuyến A2	Tuyến B1	0,068
229	Tuyến B3	Tuyến A2	Tuyến B1	0,066
	<b><i>HTKT dự án Khu dân cư Trần Thái Tông</i></b>			
230	Tuyến 1	Trần Thái Tông	Tuyến 2	0,145
231	Tuyến 2	Tuyến 1	Trần Thái Tông	0,065

232	Hạ tầng khu vực Biển Hải Dương	Cuối tuyến đường trung tâm Hải Dương	cuối tuyến	1,172
	<b>Dự án Green City</b>			
233	Tuyến đường dọc kè Hàn Mặc Tử	Cầu Vỹ Dạ	Vân Dương	0,672
234	Tuyến đường dọc kè An Cựu	Chợ An Cựu	Cầu Phát Lát	0,338
	<b>Tuyến sông Phở Lợi đoạn qua thôn Phú Khê, thôn Phò An, thôn Mỹ An.</b>			
235	Đường dọc hói mộc hàn - Liên thôn Phú Khê	Cầu Phở Tây	Cổng làng Phú Khê	2,152
236	Tuyến đường dọc kè đoạn qua thôn Phò An (bờ tả sông Phở Lợi)	Cầu Mỹ An	Tĩnh lộ 2	2,200
	<b>Khu đô thị mới An Vân Dương</b>			
237	Tuyến giao thông N7 thuộc khu A - Khu đô thị mới An Vân Dương	Võ Nguyên Giáp	Cuối tuyến	0,317
	<b>Khu Đô Thị mới An Cựu</b>			
238	Văn Tiến Dũng	Võ Chí Công	Vòng xuyên	0,749
239	Võ Nguyên Giáp	Hoàng Quốc Việt	Tuyến N7	0,528
240	Vòng xuyên	Võ Nguyên Giáp	Văn Tiến Dũng	0,154
241	Tuyến Số 1	Hoàng Quốc Việt	Tuyến Số 16	0,601
242	Tuyến Số 2	Tuyến Số 1	Tuyến Số 7	0,285
243	Tuyến Số 4	Tuyến Số 1	Tuyến Số 7	0,286
244	Tuyến Số 5	Hoàng Quốc Việt	Tuyến Số 16	0,389
245	Tuyến Số 6	Tuyến Số 1	Tuyến Số 7	0,288
246	Tuyến Số 7	Hoàng Quốc Việt	Tuyến Số 16	0,451
247	Tuyến Số 8	Tuyến Số 1	Tuyến Số 7	0,289
248	Tuyến Số 10	Võ Nguyên Giáp	Tuyến Số 7	0,421
249	Tuyến Số 12	Tuyến Số 1	Tuyến Số 7	0,298
250	Tuyến Số 14	Tuyến Số 1	Tuyến Số 7	0,302
251	Tuyến Số 16	Tuyến Số 1	Tuyến Số 7	0,434
252	Tuyến BN4	Tuyến Số 8	Tuyến Số 10	0,209
	<b>Khu dân cư khu vực 4 Xuân Phú</b>			
253	Hoàng Thế Thiện	Vũ Xuân Chiêm	Hoàng Lanh	0,231
254	Vũ Xuân Chiêm	Tổ Hữu	Vũ Thắng	0,591
255	Vũ Thắng	Vũ Xuân Chiêm	Hoàng Lanh	0,226
256	Nguyễn Xuân Lâm	Vũ Thắng	Nhà dân	0,260
257	Nguyễn Thị Lại	Vũ Thắng	Giáp kiệt 106 Nguyễn Lộ Trạch	0,268
258	Trần Quý Kiên	Vũ Xuân Chiêm	Giáp kiệt 106 Nguyễn Lộ Trạch	0,170
	<b>Khu A - Đô thị mới An Vân Dương</b>			
259	Dương Khuê	Hoàng Lanh	Nguyễn Lộ Trạch	0,400
260	Hoàng Lanh	Đường QH KV 4	Dương Khuê	0,516
	<b>Hạ tầng khu tái định cư thôn Phú Khê</b>			

261	Đoạn 1	Đoạn 2	Ruộng lúa	0,101
262	Đoạn 2	Đường BTXM thôn	Đoạn 1	0,059
<b>B</b>	<b>QUẢN LÝ ĐƯỜNG QUẬN PHÚ XUÂN (CŨ)</b>			<b>182,297</b>
263	Bạch Đằng	Chi Lăng	Bến đò Thế lại	1,800
264	Cao Bá Quát	Chi Lăng	Phùng Khắc Khoan	1,187
265	Chi Lăng	Cầu Gia Hội	Nhà thờ Bãi dâu	2,848
266	Chu Mạnh Trinh	Trần Khánh Dư	Trần Quốc Toàn	0,186
267	Chùa Ông	Ngự Viên	Nguyễn Du	0,152
268	Ngự Viên	Bạch Đằng	Tô Hiến Thành	0,135
269	Dã Tượng	Lê Ngọc Hân	Lê Đại Hành	0,167
270	Đạm Phương	Hoàng Diệu	Lê Đại Hành	0,155
271	Đàn Xã Tắc	Ngô Thời Nhiệm	Trần Nguyên Hãn	0,250
272	Đặng Dung	Ngô Đức Kế	Đoàn Thị Điểm	0,552
273	Đặng Nguyên Cẩn	Trần Khánh Dư	Mai An Tiêm	0,239
274	Đặng Thai Mai	Nhật Lệ	Đặng Thái Thân	0,143
275	Đặng Thái Thân	Lê Huân	Đoàn Thị Điểm	0,751
276	Đặng Trần Côn	Lê Huân	Trần Nguyên Đán	0,383
277	Đào Duy Anh	Cầu Thanh Long	ĐT4	1,495
278	Đào Duy Từ	Mai Thúc loan	Huỳnh Thúc Kháng	0,398
279	Diệu Đế	Bạch Đằng	Tô Hiến Thành	0,138
280	Đình Công Tráng	Xuân 68	Đoàn Thị Điểm	0,648
281	Đình Tiên Hoàng	Trần Hưng Đạo	Tản Đà	2,503
282	Đoàn Thị Điểm	Tịnh Tâm	Ông Ích Khiêm	1,066
283	Đường 23 Tháng 8	Lê Huân	Đình Tiên Hoàng	0,953
284	Cửa Ngăn	Lê Duẩn	23 Tháng 8	0,276
285	Quảng Đức	Lê Duẩn	23 Tháng 8	0,266
286	Cửa Trài	Huỳnh Thúc Kháng	Cửa Trài	0,150
287	Dương Hòa	Thái Phiên	Lê Đại Hành	0,426
288	Đường lên xuống cầu Chợ Dinh	Chi Lăng	Nguyễn Gia Thiều (hai bên)	0,154
289	Hàn Thuyên	Xuân 68	Đoàn Thị Điểm	0,648
290	Hồ Xuân Hương	Chi Lăng	Nguyễn Chí Thanh	0,363
291	Hoà Bình	Đặng Thai Mai	Kiệt 2 Đặng Thái Thân	0,223
292	Hòa Mỹ	Thái Phiên	Lê Đại Hành	0,371
293	Huỳnh Thúc Kháng	Cầu Gia Hội	Đào Duy Anh	1,267
294	La Sơn Phu Tử	Thái Phiên	Ngô Thế Lân	0,750
295	Lâm Mộng Quang	Đình Tiên Hoàng	Trần Quốc Toàn	0,300
296	Lê Đại Hành	Trần Khánh Dư	Trần Văn Kỷ	0,765
297	Lê Đình Chinh	Bạch Đằng	Phùng Khắc Khoan	0,391

298	Lê Huân	Ông Ích Khiêm	Thạch Hân	1,064
299	Lê Hữu Trác	Thái Phiên	Trần Nhân Tông	0,180
300	Lê Ngọc Hân	Nguyễn Trãi	Trần Khánh Dư	0,398
301	Lê Thánh Tôn	Ông Ích Khiêm	Lê Văn Hưu	1,215
302	Lê Trực	Đình Tiên Hoàng	Đoàn Thị Điểm	0,193
303	Lê Trung Đình	Lương Y	Trần Văn Kỳ	0,898
304	Lê Văn Hưu	Xuân 68	Tạ Quang Bửu	0,854
305	Lương Ngọc Quyến	Tôn Thất Thiệp	Mang Cá	1,575
306	Lương Y	Xuân 68	Lê Trung Đình	0,485
307	Lưu Trọng Lư	Thái Phiên	Thánh Gióng	0,180
308	Lý Nam Đế	QL 1A	Lữ Bảo	4,200
309	Mạc Đình Chi	Nguyễn Bình Khiêm	Nguyễn Du	0,361
310	Mai An Tiêm	Nguyễn Quang Bích	Trần Nhân Tông	0,180
311	Mai Thúc Loan	Đoàn Thị Điểm	Huỳnh Thúc Kháng	0,853
312	Mang Cá	Lê Trung Đình	Cửa Hậu	0,690
313	Ngô Đức Kế	Xuân 68	Lê Văn Hưu	1,130
314	Ngô Sĩ Liên	Đoàn Thị Điểm	Đình Tiên Hoàng	0,190
315	Ngô Thế Lân	Nguyễn Trãi	Trần Văn Kỳ	0,400
316	Ngô Thời Nhậm	Lê Huân	Tôn Thất Thiệp	0,663
317	Nguyễn Biểu	Đoàn Thị Điểm	Ngô Đức Kế	0,551
318	Nguyễn Bình Khiêm	Chi Lăng	Nguyễn Chí Thanh	0,411
319	Nguyễn Chí Diểu	Xuân 68	Đoàn Thị Điểm	0,645
320	Nguyễn Chí Thanh	Cầu Đông Ba	Nguyễn Gia Thiều	1,560
321	Nguyễn Cư Trinh	Ông Ích Khiêm	Triệu Quang Phục	0,933
322	Nguyễn Du	Chi Lăng	Nguyễn Chí Thanh	0,452
323	Nguyễn Gia Thiều	Tăng Bạt Hổ	Đường Tinh 5	2,252
324	Nguyễn Hoàng	Kim Long	Lý Nam Đế	1,100
325	Nguyễn Hữu Huân	Thái Phiên	Thánh Gióng	0,190
326	Nguyễn Quang Bích	Nguyễn Trãi	Trần Khánh Dư	0,397
327	Nguyễn Quyền	Nguyễn Hữu Huân	Phan Huy Chú	0,118
328	Nguyễn Thiện Thuật	Lê Huân	Trần Nguyên Đán	0,382
329	Nguyễn Thượng Hiền	Thái Phiên	Lê Ngã	0,171
330	Nguyễn Trãi	Lê Duẩn (QL 1 A)	Cầu tránh An Hòa	2,550
331	Nguyễn Trực	Trần Xuân Soạn	Thánh Gióng	0,085
332	Nguyễn Văn Siêu	Chi Lăng	Nguyễn Gia Thiều	0,170
333	Nguyễn Văn Trỗi	Nguyễn Trãi	La Sơn Phu Tử	0,215
334	Nguyễn Xuân Ôn	Lê Trung Đình	Tôn Thất Thuyết	0,331
335	Nhật Lệ	Xuân 68	Phùng Hưng	1,034
336	Ông Ích Khiêm	Xuân 68	Tôn Thất Thiệp	1,516
337	Phạm Đình Hổ	Tôn Thất Thuyết	Thái Phiên	0,225

338	Phạm Thị Liên	Nguyễn Hoàng	Vạn Xuân	1,258
339	Phan Đăng Lưu	Trần Hưng Đạo	Mai Thúc Loan	0,812
340	Phan Huy Chú	Thái Phiên	Thánh Gióng	0,185
341	Phan Huy Ích	Thái Phiên	Thánh Gióng	0,175
342	Phan Văn Trị	Nguyễn Quyền	Thánh Gióng	0,146
343	Phùng Hưng	Đặng Thái Thân	Đại Học Nông Nghiệp	0,811
344	Phùng Khắc Khoan	Bạch Đằng	Nguyễn Gia Thiều	0,900
345	Quốc Sĩ Quán	Mai Thúc Loan	Ngô Sĩ Liên	0,100
346	Sư Vạn Hạnh	Nguyễn Phúc Nguyên (Tĩnh 12B)	Tĩnh 12B	1,330
347	Tạ Quang Bửu	Phùng Hưng	Trần Quý Cáp	0,665
348	Tản Đà	Mang Cá	Nguyễn Văn Linh	0,655
349	Tăng Bạt Hổ	Lê Duẩn (QL 1A)	Cầu Bãi Dâu	2,850
350	Thạch Hãn	Tôn Thất Thiệp	Phùng Hưng	1,030
351	Thái Phiên	Lê Duẩn (QL 1A)	Mang Cá	1,504
352	Thân Trọng Một	Nguyễn Trãi	Đạm Phương	0,150
353	Thánh Gióng	Trần Quốc Toàn	Mang Cá	1,267
354	Thanh Hương	Kiệt 1 Đặng Thái Thân	Kiệt 1 Tuệ Tĩnh	0,193
355	Thanh Lam Bồ	Thái Phiên	Lê Đại Hành	0,412
356	Thế Lữ	Thái Phiên	Thánh Gióng	0,176
357	Tịnh Tâm	Xuân 68	Đoàn Thị Điểm	0,716
358	Tô Hiến Thành	Chi Lăng	Mạc Đình Chi	0,322
359	Tôn Thất Thiệp	Ông Ích Khiêm	Lương Ngọc Quyền	2,156
360	Tôn Thất Thuyết	Phạm Đình Hổ	Mang Cá	0,452
361	Tổng Duy Tân	Đình Tiên Hoàng	Xuân 68	0,505
362	Trần Bình Trọng	Nguyễn Trãi	Lê Huân	0,182
363	Trần Hưng Đạo	Cầu Tràng tiên	Cầu Gia Hội	0,400
364	Trần Khánh Dư	Thái Phiên	Lê Đại Hành	0,414
365	Trần Nguyên Đán	Ông Ích Khiêm	Triệu Quang Phục	1,004
366	Trần Nguyên Hãn	Lê Huân	Tôn Thất Thiệp	0,665
367	Trần Nhân Tông	Trần Khánh Dư	La Sơn Phù Tử	0,571
368	Trần Nhật Duật	Lê Trung Đình	Lương Ngọc Quyền	0,572
369	Trần Quốc Toàn	Hoàng Diệu	Hồ cá	0,883
370	Trần Quý Cáp	Phùng Hưng	Đình Tiên Hoàng	0,660
371	Trần Văn Kỳ	Triệu Quang Phục	Thái Phiên	0,900
372	Trần Xuân Soạn	Thế Lữ	Trương Hán Siêu	0,305
373	Triệu Quang Phục	Tôn Thất Thiệp	Phùng Hưng	1,034
374	Trịnh Công Sơn	Cầu Gia Hội	Chi Lăng	0,997
375	Trương Hán Siêu	Trần Xuân Soạn	Thánh Gióng	0,120
376	Tú Xương	Nguyễn Trãi	Trần Nhật Duật	0,564

377	Tuệ Tĩnh	Đặng Thai Mai	Kiệt 3 Đặng Thái Thân	0,546
378	Vạn Xuân	Kim Long	Lý Nam Đế	2,260
379	Xuân 68	Ông Ích Khiêm	Lương Y	1,822
380	Yết Kiêu	Quốc lộ 1 A	Lê Huân	0,825
381	Ngự Hà	Đình Tiên Hoàng	Lê Thánh Tôn	0,560
382	Hoàng Diệu	Nguyễn Trãi	Tôn Thất Thiệp	0,468
383	Tuyến La Chữ-Thanh Chữ	La Chữ (gần Triều Sơn Tây)	Thanh Chữ ( gần cầu Cổ Bru)	0,900
384	Cao Văn Khánh	Km4+700 Tỉnh 12C	Nguyễn Đăng Đệ	3,226
385	Văn Thánh	Km 5+800 Tỉnh 12B	Đường tránh Huế	0,650
386	Đường Chằm	Đường Tránh Huế	Hết đường BTXM	7,000
387	Tuyến Bình Thành Hương Thọ	Cầu Hữu Trạch	Hương Thọ (Lăng Gia Long)	5,200
388	Lê Văn Miến	Thái Phiên	Tú Xương	0,370
389	Chương Dương	Trần Hưng Đạo (cầu Tràng Tiền)	Trần Hưng Đạo (cầu Gia Hội)	0,526
390	Tân Thiết	Trần Hưng Đạo	Chung Dương	0,086
391	Ngô Nhân Tịnh	Chi Lăng	Hoàng Văn Lịch	0,460
	<b><i>KQH Kim Long</i></b>			
392	Lê Tự Nhiên	Vạn Xuân	Nguyễn Phúc Thái	0,270
393	Bửu Đình	Lê Tự Nhiên	Kiệt Phạm Thị Liên	0,450
394	Mai Khắc Đôn	Nguyễn Phúc Tần	Đường đất	0,450
395	Không tên	Mai khắc Đôn	Công Viên	0,080
396	Không tên	Mai Khắc Đôn	Lê Tự Nhiên	0,110
397	Không tên	Bửu Đình	Lê Tự Nhiên	0,080
398	Không tên (bên chợ)	Nguyễn Phúc Thái	Đường đất	0,100
399	Nguyễn Phúc Tần	Vạn Xuân	Hồ Văn Hiến	0,360
400	Nguyễn Phúc Thái	Bên chợ	Đường cụt	0,750
401	Hồ Văn Hiến	Mai Khắc Đôn	Nguyễn Phúc Thái	0,410
402	Nguyễn Phúc Lan	Mai Khắc Đôn	Hà Khê	0,430
403	Hà Khê	Nguyễn Phúc Thái	Nguyễn Phúc Lan	0,350
	<b><i>KQH Bắc Hương Sơ GD3 mở rộng và bổ sung</i></b>			
404	Đào Doãn Địch	Nguyễn Văn Linh	Đường cụt	0,200
405	Đường Cao Thắng	Nguyễn Văn Linh	Nguyễn Lâm	0,100
406	Đường Nguyễn Lâm	Cao Thắng	Tuyến 3	0,324
407	Nguyễn Duy	Cao Thắng	Tuyến 3	0,300
408	Tuyến 2	Nguyễn Duy	Đường cụt	0,120
409	Đường Tân Sở	Nguyễn Văn Linh	Nguyễn Thông	0,260
410	Thân Trọng Di	Nguyễn Văn Linh	đường BTXM	0,250

411	Nguyễn Phạm Tuấn	Tuyển 1	Tuyển 3	0,200
412	Nguyễn Thông	Tân Sở	Đường cụt	0,180
	<b><i>KQH Bắc Hương Sơ GD1 mở rộng</i></b>			
413	Đường Tôn Thất Đàm	Nguyễn Văn Linh	Đường cụt	0,350
	<b><i>KQH Bãi Dâu</i></b>			
414	Ngô Kha	Phùng Khắc Khoan	Hoàng Văn Lịch	0,636
415	Hoàng Văn Lịch	Nguyễn Hàm Ninh	Không tên	0,744
416	Nguyễn Văn Thoại	Hoàng Văn Lịch	Hồ Quý Ly	0,550
417	Nguyễn Tư Giản	Hoàng Văn Lịch	Lý Văn Phúc	0,200
418	Nguyễn Hàm Ninh	Hoàng Văn Lịch	Đường 26m	0,370
419	Trịnh Hoài Đức	Nguyễn Hàm Ninh	Nguyễn Văn Thoại	0,255
420	Nguyễn Đình Tân	Nguyễn Hàm Ninh	Hoàng Văn Lịch	0,280
421	Lý Văn Phúc	Nguyễn Hàm Ninh	Hoàng Văn Lịch	0,310
422	Hồ Quý Ly	Nguyễn Gia Thiều	Nhà dân	0,470
423	Tuyển số 1	Đường 26m	Nguyễn Đ. Tân	0,115
424	Tuyển số 2	Ngô Kha	Hoàng Văn Lịch	0,050
425	Không Tên	Hồ Quý Ly	Hoàng Văn Lịch	0,115
	<b><i>KQH Thị Sắt</i></b>			
426	Tuyển số 1	Ngô Kha	Tuyển số 2	0,100
427	Tuyển số 2	Tuyển số 1	Đoàn Nguyễn Tuấn	0,070
428	Đoàn Nguyễn Tuấn	Ngô Kha	Đường cụt	0,195
429	Nguyễn Huy Lượng	Đoàn Nguyễn Tuấn	Tuyển số 3	0,150
430	Tuyển số 3	Nguyễn Huy Lượng	Đường cụt	0,075
431	Tuyển số 4	Đoàn Nguyễn Tuấn	Bùi Dương Lịch	0,060
432	Bùi Dương Lịch	Ngô Kha	Tuyển số 4	0,095
	<b><i>Khu tái định cư chợ Xếp Thuận Lộc</i></b>			
433	Tuyển số 1	Kiệt 57 PĐình Hồ	Tuyển số 2	0,044
434	Tuyển số 2	Tuyển số 1	Tuyển số 3	0,038
435	Tuyển số 3 (đọc bờ hồ)	Tuyển số 2	Tuyển số 4	0,054
436	Tuyển số 4	Tuyển số 3	Tuyển số 1	0,042
	<b><i>Khu Tái định cư Hương Sơ GD 1</i></b>			
437	Phạm Thận Duật	Nguyễn Văn Linh	Tuyển số 9	0,248
438	Mai Lượng	Nguyễn Văn Linh	Tuyển số 9	0,245
439	Nguyễn Thị Hựu	Tuyển 17	Tuyển 8	0,107
440	Phạm Bành	Phạm Thận Duật	Tuyển số 6	0,285
441	Cầm Bá Thước	Phạm Thận Duật	Tuyển số 6	0,297
442	Nguyễn Ngọc Thăng	Phạm Thận Duật	Mai Lượng	0,202
443	Nguyễn Thị Hựu	Mai Lượng	Tuyển số 6	0,105
	<b><i>Khu Tái định cư Hương Sơ GD 2</i></b>			
444	Nguyễn Duy Hiệu	Phạm Bành	Phan Bá Phiến	0,244
445	Phạm Thận Duật	Tuyển số 9	Phan Bá Phiến	0,123
446	Phạm Bành	Phạm Thận Duật	Cần Vương	0,159

447	Cầm Bá Thước	Phạm Thận Duật	Nguyễn Duy Hiệu	0,123
448	Nguyễn Ngọc Thăng	Phạm Thận Duật	Nguyễn Duy Hiệu	0,123
449	Hùng Lĩnh	Phạm Thận Duật	Nguyễn Duy Hiệu	0,132
450	Phan Bá Phiến	Phạm Thận Duật	Cần Vương	0,161
	<b>Hạ tầng kỹ thuật khu định cư Hương Long giai đoạn 2</b>			
451	Tuyến số 1	Sư Vạn Hạnh	Nguyễn Phúc Chu	0,310
452	Tuyến số 2	Tuyến số 1	KQH Hương Long GĐ1	0,045
453	Tuyến số 3	Tuyến số 1	KQH Hương Long GĐ1	0,045
	<b>Khu QH tổ 11 (di tích, thượng thành), phường Hương Sơ</b>			
454	Tuyến số 1 DT	Nguyễn Văn Linh	Lê Minh Trường	0,161
455	Nguyễn Đóa	Tuyến số 1	Mê Linh	0,330
456	Phan Cảnh Kế	Mê Linh	Tuyến số 1 DT	0,320
457	Lê Minh Trường	Tân Đà	Mê Linh	0,426
458	Tuyến số 4 DT	Phan Cảnh Kế	Tuyến số 7 DT	0,049
459	Tuyến số 4 TT	Hoa Lư	Đường cụt	0,131
460	Tuyến số 5 DT	Tân Đà	Tuyến số 1 DT	0,073
461	Tuyến số 5 TT	Mê Linh	Đường cụt	0,341
462	Hoa Lư	Nguyễn Văn Linh	Tuyến số 5 TT	0,254
463	Mê Linh	Nguyễn Văn Linh	Tuyến số 5 TT	0,282
464	Tuyến số 7 DT	Nguyễn Đóa	Phan Cảnh Kế	0,115
465	Tuyến số 8 TT	Lê Minh Trường	Tuyến số 5 TT	0,089
466	Tuyến số 9 TT	Lê Minh Trường	Tuyến số 5 TT	0,089
467	Tuyến số 10 TT	Lê Minh Trường	Tuyến số 5 TT	0,089
468	Tuyến A TT	Phan Cảnh Kế	Nguyễn Đóa	0,071
469	Tuyến B TT	Phan Cảnh Kế	Nguyễn Đóa	0,076
	<b>Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Hương Sơ giai đoạn 4(gói thầu 10+20+KV3)</b>			
470	Mai lượng	Nguyễn Ngọc Thăng	Ba Đình	0,682
471	Đức Bưu1+Tuyến 50 (KV3)	Cầm Bá Thước	Trần Văn Dư	0,469
472	Đức Bưu 3	Đức Bưu 1	Đức Bưu	0,328
473	Phan Bá Phiến	Đức Bưu 3	Phạm Thận Duật	0,332
474	Đức Bưu	Nguyễn Đăng Long	Phạm Thận Duật	0,550
475	Trần Trọng Cung	Mai Lượng	Phạm Thận Duật	0,252
476	Tạ Hiện	Mai Lượng	Phạm Thận Duật	0,272
	<b>Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc Hương Sơ (khu vực 1)</b>			
477	Phạm Thận Duật	Trần Văn Dư	Nguyễn Ảnh Thủ	0,105
478	Hoàng Bất Đạt	Tạ Hiện	Nguyễn Ảnh Thủ	0,168
	<b>Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc Hương Sơ (khu vực 1+ 3)</b>			

479	Nguyễn Đăng Long	Đức Bưu 2	Nguyễn Anh Thủ	0,342
480	Nguyễn Anh Thủ	Phạm Thận Duật	Nguyễn Đăng Long	0,597
481	Trần Văn Dư	Phạm Thận Duật	Nguyễn Đăng Long	0,573
482	Đức Bưu 5	Đức Bưu 2	Nguyễn Anh Thủ	0,342
483	Đức Bưu 6	Đức Bưu 5	Nguyễn Đăng Long	0,132
484	Đức Bưu 4	Đức Bưu 5	Nguyễn Đăng Long	0,132
485	Đức Bưu 2	Đức Bưu 5	Nguyễn Đăng Long	0,132
486	Huỳnh Bá Chánh	Phạm Thận Duật	Nguyễn Đăng Long	0,583
	<b><i>Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc Hương Sơ (khu vực 2+4+5)</i></b>			
487	Phan Đình Thông	Nguyễn Liên Phong	Mai Lượng	1,174
488	Nguyễn Thành + tuyến số 9 (KV5)	Bao Mỹ 1	Ba Đình	0,563
489	Bao Mỹ 1	Nguyễn Thành	Nguyễn Liên Phong	0,370
490	Bao Mỹ 2	Nguyễn Thành	Bao Mỹ 6	0,177
491	Bao Mỹ 3	Bao Mỹ	Nguyễn Liên Phong	0,144
492	Bao Mỹ 4	Bao Mỹ 5	Bao Mỹ 7	0,085
493	Bao Mỹ 5	Nguyễn Thành	Nguyễn Liên Phong	0,343
494	Bao Mỹ 6	Bao Mỹ 1	Bao Mỹ 7	0,202
495	Bao Mỹ 7	Nguyễn Thành	Nguyễn Liên Phong	0,297
496	Bao Mỹ 8	Bao Mỹ 7	Bao Mỹ 3	0,215
497	Bao Mỹ 9	Nguyễn Thành	Nguyễn Liên Phong	0,279
498	Bao Mỹ 10	Bao Mỹ 7	Bao Mỹ 3	0,242
499	Bao Mỹ 11	Nguyễn Thành	Nguyễn Liên Phong	0,277
500	Bao Mỹ 13	Bao Mỹ	Nguyễn Liên Phong	0,136
501	Nguyễn Liên Phong	Bao Mỹ 21	Bao Mỹ 1	0,818
502	Bao Mỹ	Bao Mỹ 21	Bao Mỹ 1	0,738
503	Bao Mỹ 14	Bao Mỹ 17	Bao Mỹ 15	0,112
504	Bao Mỹ 12	Bao Mỹ 17	Bao Mỹ 15	0,112
505	Bao Mỹ 21	Nguyễn Liên Phong	Bao Mỹ	0,136
506	Ba Đình	Nguyễn Liên Phong	Mai Lượng	0,803
507	Bao Mỹ 19	Nguyễn Liên Phong	Nguyễn Thành	0,277
508	Bao Mỹ 15	Nguyễn Liên Phong	Nguyễn Thành	0,277

509	Bao Mỹ 17	Nguyễn Liên Phong	Nguyễn Thành	0,277
	<b>Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc Hương Sơ (khu vực 6+7)</b>			
510	Bãi Sậy	Phan Đình Thông	Mai Lượng	0,313
511	Bãi Sậy 1	Phan Đình Thông	Nguyễn Cao	0,392
512	Bãi Sậy 2	Đình Gia Quế	Bãi Sậy	0,119
513	Bãi Sậy 3	Phan Đình Thông	Nguyễn Cao	0,473
514	Bãi Sậy 4	Lê Mô Khởi	Nguyễn Cao	0,456
515	Lê Mô Khởi	Mai Lượng	Nguyễn Cao	0,552
516	Đình Gia Quế	Bãi Sậy	Mai Lượng	0,206
	<b>Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc Hương Sơ (khu vực 7)</b>			
517	Nguyễn Cao	Phan Đình Thông	Ba Đình	0,313
518	Diệp Văn Kỳ	Nguyễn Cao	Tân Đà	0,126
519	Phạm Văn Nghị	Phan Đình Thông	Ba Đình	0,313
	<b>Khu tái định cư Kim Long GD 5</b>			
520	Tuyến Số 1	Nguyễn Hoàng	Tuyến số 5	0,244
521	Tuyến Số 7	Nguyễn Hoàng	Tuyến số 5	0,241
522	Tuyến Số 5	Tuyến số 7	Tuyến số 1	0,110
523	Tuyến Số 10	Tuyến số 4	Tuyến số 3	0,780
524	Tuyến Số 3	Phạm thị liên	Tuyến số 7	0,273
525	Tuyến Số 9	Tuyến số 4	Tuyến số 3	0,840
526	Tuyến Số 11	Tuyến số 3	Tuyến số 4	0,780
527	Tuyến Số 12	Tuyến số 3	Tuyến số 4	0,780
528	Tuyến Số 4	Tuyến số 7	Phạm Thị Liên	0,286
529	Tuyến Số 2	Tuyến số 3	Nhà dân	0,138
	<b>Khu tái định cư Kim Long GD 5 giai đoạn 2 (2,9 ha)</b>			
530	Tuyến 1	Nút giao N14	Tuyến số 2	0,091
531	Tuyến 2	Nút giao N18	Tuyến số 8	0,197
532	Tuyến 5	Tuyến số 7	Tuyến số 8	0,047
533	Tuyến 6	Nút giao N3	Tuyến số 2	0,090
534	Tuyến 7	Tuyến số 2	Tuyến số 5	0,091
535	Tuyến 8	Tuyến số 2	Tuyến số 5	0,094
	<b>HTKT khu dân cư phía Bắc Hương Sơ (khu vực 8)</b>			
536	Nguyễn Đình Thông	Mai Lượng	Phạm Thận Duật	0,316
537	Nguyễn Đăng Long	Nguyễn Anh Thủ	Phan Đình Thông	0,038
538	Mai Lượng	Nguyễn Anh Thủ	Phan Đình Thông	0,044
539	Phạm Thận Duật	Nguyễn Anh Thủ	Phan Đình Thông	0,070
540	Nguyễn Anh Thủ	Nguyễn Đăng Long	Trần Quý Khoáng	0,140
541	Trần Văn Dư	Nguyễn Đăng Long	Đường cụt	0,089
542	Huỳnh Bá Chánh	Nguyễn Đăng Long	Trần Quý Khoáng	0,136
543	Trần Quý Khoáng	Nguyễn Anh Thủ	Huỳnh Bá Chánh	0,057
544	Trần Quý Khoáng	Đức Bưu	Đường cụt	0,194

545	Đức Bưu 7	Trần Văn Dư	Đức Bưu	0,111
546	Đức Bưu	Nguyễn Đăng Long	Trần Quý Khoáng	0,125
547	Đức Bưu 6	Nguyễn Đăng Long	Trần Quý Khoáng	0,123
548	Đức Bưu 4	Nguyễn Đăng Long	Trần Quý Khoáng	0,120
549	Đức Bưu 2	Nguyễn Đăng Long	Trần Quý Khoáng	0,117
	<b><i>Hạ tầng kỹ thuật khu định cư Hương Long giai đoạn 1</i></b>			
550	Lê Quang Quận	Sư Vạn Hạnh	Nguyễn Phúc Chu	0,275
551	Hương Bình	Lê Quang Quận	Kiệt 34 Lê Quang Quyền	0,197
552	Nhánh 1 đường Hương Bình	Hương Bình	Xuân Hòa	0,051
553	Đường Xuân Hòa	Lê Quang Quận	Nguyễn Phúc Chu	0,209
	<b><i>Khu QH Phú Hiệp</i></b>			
554	Bùi Hữu Nghĩa	Thế Lại	Phùng Khắc Khoan	0,270
555	Thế Lại	Cao Bảo Quát	Đường chưa đặt tên	0,200
556	Trần Quang Long	Cao Bảo Quát	Đường cụt	0,260
557	Tuyến số 1	Thế Lại	Kiệt 320 Bạch Đằng	0,500
558	Tuyến số 2	Đường chưa đặt tên	Đường chưa đặt tên	0,170
559	Tuyến số 3	Phùng Khắc Khoan	Đường chưa đặt tên	0,120
	<b><i>Khu QH tổ 11 (di tích, thượng thành) phường Hương Sơ</i></b>			
560	Tuyến số 12	Tuyến số 1 DT	Hoa Lư	0,143
561	Tuyến số 17	Phan Cảnh Kế	Tuyến số 12	0,035
562	Phú Mộng	Kim Long	Vạn Xuân	1,025
563	Hoàng Xuân Hãn	Sn 376 Tăng Bạt Hồ	Sn 265 Đào Duy Anh	0,270
564	Tô Ngọc Vân	Lê Văn Hưu	Trần Quý Cáp	0,476
565	Trần Huy Liệu	Cửa Ngăn	Cuối Kiệt	0,650
566	Nguyễn Hữu Dật	Lý Nam Đế	Cuối thôn	1,972
567	Nguyễn Đăng Đệ	Lý Thái Tổ	Cổng làng Cổ Bưu	1,692
568	An Ninh	Nguyễn Hoàng	Kiệt 32 Nguyễn Phúc Chu	0,760
569	Nguyễn Phúc Chu	Nguyễn Phúc Nguyên	Phạm Tu	1,525
570	Lê Quang Quyền	Nguyễn Phúc Nguyên	Khu Quy hoạch	0,573
571	Hồ Thị Lữ	Lý Nam Đế	156/240 Lý Nam Đế	0,977

572	Triệu Túc	Lý Nam Đé	Sn 2/68 Nguyễn Hữu Dật	0,872
573	Nguyễn Phúc Thụ	Lý Nam Đé	Lý Nam Đé	1,130
574	Bà Nguyễn Đình Chi	Nguyễn Phúc Nguyên	Nguyễn Phúc Chu	0,416
575	Phan Trọng Tịnh	Nguyễn Phúc Nguyên	Kiệt 40 Nguyễn Phúc Chu	0,300
576	Phạm Tu	Sư Vạn Hạnh	Cầu Chợ Thông	0,870
577	Đường liên phường (Hương Long - An Hòa)	Nguyễn Đăng Đệ	Kiệt 28 Nguyễn Hữu Dật	1,526
578	Triều Sơn Tây	Lý Thái Tổ	Chùa Triều Sơn Tây	0,795
579	Mai Lão Bạ	Đặng Tất	Nhà thờ Đốc Sơ	0,325
580	Đốc Sơ	Cống bản	SN 57 Trần Quý Khoáng	1,790
581	Nguyễn Bá Học	Chùa Lệ Khê	Cuối đường	1,065
582	Trần Quý Khoáng	Đặng Tất	La Khê	2,321
583	Đặng Chiêm	Đặng Tất	SN 266 Nguyễn Văn Linh	0,550
584	Nguyễn Đăng Thịnh	Lý Thần Tông	Kim Phụng (đường tránh Huế)	1,100
585	Bồn Tri	Kim Phụng (đường tránh Huế)	Cầu Bồn Tri	1,000
586	Thanh Chử	Đường WB	Giao đường gom chắn tàu	1,034
587	Lự Bảo	Lý Thần Tông	Lý Nam Đé	1,711
588	Hồ Thừa	Văn Thánh	Khu tái Định Cư	0,838
589	Huỳnh Đình Túc	Văn Thánh	Lê Đức Toàn	0,290
590	Lê Đức Toàn	Văn Thánh	Trường Tiểu Học	0,394
591	Đoàn Văn Sách	Văn Thánh	Phạm Triệt	0,383
592	Lê Quang Việp	Phạm Triệt	Long Hồ	0,383
593	Phạm Triệt	Phạm Triệt	Sông Hương	0,340
594	La Khê	Trần Quý Khoáng	Nguyễn Văn Linh	0,337
595	Nê Ngõa	Nguyễn Văn Linh	Thanh Hà	0,272
	<b><i>HTKT khu đất xen ghép tổ 6 Khu vực 3, phường Kim Long</i></b>			
596	Tuyến số 1	Mai Khắc Đôn	Cuối tuyến	0,255
597	Tuyến số 2	Tuyến số 1	Tuyến số 3	0,156
598	Tuyến số 3	Tuyến số 1	Nguyễn Phúc Thái	0,163
599	Tuyến số 4	Tuyến số 3	Cuối tuyến	0,100
600	Tuyến số 5	Tuyến số 3	Tuyến số 7	0,046

601	Tuyến số 6	Tuyến số 3	Cuối tuyến	0,054
602	Tuyến số 7	Tuyến số 1	Tuyến số 6	0,135
603	Tuyến số 8	Tuyến số 1	Cuối tuyến	0,019
	<b>HTKT khu dân cư phía Bắc Hương Sơ (khu vực 9)</b>			
604	Tuyến đường QH số 5 (lộ giới 18.9 m)	Đường QH số 1	Đường QH số 6	0,527
605	Tuyến đường QH số 6 (lộ giới 19.5 m)	Đường QH số 4	Đường QH số 5	0,154
606	Tuyến đường QH số 11 (lộ giới 16.5 m)	Đường QH số 4	Đường QH số 5	0,154
607	Tuyến đường QH số 12 (lộ giới 16.5 m)	Đường QH số 4	Đường QH số 5	0,154
608	Tuyến đường QH số 34 (lộ giới 16.5 m)	Đường QH số 4	Đường QH số 5	0,154
609	Tuyến đường QH số 35 (lộ giới 16.5 m)	Đường QH số 11	Đường QH số 12	0,171
610	Tuyến đường QH số 36 (lộ giới 16.5 m)	Đường QH số 11	Đường QH số 12	0,171
<b>C</b>	<b>ĐƯỜNG TIẾP NHẬN MỚI</b>			<b>325,965</b>
	<b>C.1-ĐƯỜNG PHƯỜNG PHÚ XUÂN</b>			<b>0,300</b>
	Các tuyến đường đặt tên theo Nghị Quyết 43/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế (khu vực phường Phú Hậu cũ)			
611	Phạm Ngọc Thảo	Hồ Quý Ly	Ngô Nhân Tịnh	0,300
	<b>C.2-ĐƯỜNG PHƯỜNG HƯƠNG AN</b>			<b>2,360</b>
	Các tuyến đường đặt tên theo Nghị Quyết 43/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế (khu vực phường Hương Sơ cũ)			
612	Lễ Khê 1	Chung cư Vạn đồ	Nguyễn Bá Học	0,300
613	Lễ Khê 3	Chung cư Vạn đồ	Lễ Khê 8	0,250
614	Lễ Khê 5	Lễ Khê 2	Lễ Khê 10	0,185
615	Lễ Khê 7	Lễ Khê 2	Lễ Khê 10	0,160
616	Lễ Khê 2	Lễ Khê 1	Lễ Khê 7	0,335
617	Lễ Khê 4	Lễ Khê 1	Lễ Khê 3	0,125
618	Lễ Khê 6	Lễ Khê 5	Lễ Khê 7	0,140
619	Lễ Khê 8	Lễ Khê 1	Lễ Khê 7	0,335
620	Lễ Khê 10	Kiệt 67 đường Nguyễn Bá Học	Lễ Khê 7	0,250
621	Hoa Lư 1	Hoa Lư	Hoa Lư 2	0,130
622	Hoa Lư 2	Nguyễn Văn Linh	Lê Minh Trường	0,150

	<b>C.3-ĐƯỜNG PHƯỜNG THUẬN HÓA</b>			<b>0,904</b>
623	Nguyễn Văn Huyền	Tôn Đức Thắng	Ng.T.M. Khai	0,280
		Nguyễn Văn Huyền	Lê Quý Đôn	0,110
624	Nam Giao	Minh Mạng	Tam Thai	0,514
	<b>C.4-ĐƯỜNG PHƯỜNG VỸ DẠ</b>			<b>4,910</b>
625	Lâm Hoàng nói dài	Phạm Văn Đồng	Xuân Thủy nói dài	0,120
626	Pác Pó	Phạm Văn Đồng	Trương Gia Mô	0,120
627	Hồng Khăng	Phạm Văn Đồng	Tùng Thiện Vương	0,250
628	Lê Hồng Sơn	Lê Quang Đạo	Trần Hữu Dực	0,140
629	Trần Hữu Dực	Tố Hữu	Kiệt 177 Trường Chinh	0,230
630	Lưu Hữu Phước nói dài	Phạm Văn Đồng	Trương Gia Mô	0,130
631	Xuân Thủy nói dài	Diễn Phái	Lâm Hoàng	0,090
632	Hàn Mặc Tử (nói dài)	Nguyễn Sinh Sắc	Cầu vượt sông Như Ý	0,730
633	Trần Thị Nuôi	Trương Hữu Hoàng	Dạ Lê Chánh	0,400
634	Dạ Lê Chánh	Võ Chí Công	Cầu Uẩn	0,750
635	Nguyễn Thị Diễm	Trương Hữu Hoàng	Cụt	1,300
636	Nguyễn Lâm	Lê Đức Anh	Cụt	0,350
637	Nguyễn Việt Phong	Lê Đức Anh	Kiệt 13 Xuân Hòa	0,300
	<b>C.5-ĐƯỜNG PHƯỜNG AN CỤU</b>			<b>5,199</b>
638	Lương Văn Can	Phan Chu Trinh	Duy Tân	0,318
639	Lê Khắc Quyến	Nguyễn Khánh Toàn nói dài	Tôn Thất Dương Kỳ	0,215
640	Nguyễn Hữu Ba	Nguyễn Khánh Toàn nói dài	Tôn Thất Dương Kỳ	0,255
		Nguyễn Hữu Ba	Tôn Thất Dương Kỳ	0,058
641	Nguyễn Khánh Toàn	Hồ Đắc Di	Nguyễn Khoa Chiêm	0,610
642	Trần Đại Nghĩa nói dài	Trần Lư	Võ Văn Kiệt	0,654
643	Lương Nhữ Học	Trần Đại Nghĩa	Nguyễn Hữu Thận	0,714
644	Võ Quý Huân	Trần Lư	Trần Đại Nghĩa	0,087
645	KQH Đại học Huế (Xóm Gióng 6 tuyến chưa đặt tên)	KQH Xóm Gióng	KQH Xóm Gióng	0,730
646	K19 Đặng Văn Ngữ	Đường Đặng Văn Ngữ	Hồ Sinh Thái	0,166
	<b>HTKT khu TĐC Đông Nam Thủy An</b>			

647	Tuyến 1			0,124
648	Tuyến 2			0,124
649	Tuyến 3			0,124
650	Tuyến 4			0,124
651	Tuyến 5			0,124
652	Tuyến 6			0,092
653	Tuyến 7			0,162
654	Tuyến 8			0,216
655	Tuyến 9			0,303
	<b>C.6-ĐƯỜNG PHƯỜNG THỦY XUÂN</b>			<b>9,784</b>
656	Nguyễn Trung Ngạn	Hoài Thanh	Huyện Trần Công Chúa	0,155
657	Phạm Đình Toái	Hoài Thanh	Huyện Trần Công Chúa	0,150
658	Phan Kế Bính	Hoài Thanh	Đường cụt	0,325
659	Dương Quảng Hàm	Phan Kế Bính	Đường BTXM	0,190
660	Đường Trung tâm xã	Đầu nối đường tỉnh lộ 25	Đường tránh Huế	4,300
661	Thu Bồn (Đường liên thôn T3-H2-H1 cũ)	Kiệt 84 Lê Ngô Cát	Kiệt tổ 8 Hạ 1	1,437
662	Nguyễn Văn Đào (Cũ kiệt 213 Bùi Thị Xuân)	Số nhà 51 Nguyễn Văn Đào	Kiệt 137 Thích Tịnh Khiết	0,694
663	Thân Trọng Phước	Đường Nguyệt Biều	Đường Lương Quán	0,585
664	KQH Đồng Cát (Tuyến 1)	Tỉnh lộ 25	Hết đường quy hoạch	0,210
665	KQH Đồng Cát (Tuyến 2)	Tỉnh lộ 25	Hết đường quy hoạch	0,130
666	KQH Đồng Cát (Tuyến 3)	Đường liên phường xã	Hết đường quy hoạch	0,250
667	KQH Đồng Cát (Tuyến 4)	Thửa 415, KQH	Hết đường quy hoạch	0,204
668	KQH Đồng Cát (Tuyến 5)	Thửa 415, KQH	Hết đường quy hoạch	0,204
669	Đường vào Hồ Thủy Tiên	Đầu nối đường tỉnh lộ 25	Hồ Thủy Tiên	0,950
	<b>C.7-ĐƯỜNG PHƯỜNG HÓA CHÂU</b>			<b>7,133</b>
670	Đường WB	Nguyễn Văn Linh	Tỉnh 4	1,773
671	Trường Tiểu học Quảng An -cổng làng mới Thôn Phú Lương A	Trường Tiểu học Quảng An	Cổng làng mới Thôn Phú Lương A	1,600
672	Đường Quốc Phòng	Cầu Thảo Long	Cồn Tè	2,660
	<b>Các tuyến đường đặt tên theo</b>			

	<b>Nghị Quyết 43/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế (khu vực phường Hương Vinh cũ)</b>			
673	Hoa Lư 3	Hoa Lư	Mương thủy lợi	0,200
674	Tràng An	Mê Linh	Mương thủy lợi	0,600
675	Tràng An 1	Tràng An	Lê Minh Trường	0,100
676	Tràng An 3	Tràng An	Lê Minh Trường	0,100
677	Tràng An 5	Tràng An	Lê Minh Trường	0,100
	<b>C.8-ĐƯỜNG PHƯỜNG MỸ THƯỢNG</b>			<b>19,737</b>
678	Diệu Quang	Lại Thế	Xóm Ngọc Anh	0,660
679	Châu Văn Hùng	Lại Thế	Nguyễn Đình Tứ (Tỉnh 10A)	0,650
680	Hoàng Trọng \Mậu	Lại Thế	Nguyễn Đình Tứ (Tỉnh 10A)	0,850
681	Đường Pha	Nguyễn Đình Tứ (Tỉnh 10A)	Diệu Quang	0,419
682	Đường Pha 1	Đường Pha	Hoàng Trọng Mậu	0,085
683	Đường Pha 2	Đường Pha	Hoàng Trọng Mậu	0,090
684	Đường Pha 3	Đường Pha	Hoàng Trọng Mậu	0,098
685	Đường Pha 4	Đường Pha	Hoàng Trọng Mậu	0,105
686	Đường Pha 5	Đường Pha	Đường Pha 4	0,150
687	Võ Tử Thành	Gia Lạc	Cầu Phở Minh	1,000
688	Phạm Bá Nguyên	Nguyễn Thị Thanh	Thuận An	0,850
689	Nguyễn Như Chương	Nguyễn Đình Tứ (Tỉnh 10A)	Nguyễn Đình Bảy	0,950
690	Đào Duy Tùng	Nguyễn Đình Bảy	Trường THCS Phú Thượng	0,500
691	Phổ Nam	Gia Lạc	Phạm Văn Đồng	1,000
692	Phú Mỹ - Phú Lương (từ chùa Dưỡng Mong, xã Phú Mỹ đến cầu Lương Văn, xã Phú Lương)	Chùa Dưỡng Mong (Phú Mỹ)	Võ Chí Công	0,900
		Võ Chí Công	Gần chợ Sam (Phú Mỹ)	3,200
693	Phú Mỹ - Phú An	Đường Tỉnh 10A	Cầu Diên Trường	4,500
694	Đường Phú An đến Thôn Định cư	Đài tưởng niệm liệt sĩ Phú An	Đầm chuồn Hương Quán	3,450
	<b>Các tuyến đường đặt tên theo Nghị Quyết 43/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế (phường Phú Thượng cũ)</b>			

695	Đình Thị Con	Nguyễn Như Chương	Xóm 10 Ngọc Anh	0,280
	<b>C.9-ĐƯỜNG PHƯỜNG ĐƯƠNG NỖ</b>			<b>3,740</b>
696	Đường Trung tâm xã - Đường trực thôn Thanh Đàm	Tỉnh lộ 2	Cầu Quy Lai	0,600
		Tỉnh lộ 2	Đình làng Thanh Đàm	0,340
697	Đường liên thôn Tiên Nộn	Cổng làng	Chùa Tiên Nộn	1,300
698	Đường ven sông Phở Lợi	Cầu Chợ Nọ	Cầu Mỹ An	1,500
	<b>C.10-ĐƯỜNG PHƯỜNG THUẬN AN</b>			<b>25,302</b>
699	Đoàn Trực	Kinh Dương Vương	Hồng Bàng	0,550
700	Đặng Trần Siêu	Đoàn Trực	Đường ra cồn Hạp Châu	0,750
701	Hồng Bàng	Kinh Dương Vương	Đoàn Trực	0,560
		Kinh Dương Vương (đổi diện UB phường)	Đoàn Trực	1,000
702	Nguyễn Thị Lợi	Kinh Dương Vương	Hồ nuôi trồng thủy sản	0,730
703	Đông Sơn	Hồng Bàng	Luy Lâu	0,460
704	Võ Trường Toàn	Kinh Dương Vương	Hồ nuôi trồng thủy sản	0,700
705	Luy Lâu	Kinh Dương Vương	Luy Lâu	0,200
706	Hoàng Sa	Nhà Hà Trọng Nhơn	Nhà Trần Sát	1,960
707	Triệu Việt Vương	Kinh Dương Vương	Nhà Nguyễn Sự	0,850
708	Lê Quang Định	Kinh Dương Vương	Nhà Nguyễn Con	0,775
709	Đường ra cồn Hạp Châu	Kinh Dương Vương	Cồn Hạp Châu	0,850
710	Nguyễn Cầu	Kinh Dương Vương	Cầu bê tông	0,194
		Cầu bê tông	Nhà Hồ Biên	0,231
711	Đồng Sĩ Bình	Nguyễn Cầu	Trường MN Phú Tân	0,520
712	Thủy Tú	Quốc lộ 49	Nhà Nguyễn Văn Kha	0,835
713	Hoàng Quang	Quốc lộ 49	Nhà Phạm Văn Thuận	0,725
714	Lê Sĩ	Hoàng Quang	Trần Hải Thành (QL49)	0,235

		Trần Hải Thành (QL49)	Đường bãi tắm Thuận An	0,285
715	Trương Thiều	Quốc lộ 49	Trường MN Thuận An	0,540
716	Thai Dương	Nhà Nguyễn Vĩnh Sang	Nhà Ngô Đức Bé	1,095
717	Tư Vinh	Nhà Trần Thế	Nhà Ông Lập	1,400
718	Hồ Văn Đỗ	Nhà Cao Hoàng Thông	Buru điện văn hóa làng Ròng	0,390
719	Bà Sen	Thai Dương	Nhà Nguyễn Vinh	0,260
720	Đường bãi tắm Thuận An	Giáp đường Lê Sĩ	Giáp xã Phú Thuận	0,380
721	Liên thôn Hoà Duân - An Dương	Đường xóm Xuân An 11	Giáp Phú Hải	2,327
722	Liên xã Hải Dương	Cầu Tam Giang	Biển	6,500
	<b>C.11-ĐƯỜNG PHƯỜNG HƯƠNG THỦY</b>			<b>7,060</b>
723	Võ Xuân Lâm	Thuận Hóa	Trần Hoàn (Tỉnh 10E)	2,280
724	Quang Trung	Vân Dương	Thuận Hóa	1,630
725	Sóng Hồng	RG Phú Bài	NT Phương	1,200
726	Trung Nữ Vương	RG Phú Bài	Lê Thanh Nghị	0,750
727	Vân Dương	RG Phú Bài	Võ Trác	1,200
	<b>C.12-ĐƯỜNG PHƯỜNG THANH THỦY</b>			<b>46,994</b>
728	Trung Nữ Vương	Võ Văn Kiệt	Cầu hồ Châu Sơn	7,000
729	Lợi Nông	Võ Chí Công	Tỉnh lộ 3	3,500
730	Đại Giang	Võ Chí Công	Tỉnh lộ 3	3,500
731	Liên xã Thanh - Vân	Tỉnh lộ 1	Trương Hữu Hoàng	4,000
732	Phùng Quán	Nguyễn Tất Thành (QL1)	Đường tránh thành phố Huế (tiếp giáp khu vực phường Thủy Xuân)	5,800
733	Khúc Thừa Dụ	Khu Đông Nam Thủy An (đường Phạm Văn Thanh)	Võ Trọng Bình	3,000
734	Tôn Thất Sơn	Nguyễn Tất Thành (QL1)	Đường tránh thành phố Huế	2,700

735	Dương Thiệu Tước	Trung Nữ Vương	Giáp Phường An Cựu (đường Nguyễn Hữu Cảnh)	2,100
736	Đường Trung tâm xã Thủy Thanh	Tỉnh lộ 1	Trương Hữu Hoàng	1,250
	<b>Các khu quy hoạch, khu dân cư</b>			
737	Khu dân cư và tái định cư Hói Sai Thượng			1,655
738	Khu dân cư Hói Cây Sen			2,534
739	Khu dân cư liền kề khu đô thị mới CIC8			2,733
740	Khu dân cư Thanh Lam			2,506
741	Khu quy hoạch Tổ 9, Tổ 14			2,900
742	Khu quy hoạch Vịnh Mộc			1,162
743	Khu quy hoạch dân cư Tổ 12 (nay là Tổ 9A)			0,333
744	Khu quy hoạch dân cư Nguyễn Văn Chư			0,321
	<b>C.13-ĐƯỜNG PHƯỜNG PHÚ BÀI</b>			<b>11,890</b>
745	Vân Dương	Sóng Hồng	GR Thủy Châu	0,540
746	Sóng Hồng	PB - PT	Đỗ Nam	2,900
747	Trung Nữ Vương	Đường 2/9	RG Thủy châu	1,200
748	Liên xã Thủy Phù -Phú Sơn	QL 1A	Dốc Chàn	7,250
	<b>C.14-ĐƯỜNG XÃ PHÚ VANG</b>			<b>22,900</b>
749	Phú Xuân - Vinh Hà (từ Diên Đại đường Tỉnh 18 - Chợ Vinh Hà, dài 18,4 Km)	Giáp xã Phú Xuân	Giáp xã Vinh Phú	5,400
		Giáp thị trấn Phú Đa	Giáp xã Vinh Hà	7,200
		Giáp xã Phú Gia (Vinh Phú)	Chợ Hà Trung	0,400
750	Phú Đa - Vinh Hà (từ Nam Châu, Phú Đa - Vinh Thái, dài 9,9 Km)	Võ Phi Trắng	Giáp xã Phú Gia	5,500
		Giáp Phú Đa	Giáp Vinh Hà	3,700
		Giáp Phú Gia	Đường HCR (Vinh Hà)	0,700
	<b>C.15-ĐƯỜNG XÃ PHÚ VINH</b>			-
	<b>C.16-ĐƯỜNG XÃ PHÚ HỒ</b>			<b>16,570</b>
751	Phú Xuân - Vinh Hà (từ Diên Đại đường Tỉnh 18 - Chợ Vinh Hà, dài 18,4 Km)	Diên Đại, xã Phú Xuân	Giáp thị trấn Phú Đa	5,600
752	Phú Lương - Phú Hồ (từ Vĩnh Lưu,	Vĩnh Lưu, TL 10A	Giáp xã Phú Hồ	4,600

	TL 10A - Sư Lỗ, TL3, dài 7,4 Km)			
		Giáp xã Phú Lương	Tỉnh lộ 3	0,900
		Tỉnh lộ 3	Tuyến Phú Mỹ - Phú Lương	1,900
753	Đường liên thôn	Tuyến Phú Lương- Phú Hồ (chùa Lương Lộc)	TL10A- Nguyễn Đức Xuyên	3,570
	<b>C.17-ĐƯỜNG XÃ PHÚ LỘC</b>			<b>22,240</b>
754	Bạch Mã	Lý Tháng Tông	Vườn Quốc gia Bạch Mã	3,600
755	Đường vào Khe Su	Thị trấn Phú Lộc (cầu Bù Lùi)	Thôn Khe Su	2,430
756	Đoàn Trọng Truyền	Lý Thánh Tông	Cầu Đông Hải	3,250
757	Đường Ven đầm Cầu Hai	Cầu Đông Hải	Ngã tư cây Sen	3,690
758	Hoàng Đức Trạch	Trần Đình Túc	Cầu Khe Thị	2,900
759	Đường liên xã tiếp nối thị trấn Phú Lộc (cũ)	Cầu Khe Thị	Quốc lộ 1A (quán Vũng Tàu)	2,620
760	Nhị Hồ	Quốc lộ 1A	Thác Nhị Hồ	3,750
	<b>C.18-ĐƯỜNG XÃ HƯNG LỘC</b>			<b>12,000</b>
761	Từ Quốc lộ 1A đi thôn Mười Thủy Phù (thôn Bình An)	Quốc lộ 1A	Thôn Mười Thủy Phù (thôn Bình An)	4,300
762	Đường An-Sơn-Bồn đi Thuận Hóa	An-Sơn-Bồn	Quốc lộ 1A	1,700
763	Đường Hòa Mỹ-Lộc An-Thuận Hóa	Quốc lộ 1A	Hòa Mỹ-Lộc An- Thuận Hóa	2,500
764	Từ quốc lộ 1 A vào chợ mới nối xã Thủy Phù	Quốc lộ 1A (quán RiO)	Giáp Thủy Phù (Trạm thu phí Phú Bãi)	1,600
765	Đường Bến Ván - Phú Sơn	Cổng chào Bến Ván	Tỉnh 15 (Phú Sơn)	3,100
766	Đường dẫn cao tốc (đường Khu công nghiệp)	Tỉnh lộ 14B	Tỉnh lộ 15	3,100
	<b>C.19-ĐƯỜNG XÃ LỘC AN</b>			<b>12,700</b>
767	Đường Liên xã Lộc Điền - Lộc Hoà (cũ)	Thôn Đồng Xuân (Quốc lộ 1A)	Thôn Nam Khe Dài (Nhà ô Nông)	6,20
768	Đường Liên xã Lộc An - Lộc Hoà (cũ)	Thôn An Lại	Bác Khe Dài	6,50
	<b>C.20-ĐƯỜNG XÃ CHÂN MÂY LĂNG CÔ</b>			-
	<b>C.21-ĐƯỜNG XÃ VINH LỘC</b>			-
	<b>C.22-ĐƯỜNG XÃ KHE TRE</b>			-
	<b>C.23-ĐƯỜNG XÃ NAM ĐÔNG</b>			-
	<b>C.24-ĐƯỜNG XÃ LONG QUẢNG</b>			-

	<b>C.25-ĐƯỜNG PHƯỜNG PHONG ĐIỀN</b>			<b>2,900</b>
769	Nguyễn Văn Chương	Lê Nhữ Lâm	Quốc lộ 01	2,900
	<b>C.26-ĐƯỜNG PHƯỜNG PHONG THÁI</b>			<b>28,217</b>
770	Đường trục chính Phong An	QL1A tại Km806+350	Đường đi bệnh viện cơ sở 2	1,900
771	Đường nối Đồng Lâm-Sơn Quả	Km8+330 đường tỉnh 17B	TL11B-km10+500	8,000
772	Đường nối Hiền Lương-Sơn Tùng-Cao Ban	Cầu Kẽm - Hiền Lương	Tỉnh lộ 11C - Cao Ban	4,840
773	Đường nối Tỉnh lộ 11C - Tỉnh lộ 9	Tỉnh lộ 11C	Tỉnh lộ 9	5,377
774	Đường liên xã Phong An - Phong Sơn - Phong Xuân	Tỉnh lộ 9	Tỉnh lộ 11B	8,100
	<b>C.27-ĐƯỜNG PHƯỜNG PHONG PHÚ</b>			<b>4,900</b>
775	Liên phường Phong Phú - Phong Quảng	Tổ dân phố 1 (Phong Phú)	Xóm Rậy (Phong Quảng)	4,900
	<b>C.28-ĐƯỜNG XÃ PHONG QUẢNG</b>			-
	<b>C.29-ĐƯỜNG PHƯỜNG PHONG DINH</b>			-
	<b>C.30-ĐƯỜNG PHƯỜNG HƯƠNG TRÀ</b>			<b>5,250</b>
777	Sông Bò	Quốc lộ 1A	Hoàng Trung	3,700
777	Bừu Ké	Sông Bò	Thuận Thiên	0,800
778	Đường ven sông Bò (Hương Trà - Kim Trà) (đoạn 1)	Thuận Thiên	Giáp Kim Trà (Đặng Huy Tá)	0,750
	<b>C.31-ĐƯỜNG PHƯỜNG KIM TRÀ</b>			<b>4,780</b>
779	Đường ven sông Bò (Hương Trà - Kim Trà) (đoạn 2)	Giáp Hương Trà	TL 8B	4,780
	<b>C.32-ĐƯỜNG XÃ BÌNH ĐIỀN</b>			-
	<b>C.33-ĐƯỜNG XÃ QUẢNG ĐIỀN</b>			<b>6,800</b>
	Tuyến đường WB2 Thọ -Thành (Quảng Điền -Hóa Châu)	Tỉnh lộ 19	Tỉnh lộ 4	4,000
	Đường nối Hóa Châu-An Xuân	Trường THCS Hóa Châu	Nhà văn hóa An Xuân	2,800
	<b>C.34-ĐƯỜNG XÃ ĐẠN ĐIỀN</b>			<b>10,690</b>
	Phạm Quang Ái	Trần Bá Song (Đạn Điền)	Đường Tỉnh 4 (Quảng Điền)	0,690
	Đường ven sông bò (Đạn Điền - Quảng Điền)	Tỉnh lộ 11A	TL19	10,00
	<b>C.35-ĐƯỜNG XÃ A LƯỚI 1</b>			-

	<b>C.36-ĐƯỜNG XÃ A LƯỚI 2</b>			-
	<b>C.37-ĐƯỜNG XÃ A LƯỚI 3</b>			-
	<b>C.38-ĐƯỜNG XÃ A LƯỚI 4</b>			-
	<b>C.39-ĐƯỜNG XÃ A LƯỚI 5</b>			-
	<b>C.40-ĐƯỜNG PHƯỜNG KIM LONG</b>			-
	<b>C-41-KHU ĐÔ THỊ AN VÂN DƯƠNG</b>			<b>28,555</b>
	<b>Các tuyến đường nội bộ Khu TĐC Thủy Dương (Phường Thủy Dương cũ)</b>			
	<b>*/*Giai đoạn 2</b>			
780	Tuyến số 1			0,249
781	Tuyến số 2			0,172
782	Tuyến số 3			0,180
783	Tuyến số 4			0,180
784	Tuyến số 5			0,026
785	Tuyến số 6			0,231
786	Tuyến số 7			0,073
787	Tuyến số 8			0,152
	<b>*/*Giai đoạn 3 - đợt 1</b>			
788	Tuyến số 1			0,197
789	Tuyến số 2			0,182
790	Tuyến số 6			0,527
791	Tuyến số 7			0,158
792	Tuyến số 8			0,183
	<b>*/*Giai đoạn 3 - đợt 2</b>			
793	Tuyến số 1			0,513
794	Tuyến số 2			0,439
795	Tuyến số 3			0,154
796	Tuyến số 4			0,171
797	Tuyến số 5			0,174
798	Tuyến số 9			0,185
799	Tuyến số 10			0,187
800	Tuyến số 11			0,188
	<b>Các tuyến đường nội bộ Khu TĐC Thủy Thanh (Xã Thủy Thanh cũ)</b>			
	<b>*/*Giai đoạn 2</b>			
801	Tuyến số 5			0,302
802	Tuyến số 6			0,155
803	Tuyến số 7			0,319
804	Tuyến số 8			0,404
805	Tuyến số 9			0,218
806	Tuyến số 10			0,218
807	Tuyến số 11			0,269

808	Tuyến số 12			0,113
809	Tuyến số 13			0,106
810	Tuyến số 14			0,051
811	Tuyến số 15			0,104
812	Tuyến số 16			0,106
813	Tuyến đường vào			0,278
	<b>*/*Giai đoạn 3 - Đợt 1</b>			
814	Tuyến số 1			0,403
815	Tuyến số 2			0,157
816	Tuyến số 3			0,277
817	Tuyến số 7			0,119
818	Tuyến số 8			0,113
819	Tuyến số 9			0,114
	<b>*/*Giai đoạn 3 - Đợt 2</b>			
820	Tuyến số 4			0,157
821	Tuyến số 5			0,312
822	Tuyến số 6			0,184
823	Tuyến số 7			0,166
824	Tuyến số 8			0,167
825	Tuyến số 9			0,174
	<b>Các tuyến đường nội bộ Khu TĐC Thủy Vân giai đoạn 2 (Phường Thủy Vân cũ)</b>			
826	Tuyến số 1			0,531
827	Tuyến số 2			0,112
828	Tuyến số 3			0,142
829	Tuyến số 4			0,307
830	Tuyến số 5			0,328
831	Tuyến số 6			0,042
832	Tuyến số 7			0,195
833	Tuyến số 8			0,236
834	Tuyến số 9			0,071
835	Tuyến số 10			0,230
836	Tuyến số 11			0,284
	<b>Các tuyến đường nội bộ Khu TĐC TĐ1 - (Phường Thủy Vân cũ)</b>			
837	Tuyến đường mặt cắt 19,5m			0,416
838	Tuyến đường mặt cắt 15,5m			0,283
839	Tuyến đường mặt cắt 12m			0,401
	<b>Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Mỹ Thượng</b>			
	Khu XL đường giao thông HT1A-GT, HT1B-GT			
840	Tuyến 3A			0,359
841	Tuyến 3B			0,324

842	Tuyến 3C			0,536
843	Tuyến 4A			0,253
844	Tuyến 5A			0,220
845	Tuyến 5B			0,220
846	Tuyến 6A			0,352
847	Tuyến không tên + Bãi đỗ xe			0,122
	Khu XL đường giao thông GĐ 2 (HT2-GT)			
848	Tuyến đường 5G			0,279
849	Tuyến đường 5H			0,260
850	Tuyến đường 5K			0,156
851	Tuyến đường 3F			0,382
852	Tuyến đường 4C			0,235
853	Tuyến đường 6C			0,251
	Khu XL đường giao thông GDD3 (HT3-GT)			
854	Tuyến 3A			0,146
855	Tuyến 3B			0,146
856	Tuyến 5C			0,220
857	Tuyến 5D			0,220
858	Tuyến 6A			0,146
859	Tuyến 6B			0,146
	Khu XL đường giao thông GĐ4 (HT4-GT)			
860	Tuyến 4C			0,154
861	Tuyến 5E			0,301
862	Tuyến 5F			0,301
863	Tuyến 6C			0,155
	<b>Tuyến đường MC 100m - Khu A</b>			
864	Chiều dài tuyến (mặt cắt 100m)	Vòng xoay 100m đường Tố Hữu	Nguyễn Lộ Trạch	0,699
	<b>Tuyến đường MC 100m - Khu B</b>			
865	Chiều dài tuyến (mặt cắt 100m)	Lê Đức Anh	Nguyễn Cửu Vân	0,769
	<b>Đường Lê Đức Anh - Khu B</b>			
866	Phần đường mặt cắt 26m	Phạm Văn Đồng	Cầu Như Ý	0,160
867	Phần đường mặt cắt 60m	Cầu Như Ý	Võ Chí Công	2,068
	<b>Các tuyến đường nội bộ dự án Khu văn phòng Nhà ở LK2 (khu đô thị The Marnor)</b>			
868	Tuyến số 1			0,108
869	Tuyến số 2			0,203
870	Tuyến số 3			0,175
871	Tuyến số 4			0,267
872	Tuyến số 5			0,049
873	Tuyến số 6			0,062
874	Tuyến số 7			0,092
875	Tuyến số 8			0,064

	<b>Đường MC36m nối Nguyễn Lộ Trạch đến đường Tố Hữu (đường Vũ Thắng)</b>			
876	Đường QH mặt cắt 26m đến đường QH mặt cắt 22,5m	Hoàng Lanh	Vũ Xuân Chiêm	0,199
877	Đường QH mặt cắt 22,5m đến đường ra sông phát lát nổi dài	Vũ Xuân Chiêm	Tố Hữu	0,220
	<b>Các tuyến đường nội bộ dự án HTKT Khu xen ghép TDC5 và khu CTR13 (Phường An Đông cũ)</b>			
878	Tuyến số 1			0,167
879	Tuyến số 2			0,067
880	Tuyến số 4			0,065
881	Tuyến số 5			0,095
882	Tuyến số 6			0,179
883	tuyến số 3 (đường bê tông)			0,102
	<b>Tuyến đường MC26m Khu nhà ở An Đông (Phường An Đông cũ)</b>			
884	Tuyến đường Âu Lạc	Hải Triều - Cầu Lợi Nông	An Dương Vương	0,568
	<b>Gói thầu số 25: Công viên, cây xanh, quảng trường hành chính tập trung (Phường Xuân Phú cũ)</b>			
885	Tuyến giao thông 1A			0,107
886	Tuyến giao thông 1NT			0,102
887	Tuyến giao thông 1NĐ			0,139
888	Tuyến giao thông 1B			0,501
	<b>Dự án HTKT Khu quy hoạch LK7, BT1, OTM1 và OTM2 thuộc Khu A (Phường Xuân Phú cũ)</b>			
889	Tuyến số 1 mặt cắt (4,5+10,5+4,5 = 19,5m)	Dương Khuê	Võ Nguyên Giáp	0,295
890	Tuyến số 2 mặt cắt (4,5+14,0+4,5 = 23,0m)	Hoàng Lanh	Nguyễn Lộ Trạch	0,333
891	Tuyến số 3 mặt cắt (3,0+7,5+3,0) = 13,5 m			0,171
892	Tuyến số 4 mặt cắt (3,0+7,5+3,0) = 13,5 m			0,171
893	Tuyến số 5 mặt cắt (3,0+10,5+3,0) = 16,5 m			0,171
894	Nguyễn Lộ Trạch (4,0+10,5+4,0) = 18,5 m	Dương Khuê	Võ Nguyên Giáp	0,310
	<b>Dự án Chỉnh trang một phần khu đất CTR4 thuộc khu A (Phường Xuân Phú cũ)</b>			
895	Tuyến số 4			0,125

896	Tuyển số 5			0,122
897	Tuyển số 6			0,168
898	Tuyển số 7			0,058
899	Tuyển số 9			0,077
900	Tuyển số 10			0,119
901	Tuyển số 11			0,120
902	Tuyển số 12			0,116

**Phụ lục: 02****DANH MỤC HỆ THỐNG CẦU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ GIAO TRUNG TÂM QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC HẠ TẦNG THÀNH PHỐ HUẾ QUẢN LÝ**

Kèm theo Quyết định số: 696/QĐ-UBND ngày 23/02/2026 UBND thành phố Huế

TT	Tên cầu	Tên đường		Chiều dài (m)
		Lý trình	Đường phố, kiệt	
<b>II</b>	<b>TRUNG TÂM QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC HẠ TẦNG THÀNH PHỐ HUẾ</b>	<b>83</b>		<b>4.422,31</b>
<b>A</b>	<b>CẦU TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN THUẬN HÓA (CŨ)</b>	<b>29</b>	<b>Cái</b>	
1	Phú Cam	Km0+684	Nguyễn Trường Tộ	45,50
2	Lăng Cự Kinh Tế	Km1+200	Nguyễn Khoa Chiêm	13,00
3	Thủy Vân	Km0+800	Tùng Thiện Vương	37,00
4	Ông Thượng	Km0+250	Thanh Tịnh	10,00
5	Cầu Phú Lưu	Km0+050	Ứng Bình	135,00
6	Vân Dương	Km0+900	Nguyễn Lộ Trạch	22,00
7	Bùi Thị Xuân	Km2+305	Bùi Thị Xuân	7,00
8	Cầu Long Thọ	Km3+290	Bùi Thị Xuân	21,40
9	Cầu Bến Ngự	Km0+400	Phan Bội Châu	40,00
10	Cầu Nam Giao	Km0+118	Điện Biên Phủ	51,40
11	Cầu Kho Rèn	Km0+010	Lý Thường Kiệt	41,50
12	Cầu Ga	Km0+000	Lê Lợi	48,00
13	Cầu Gò Bồi	Km3+263	Huyền Trân Công Chúa	33,00
14	Khe Trung	Km1+000	Hồ Đắc Di	12,00
15	Phát Lát	Km0+000	Tôn Quang Phiệt	12,00
16	Cầu Phát Lát 2	Km0+561	Tổ Hữu	24,00
17	Tam Tây	Km0+000	Phạm Ngọc Thạch	48,00
18	Cầu Dã Viên	Km0+050	Cầu, đường Bạch Hồ	542,50
19	Đập La Ý	Km1+350	Đường Phú Thượng-Phú Mậu	100,00
20	Cầu Km4+550 (chưa có tên)	Km4+550	Đường Phú Thượng-Phú Mậu	20,00
21	Cầu Km2+500 (chưa có tên)	Km2+500	Đường Phú Thượng-Phú Lương	9,90
22	Cầu Chợ Hòm	Km0+350	Nguyễn Hữu Hoàng	6,50
23	Công Lương	Km1+850	Nguyễn Hạnh	6,50
24	Cầu Vân Dương 2	Km0+380	Ngô Thúc Khuê	90,00
25	Km0+300 (chưa có tên)	Km0+300	Trần Thanh Mai	8,00
26	Km0+100 (chưa có tên)	Km0+100	Nguyễn Hữu Cảnh	7,00
27	Km0+686 (chưa có tên)	Km0+686	Hoàng Thị Loan	8,00
28	Km0+900 (chưa có tên)	Km0+900	Hoàng Thị Loan	8,00
29	Cầu Mỹ An	Km0+00	QL49-Mỹ An	50,00
<b>B</b>	<b>CẦU TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN PHÚ XUÂN (CŨ)</b>	<b>34</b>	<b>Cái</b>	

1	Cầu Đông Ba	Km0+000	Nguyễn Chí Thanh	91,00
2	Cầu Cửa Hữu	Km0+080	Yết Kiêu	52,50
3	Cầu Cửa Ngăn	Km0+100	Cửa Ngăn	54,00
4	Cầu Nhà Đò	Km0+080	Nguyễn Trãi	53,50
5	Cầu Vĩnh Lợi	Km1+224	Nguyễn Trãi	46,00
6	Cầu Cửa An Hoà	Km2+495	Nguyễn Trãi	56,50
7	Cầu Tránh An Hoà	Km2+590	Nguyễn Trãi	75,00
8	Cầu Thuỷ Quan	Km1+230	Tôn Thất Thiệp	27,00
9	Cầu Cửa Quảng Đức	Km0+100	Quảng Đức	54,00
10	Cầu Cửa Đông Ba	Km0+100	Mai Thúc Loan	60,00
11	Cầu Cửa Hậu	Km0+050	Tản Đà	58,50
12	Cầu Bạch Yến	Km0+200	Tản Đà	95,50
13	Cầu Cửa Thượng Tứ	Km0+080	Đình Tiên Hoàng	54,00
14	Cầu Kho	Km1+870	Đình Tiên Hoàng	73,00
15	Cầu Cửa Trài	Km0+150	Đường Cửa Trài	58,50
16	Cầu Khánh Ninh	Km0+030	Trần Văn Kỳ	46,00
17	Cầu Cửa Chánh Tây	Km0+049	Thái Phiên	52,30
18	Cầu Lương Y	Km0+950	Xuân 68	70,70
19	Cầu Gia Hội	Km0+050	Chi Lăng	65,86
20	Cầu Bãi Dâu	Km0+070	Nguyễn Gia Thiều	95,50
21	Cầu Chợ Dinh	Km2+050	Nguyễn Gia Thiều	402,00
22	Cầu Bao Vinh	Km1+303	Đào Duy Anh	88,00
23	Cầu Thanh Long	Km1+128	Huỳnh Thúc Kháng	36,15
24	Cầu An Ninh Hạ	Km1+100	Nguyễn Hoàng	58,00
25	Cầu Ba Bến	Km2+000	Vạn Xuân	60,00
26	Cầu Kim Ngọc	Km2+560	Đường Bình Thành Hương Thọ	38,00
27	Cầu Chợ Thông	Km0+15	Phạm Tu	56,00
28	Cầu Cổ Bưu	Km2+460	Cao Văn Khánh	30,00
29	Km0+150 (chưa có tên)	Km0+150	Triều Sơn Tây	8,00
30	Km0+320 (chưa có tên)	Km0+320	Mai Lão Bạng	10,00
31	Km0+00 (chưa có tên)	Km0+00	Độc Sơ	10,00
32	Cầu An Vân, phường Hương An	An Vân	Nguyễn Đăng Thịnh	12,00
33	Cầu Bồn Trì, phường Hương An	Bồn trì	Cao Văn Khánh	12,00
34	Cầu Mỹ Lại		Trần Quý Khoáng	10,00
<b>C</b>	<b>CẦU TIẾP NHẬN MỚI</b>	20	Cái	447,80
	<b>1-CẦU TRÊN PHƯỜNG AN ĐÔNG</b>			
1	Cầu Nhất Đông	Km0+484	Tôn Thất Cảnh	37,00
	<b>2-CẦU TRÊN PHƯỜNG MỸ THƯỢNG</b>			
2	Cầu Cẩm Thông		Phạm Bá Nguyên	15,00
3	Cầu Ông Cửu		Võ Tử Thành	10,00
4	Cầu Phỏ Tây		Võ Tử Thành	12,00
	<b>3-CẦU TRÊN PHƯỜNG</b>			

	<b>HƯƠNG TRÀ</b>			
5	Cầu tại hời Cửa Khâu (tuyến Ven Sông Bò đoạn 1)		Đường Ven Sông Bò	30,00
	<b>4-CẦU TRÊN PHƯỜNG PHONG THÁI</b>			
6	Cầu Phở Lại		Đường Đông Lâm Sơn Quả - Thôn Phở Lại, Phong Sơn (cũ)	18,00
7	Cầu Hói Lương		Đường Đông Lâm Sơn Quả - Thôn Sơn Quả, Tứ Chánh, Phong Sơn (cũ)	13,60
8	Cầu Kẽm		Đường Hiền Lương-Sơn Tùng-Cao Ban - TDP Hiền Lương, Phường Phong Hiền (cũ)	12,00
9	Cầu Kiệt Giữa		Đường Hiền Lương-Sơn Tùng-Cao Ban - TDP Hiền Lương, Phường Phong Hiền (cũ)	6,00
10	Cầu Còm		Đường Hiền Lương-Sơn Tùng-Cao Ban - TDP Hiền Lương, Phường Phong Hiền (cũ)	8,00
11	Cầu Phương Thạnh		Đường Hiền Lương-Sơn Tùng-Cao Ban - TDP Sơn Tùng, Phường Phong Hiền (cũ)	13,60
	<b>5-CẦU TRÊN PHƯỜNG QUẢNG ĐIỀN</b>			
12	Cầu Phú Lương A		Đường WB Thọ - Thành	15,00
13	Cầu La Vân Hạ		Đường WB Thọ - Thành	30,00
	<b>6-CẦU TRÊN XÃ PHÚ LỘC</b>			
14	Cầu Đông Hải		Đoàn Trọng Tuyển	30,00
15	Cầu Bệnh Viện		Hoàng Đức Trạch	20,00
16	Cầu Khe Thị		Hoàng Đức Trạch	40,00
17	Cầu Bàu Sen		Hoàng Đức Trạch nối dài	24,00
18	Cầu Mụ Phong		Nhị Hồ	32,00
	<b>7-CẦU KHU AN VÂN DƯƠNG</b>			
19	Cầu Như ý		Lê Đức Anh	41,00
20	Cầu Lợi Nông		Võ Nguyên Giáp - Âu Lạc	40,60







9	Cụm THGT Bà Triệu - Dương Văn An - Lê Quý Đôn	1								Đang hoạt động
<b>TH5</b>	<b>PHƯỜNG MỸ THƯỢNG</b>	<b>2,0</b>								
	<b>TRUNG TÂM ĐANG QUẢN LÝ</b>									
1	Cụm THGT QL49 - Tỉnh Lộ 10	1								Đang hoạt động
	<b>PHƯỜNG ĐANG QUẢN LÝ</b>									
2	Km10 Tỉnh lộ 28, thôn Dương Mong, xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang	1								
<b>TH6</b>	<b>PHƯỜNG THUẬN AN</b>	<b>2,0</b>								
1	Cụm THGT Nguyễn Văn Tuyết - Kinh Dương Vương	1								Đang hoạt động
2	Cụm THGT Kinh Dương Vương - Thủy Dương - Thuận An (Võ Chí Công)	1								Đang hoạt động
<b>TH7</b>	<b>PHƯỜNG PHÚ XUÂN</b>	<b>13,0</b>								
1	Cụm THGT Bắc Cầu Phú Xuân	1	4,0			24,0	8,0	2,0	7,0	Đang hoạt động
2	Cụm THGT Bắc Cầu Trường Tiền	1	3	1		21	7		7	Đang hoạt động
3	Cụm THGT Đinh Tiên Hoàng - Mai Thúc Loan	1	4			21	5	2	8	Đang hoạt động
4	Cụm THGT Lê Duẩn - Nguyễn Trãi	1	3			18	6		6	Đang hoạt động
5	Cụm THGT Lê Duẩn - Thái Phiên	1	3			18	6	1	6	Đang hoạt động

6	Cụm THGT Lê Duẩn - Yết Kiêu	1	4			24	3		8	Đang hoạt động
7	Cụm THGT Lê Huân - Đặng Thái Thân	1	3			18	6		5	Đang hoạt động
8	Cụm THGT Nguyễn Chí Thanh – Nguyễn Gia Thiều	1	3	1		21	7		4	Đang hoạt động
9	Cụm THGT Nguyễn Trãi - Thạch Hãn	1	4			24	8	4	7	Đang hoạt động
10	Cụm THGT Nguyễn Trãi - Thái Phiên	1	4			24	8	4	8	Đang hoạt động
11	Cụm THGT Nhật Lệ - Đinh Tiên Hoàng	1	4			24	8		8	Đang hoạt động
12	Cụm THGT Nhật Lệ - Phùng Hưng - Thạch Hãn	1	4			24	8			Đang hoạt động
13	Cụm THGT Nguyễn Trãi - Yết Kiêu	1	4			24	8		4	Đang hoạt động
<b>TH8</b>	<b>PHƯỜNG KIM LONG</b>	<b>1,0</b>								
1	Cụm THGT Bắc Cầu Dã Viên	1,0	4,0			33,0	8,0	6,0	8,0	Đang hoạt động
<b>TH9</b>	<b>PHƯỜNG HUƠNG AN</b>	<b>4,0</b>								
1	Cụm THGT Lý Thái Tổ - Nguyễn Văn Linh	1	3,0			18,0	6,0	1,0	3,0	Đang hoạt động
2	Cụm THGT Nguyễn Văn Linh - Mai Lương	1	4	2		30	10	4	8	Đang hoạt động
3	Cụm THGT Tân Đà - KQH Hương Sơ	1	4			24	12		8	Đang hoạt



										động
4	Ngã tư Tỉnh lộ 28 - Tỉnh lộ 1 (X. Thủy Thanh, TX. Hương Thủy)	1								Đang hoạt động
<b>TH16</b>	<b>XÃ QUẢNG ĐIỀN</b>	<b>3,0</b>								
1	Km 14 Tỉnh lộ 19, giao lộ Nguyễn Vĩnh- Nguyễn Kim Thành, TT. Sịa	1								Đang hoạt động
2	Km8+500 Tỉnh lộ 11A, giao lộ Nam Dương- Nguyễn Kim Thành, TT. Sịa	1								Đang hoạt động
3	Km14+850 Tỉnh lộ 19, giao lộ Nguyễn Vĩnh- Lê Xuân- Trần Hữu Khác, TT. Sịa	1								Đang hoạt động
<b>TH17</b>	<b>XÃ ĐAN ĐIỀN</b>	<b>2,0</b>								
1	Km 4+500 Tỉnh lộ 11A, giao lộ tỉnh lộ 11A- tỉnh lộ 8C- đường liên xã thuộc thôn Đức Trọng, xã Quảng Vinh, Quảng Điền	1								Đang hoạt động
2	Km0+800 Tỉnh lộ 8C, giao lộ 8C- đường liên thôn, liên xã, thuộc xã Quảng Phú, Quảng Điền	1								Đang hoạt động
<b>TH18</b>	<b>XÃ PHÚ VANG</b>	<b>5,0</b>								
1	Km3 Tỉnh lộ 10B, TDP Lương Viện, Thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang	1								Đang hoạt động
2	Km2 Tỉnh lộ 10G, TDP Lương Viện, Thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang	1								Đang hoạt động
3	Km3 Tỉnh lộ 10G, TDP Lương Viện, Thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang	1								Đang hoạt động
4	Ngã tư Nguyễn Đức Xuyên - Tây Hồ, TDP. Hòa Tây, Thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang	1								Đang hoạt động
5	Km7 Tỉnh lộ 18,	1								



**Phụ lục: 04****DANH MỤC HỆ THỐNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ GIAO TRUNG TÂM QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC  
HẠ TẦNG THÀNH PHỐ HUẾ QUẢN LÝ***Kèm theo Quyết định số: 696/QĐ-UBND ngày 23/02/2026 UBND thành phố Huế*

Stt	Lý trình	Vị trí	Khối lượng		Tình trạng	Ghi chú	
			Chiều dài	Bóng			Tủ điều khiển
1	2	3	4	13	14	15	16
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>45.246</b>	<b>985</b>		
<b>Đ1</b>	<b>Phường Thuận Hóa</b>			<b>3.900</b>	<b>55</b>		
	<b>TRUNG TÂM ĐANG QUẢN LÝ</b>						
1	Hùng Vương	1 đến 50		50	1		Tủ Cao Đẳng Sư Phạm (đối diện 56 Hùng Vương)
	Kiệt 76 Hùng Vương			3			
	Ngã 6 Hùng Vương	1 đến 2		9			
2	Lê Hồng Phong	1 đến 14		16	1		Tủ tập thể Đống Đa (trước nhà 31 Lê Hồng Phong)
	Kiệt 1 Lê Hồng Phong	1 đến 2		2			
	Kiệt 27 Lê Hồng Phong			2			
	Kiệt 32 Lê Hồng Phong	1 đến 2		2			
	Kiệt 35 Lê Hồng Phong	1 đến 2		2			
	Ngã 6			9	-	-	
	Đống Đa	10 đến 23		47	-	-	
	Kiệt 15 Đống Đa	1 đến 4		4			
	kiệt 30 đống đa			1			
	Kiệt 36 Đống Đa	1 đến 3		3			
	Võ Văn Tần			10			
	Nguyễn Thị Minh Khai	1 đến 4		4			
	Kiệt 2 Nguyễn T Minh Khai	1 đến 4		4			
Ngã 6			9				

	Hùng Vương	2 đến 40		20			
3	Nguyễn Văn Huyền	1 đến 19		19	1		Tù Tôn Đức Thắng - Bà Triệu 2 (Trước tòa án tỉnh)
	Bà Triệu	5 đến 15		17			
	Kiệt 116 Bà Triệu	1 đến 3		3			
	Kiệt 134 Bà Triệu	1 đến 2		2			
	Kiệt 154 Bà Triệu	1 đến 2		2			
	Kiệt 263 Bà Triệu	1 đến 4		5			
	Kiệt 119 Hùng Vương	1 đến 6		6			
	Kiệt Chùa Xuân Phú	1 đến 10		10			
	Đường nội bộ quanh Big C	1 đến 10		10			
	Tôn Đức Thắng	1 đến 12		12			
	Nguyễn Thị Minh Khai	5 đến 8		5			
	Nguyễn Lương Bằng	1 đến 4		4			
	Kiệt 1 Tổ Hữu	1 đến 2		2			
	Kiệt 3 Tổ Hữu	1 đến 3		3			
	Kiệt 33 Lê Q Đôn	1 đến 2		2			
	Tổ Hữu	1 đến 6		6			
Kiệt 233 Bà Triệu			1				
4	Nguyễn Huệ	33a đến 51a		19	1		Tù Nguyễn Huệ 1 (Trước Viện Kiểm Sát thành phố)
	Nguyễn Huệ	33b đến 51b		19			
	Cây xăng Nguyễn Huệ			6			
	Kiệt 187 Phan Đình Phùng	2 đến 5		4			
5	Ngô Quyền	Hà Nội đến Hai Bà Trưng		5	1		Tù Hà Nội (Hà Nội - Ngô Quyền)
	Kiệt 19 Ngô Quyền			1			
	Hoàng Hoa Thám	Trần Cao Vân đến Hà Nội		4			
	Hà Nội	1 đến 57		28			
	Hà Nội	2 đến 54		27			
	Ngã 6			9			

	Kiệt 22 Hà Nội			3			
	Trần Cao Vân			1			
	Phạm Hồng Thái	Hà Nội đến Ngô Quyền		1			
6	Nguyễn Khuyến	1 đến 3		3	1		Tủ Nguyễn Huệ 2 (Trước nhà 54 Nguyễn Khuyến)
	Kiệt 147 Phan Đình Phùng	1 đến 2		2			
	Ngõ 37 kiệt 147 PDP			1			
	Kiệt 173 Phan Đình Phùng			5			
	Kiệt 109 Nguyễn Huệ	1 đến 3		3			
	Kiệt 87 Nguyễn Huệ	1 đến 4		4			
	Kiệt 85 Nguyễn Huệ			3			
	Kiệt 83 Nguyễn Huệ			4			
	Kiệt 81 Nguyễn Huệ			4			
	Nguyễn Khuyến	4 đến 10		7			
	Kiệt 11 Nguyễn Khuyến			2			
	Kiệt 28 Nguyễn Khuyến			1			
Kiệt 134 Nguyễn Huệ			4				
7	Phan Đình Phùng	31 đến 47		15	1		Tủ Phan Đình Phùng 2 (Trước 155 Phan Đình Phùng)
	Kiệt 43 Lý Thường Kiệt			3			
	Kiệt 137 Phan Đình Phùng			4			
	Kiệt 159 Phan Đình Phùng			2			
	Ngõ 8 kiệt 137 Phan Đ Phùng			1			
	Ngõ 4 kiệt 137 Phan Đ Phùng			2			
Kiệt 147 Phan Đình Phùng	3 đến 4			2			
8	Phan Chu Trinh	32 đến 48		16	1		Tủ Phan Chu Trinh 1 (242 Phan Chu Trinh)
	Kiệt 254 Phan Chu Trinh	1 đến 3		3			
	Kiệt 256 Phan Chu Trinh	1 đến 2		2			
	Kiệt 276 Phan Chu Trinh			1			
	Kiệt 266 Phan Chu Trinh	1 đến 6			6		

	Ngõ 22 Kiệt 266 Phan Chu Trinh			4		
	Kiệt 254 Phan Chu Trinh			5		
	kiệt 244 phan chu trinh			1		
	Kiệt 210 Phan Chu Trinh			4		
	Ngõ 1 kiệt 210 P.C.Trinh			1		
	Trần Phú	1 đến 4		4		
	Cầu Kho Rèn	1 đến 4		4		
	Kiệt 44 Trần Phú	1 đến 2		2		
	Kiệt 39 Trần Phú			2		
9	Trần Phú	5 đến 13		9	1	Tủ Trần Phú 1 (2 Duy Tân)
	Duy Tân	1 đến 6		6		
	Kiệt 06 Duy Tân	1 đến 2		2		
	Kiệt 16 Duy Tân	1 đến 4		4		
	Kiệt 17 Duy Tân			1		
	Kiệt 19 Lương Văn Can	1 đến 4		4		
	Kiệt 12 Lương Văn Can	1 đến 3		3		
	Ngõ 38 kiệt 24 Lương Văn Can			1		
	Kiệt 25 Duy Tân			2		
	Kiệt 45 Duy Tân			2		
	Kiệt 58 Duy Tân	1 đến 4		4		
	Kiệt 59 Duy Tân	1 đến 3		3		
	Kiệt 48 Trần phú			1		
10	Ngõ 21 kiệt 131 Trần Phú	1 đến 2		2	1	Tủ Trần Phú 5 (24A Kiệt 131 Trần Phú)
	Ngõ 23 kiệt 131 Trần Phú	1 đến 8		8		
	Ngõ 9, kiệt 131 Trần Phú			2		
	Ngõ 9, kiệt 131 Trần Phú (hẻm 20)			3		
	Ngõ 9, kiệt 131 Trần Phú (hẻm 24)			1		
	Ngõ 37 kiệt 131 Trần Phú			1		
	Ngõ 51 kiệt 131 Trần Phú			1		
	Ngõ 54 kiệt 131 Trần Phú	1 đến 9		9		
	Ngõ 69 kiệt 131 Trần Phú	1 đến 10		10		

	Hẻm 15 ngõ 69 kiết 131 Trần Phú			11			
	Ngõ 91 kiết 131 Trần Phú	1 đến 4		4			
	Kiết 131 Trần Phú			7			
11	Trần phú	13 đến 21		9	1		Tủ Trần Phú 3 (138 Trần Phú)
	Kiết 130 Trần Phú	1 đến 3		3			
	Ngõ 9, kiết 130 Trần Phú			1			
	Ngõ 20, kiết 130 Trần Phú			1			
	Ngõ 25, kiết 130 Trần Phú	1 đến 2		2			
	Kiết 138 Trần Phú	1 đến 3		3			
	Kiết 149 Trần Phú	1 đến 3		9			
	Kiết 152 Trần Phú	1 đến 2		2			
	Kiết 165 Trần Phú	1 đến 2		2			
	Kiết 175 Trần Phú			1			
	Kiết 179 Trần Phú	1 đến 6		6			
	Kiết 227 Trần Phú	1 đến 3		3			
	Kiết 168 Trần Phú			3			
	Kiết 178 trần phú			1			
12	Hàm Nghi	1 đến 7		7	1		Tủ Trần Phú 4 (51 Hàm Nghi)
	Kiết 53 Hàm Nghi			4			
	Kiết 58 Hàm Nghi			3			
	Kiết 29 Hàm Nghi			4			
	Kiết 22 Hàm Nghi			2			
	Kiết 130 ngõ 20 Trần phú			2			
13	Trần Phú	21 đến 34		13	1		Tủ Trần Phú 2 (251 Trần Phú)
	Kiết 210 Trần Phú	1 đến 8		8			
	Kiết 201 Trần Phú			1			
	Kiết 149 Trần Phú	1 đến 6		6			
	Kiết 190 Trần Phú	1 đến 4		4			
	Kiết 65 Phan Bội Châu	1 đến 7		7			
	Kiết 101 Phan Bội Châu			1			
Ấu Triệu			4				

14	Nguyễn Trường Tộ	Cầu Phủ Cam đến nhà thờ		6	1		Tử Phan Chu Trinh 2 (21 Nguyễn Trường Tộ)
	Đoàn Hữu Trưng	Cả đường		11			
	Kiệt 1 Đoàn Hữu Trưng			1			
	Ngõ 6 kiệt 1 Đoàn Hữu Trưng			1			
	Kiệt 14 Đ.H.Trung			1			
	Kiệt 16 Đ.H.Trung			10			
	Ngõ 6 kiệt 16 Đ.H.Trung			1			
	Kiệt 30 Đ.H.Trung	1 đến 4		4			
	Kiệt 65 Đ.H.Trung	1 đến 3		3			
	Kiệt 69 Đ.H.Trung	1 đến 3		3			
	Kiệt 1 Đ.H.Trung			4			
	Ngõ 6 kiệt 1 ĐHT			1			
	Kiệt 33 N.T.Tộ			2			
	Kiệt 128 PCTrinh			2			
	Kiệt 136 PCTrinh			1			
	Kiệt 142 PCTrinh			1			
	Kiệt 156 PCTrinh			2			
	Kiệt 176 PCTrinh	1 đến 8		8			
	Kiệt 184 PCTrinh			2			
	Kiệt 194 PCTrinh	1 đến 2		2			
Kiệt 198 PCTrinh			2				
Phan Chu Trinh	15 đến 31		17				
Hàm Nghi	8 đến 10		3				
15	Nguyễn Huệ	Đống Đa đến Lý T Kiệt		14	1		Tử Đống Đa 1 (CA Phường Vĩnh Ninh)
	Đống Đa	Nguyễn Huệ đến LTK		16			
	Nguyễn Văn Cừ	LTKiệt đến Hai Bà Trưng		10			
	Kiệt 16 Hai Bà Trưng			5			
	Kiệt 23 Hai Bà Trưng			2			

	Kiệt 25 Hai Bà Trưng			2		
	Ngô Gia Tự	Nguyễn Văn Cừ đền Đ Đa		5		
	Kiệt 21 Ngô Gia Tự			1		
	Trần Cao Vân	HBT đến công viên KĐ		3		
	Cột 17m	Ngã 5 Nguyễn Huệ		6		
	Kiệt 20 Ngô Gia Tự			2		
	Ngô Quyền			3		
16	Phan Đình Phùng	Bãi rác đến LTKiệt		12	1	Tủ Đổng Đa 2 (PĐPhùng - Hai Bà Trưng)
	Kiệt 63 Hai Bà Trưng	1 đến 2		2		
	Kiệt 71 Nguyễn Huệ	1 đến 3		3		
	Kiệt 86 Nguyễn Huệ	1 đến 2		3		
	Kiệt 85 Nguyễn Huệ	1 đến 3		3		
	Kiệt 98 Nguyễn Huệ			1		
	Kiệt 66 Nguyễn Huệ	1 đến 2		1		
	Kiệt 57 Hai Bà Trưng	Cả Kiệt		5		
17	Lý Thường Kiệt	Hà Nội đến P.Đ.Phùng		80	1	Tủ Lý Thường Kiệt
18	Đào Tấn	20 đến 45		26	1	Tủ Thủy Trường 1 (Chế Lan Viên - Đào Tấn)
	Chế Lan Viên	1 đến 7		7		
	Xuân Diệu	1 đến 12		13		
	Kiệt 103 Xuân Diệu			1		
	Kiệt 12 Đặng Huy Trứ	1 đến 3		3		
	kiệt 13 đặng huy trứ			1		
	Kiệt 35 Đặng Huy Trứ	1 đến 2		2		
	Đặng Huy Trứ	1 đến 19		20		
19	Chung cư Xuân Diệu			7	1	Tủ Thủy Trường 2 (Đào Tấn - Đặng Huy Trứ)
	Đào Tấn	11 đến 14		5		
	thích nữ diêu không			1		

Chế Lan Viên	8 đến 13		6		
Kiệt 18 Đào Tấn	1 đến 3		3		
Kiệt 36 Đào Tấn	1 đến 5		5		
Kiệt 36 Đào Tấn			1		
Kiệt 42 Đào Tấn			3		
Kiệt 49 Đào Tấn			1		
Kiệt 53 Đào Tấn	1 đến 4		4		
Kiệt 72 Đào Tấn	1 đến 6		6		
Kiệt 68 Đặng Huy Trứ			3		
Kiệt 69 Đặng Huy Trứ			13		
Kiệt 65 Đặng Huy Trứ			2		
Kiệt 92 Đặng Huy Trứ			4		
Kiệt 93 Đặng Huy Trứ			7		
Kiệt 1 Chế Lan Viên			1		
Kiệt 7 Chế Lan Viên			1		
Kiệt 10 Chế Lan Viên			2		
Kiệt 11 Chế Lan Viên			1		
Kiệt 16 Chế Lan Viên			2		
Kiệt 23 Chế Lan Viên			3		
Kiệt 24 Chế Lan Viên			2		
Kiệt 33 Chế Lan Viên	1 đến 2		2		
Kiệt 40 Chế Lan Viên			1		
Kiệt 42 Chế Lan Viên			1		
Kiệt 51 Chế Lan Viên			2		
Kiệt 21 Chế Lan Viên			2		
Kiệt 112 Chế Lan Viên	1 đến 6		6		
Kiệt 66 Xuân Diệu	1 đến 2		5		
Kiệt 60 Xuân Diệu			1		
Kiệt 107 Xuân Diệu			2		
Ngõ 5 kiệt 66 Xuân Diệu			3		
Kiệt 12 Xuân Diệu			1		

20	Kiệt 127 Đặng Huy Trứ	1 đến 2		2	1		Tủ Chung Cư Thủy Trường (TBA sau lung chung cư)
	Kiệt 109 Đặng Huy Trứ	1 đến 4		4			
	Kiệt 102 Đặng Huy Trứ	1 đến 2		2			
	Kiệt 100 Đặng Huy Trứ			3			
	Kiệt 99 Đặng Huy Trứ	1 đến 10		10			
	Phía sau chung cư			4			
	Trước chung cư	1 đến 10		10			
	Đặng Huy Trứ	20 đến 28		8			
21	Kiệt 175 Phan Bội Châu	1 đến 3		3	1		Tủ KĐC Thủy Trường (3 Trần Anh Tông)
	kiệt 180 phan bội châu	1 đến 2		2			
	Kiệt 245 Phan Bội Châu			4			
	Kiệt 254 Phan Bội Châu			2			
	Kiệt 304 Phan Bội Châu	1 đến 2		2			
	Kiệt 338 Phan Bội Châu			2			
	Ngự Bình	53 đến 62		10			
	Kiệt 205 Ngự Bình			1			
	Kiệt 214 Ngự Bình	1 đến 5		5			
	Tam Thai	1 đến 3		3			
	Phan Bội Châu	39 đến 64		22			
	Trần Anh Tông	1 đến 10		11			
	Võ Liêm Sơn	1 đến 9		9			
	Trần Hoàn	1 đến 6		3			
	Cao Đình Độ	1 đến 2		2			
Kiệt 250 Phan Bội Châu			1				
Kiệt 294 Phan Bội Châu			2				
22	Phan Đình Phùng	Chợ Bến Ngự đến Cty may XK		16	1		Tủ Phú Cam (Nguyễn Trường Tộ - Phan Đình Phùng)
	Kiệt 27 Phan Đình Phùng			1			
	Kiệt 63 Phan Đình Phùng			1			
	Nguyễn Trường Tộ	Ngô Quyền đến		12			

		PĐPhùng				
23	Lê Lợi	Cầu ga đến Phan Bội Châu		30	1	Tủ Lê Lợi 2 (Lê Lợi - Nguyễn Huệ)
	Trần Thúc Nhẫn	Lê Lợi đến Phan Bội Châu		14		
	Kiệt 9 Trần Thúc Nhẫn	1 đến 4		4		
	Phan Bội Châu	Lê Lợi đến Nguyễn Huệ		10		
	Nguyễn Huệ	Lê Lợi đến Trần T Nhẫn		13		
	Điện Biên Phủ	Bến thuyền đến PDP		8		
24	Cầu Bến Ngự	Cả cầu		36	1	Tủ Cầu Nam Giao (PCT-ĐBP)
	Phan Chu Trinh	1 đến 14		14		
	Phan Bội Châu			2		
	Sân Ga	1 đến 3		4		
25	Cầu Dã Viên	4ab đến 22ab		76	1	Tủ Bùi Thị Xuân (đối diện đoàn An Dưỡng 40B)
	Đường dẫn lên cầu	1ab đến 3ab		12		
	Bùi Thị Xuân	1a đến 20a		40		
		1b đến 23b		44		
	Bùi Thị Xuân	Vòng xuyên		4		
	Kiệt 21 Bùi Thị Xuân			1		
	Kiệt 34 Bùi Thị Xuân			1		
	Kiệt 40 Bùi Thị Xuân	2 đến 8		7		
	Kiệt 87 Bùi Thị Xuân	1 đến 3		5		
	Kiệt 93 Bùi Thị Xuân	1 đến 9		9		
Tôn Thất Tùng	1b đến 12b		24			
	1a đến 9a		18			
26	Điện Biên Phủ	cột số 1 đến cột số 5		6	1	Tủ Nhà Khách Điện Biên (1 Phan Đình Phùng)
		cột số 1 đến cột số		17		

		11				
	Phan Đình Phùng	1 đến 5		5		
	Kiệt 19 Phan đình Phùng	1 đến 3		3		
	Tập thể TT Nhân			1		
27	Phan Bội Châu	Nguyễn Huệ đến PĐPhùng		12	1	Tù Phan Bội Châu 1 (vườn hoa PBC)
	Kiệt 20 Phan B Châu	1 đến 2		2		
	Nguyễn Thiện Kế	Nguyễn Huệ đến PBChâu		9		
	Nguyễn Huệ	7a đến 25a; 8b đến 24b		40		
	Phan Đình Phùng	6 đến 7		2		
28	Sư Liễu Quán	1 đến 5		14	1	Tù Phan Bội Châu 2 (chùa Từ Đàm)
	Phan Bội Châu	21 đến 38		19		
	Kiệt 100 Phan Bội Châu	1 đến 2		2		
	Kiệt 120 Phan Bội Châu	1 đến 2		2		
	Kiệt 131 Phan Bội Châu	1 đến 5		5		
	Kiệt 143 Phan Bội Châu	1 đến 4		4		
	Kiệt 162 Phan Bội Châu			7		
	Điện Biên Phủ	1 đến 11		18		
		12 đến 37		26		
	Kiệt 35 Điện Biên Phủ	1 đến 6		6		
	Kiệt 104 Điện Biên Phủ	1 đến 6		6		
Kiệt 120 Điện Biên Phủ	1 đến 4		4			
29	Bảo Quốc	1 đến 6		6	1	Tù Lịch Đợi 1 (3 kiết 87 Lịch Đợi)
	Kiệt 1 Bảo Quốc	1 đến 2		5		
	Kiệt 9 Bảo Quốc	1 đến 3		3		
	Kiệt 17 Bảo Quốc			1		
	Lịch Đợi	7 đến 14		8		
	Kiệt 34 Lịch Đợi	1 đến 2		2		
	Kiệt 31 Lịch Đợi	1 đến 4		4		

	Kiệt 33 Lịch Đợi	1 đến 2		2		
	Kiệt 87 Lịch Đợi	1 đến 5		7		
	Ngõ 9 kiệt 87 Lịch Đợi	1 đến 2		2		
	Kiệt 63 Điện Biên Phủ	1 đến 2		2		
30	Kiệt 28 tôn Thất Tùng			1	1	Tủ Lịch Đợi 2 (K33 Lịch Đợi)
	Kiệt 6 tôn Thất Tùng	1 đến 18		18		
	Kiệt 1 Lịch Đợi	1 đến 8		8		
	Kiệt 3 Lịch Đợi	1 đến 2		2		
	kiệt 12 lịch đợi	1 đến 3		3		
	Kiệt 17 Lịch Đợi	1 đến 2		2		
	Kiệt 29 Lịch Đợi	1 đến 5		5		
	Kiệt 30 Lịch Đợi	1 đến 3		3		
	Kiệt 68 Điện B Phủ	1 đến 12		12		
	Kiệt 60 Lịch Đợi	1 đến 7		7		
	Kiệt 51 Lịch Đợi	1 đến 3		3		
	Ngõ 18 kiệt 40 Lịch Đợi	1 đến 2		2		
	Kiệt 40 Lịch Đợi	1 đến 6		6		
	Ngõ 4 Kiệt 40 Lịch Đợi	1 đến 2		2		
	Kiệt 48 Lịch Đợi			1		
31	Đào Tấn nổi dài	1 đến 20		20	1	Tủ KQH Cồn Bàng
	Kiệt 184 Điện Biên Phủ			10		
	Khu quy hoạch Cồn Bàng			27		
32	Điện Biên Phủ	01 đến 38		38	1	Tủ Điện Biên Phủ 1 (Trưởng Đảng Nguyễn Chí Thanh)
		Cột 68, 92		8		
	Kiệt 166 Điện Biên Phủ	1 đến 14		16		
	Kiệt 177 Điện Biên Phủ	1 đến 2		2		
	Kiệt 184 Điện Biên Phủ	10 đến 19		18		
	Kiệt 191 Điện Biên Phủ			1		
	Kiệt 209 Điện Biên Phủ	1 đến 2		2		
	Kiệt 246 Phan Bội Châu			10		

	Kiệt 266 Điện Biên Phủ		10			
	Kiệt 268 Điện Biên Phủ	1 đến 2	2			
	kiệt 268A điện biên phủ	1 đến 3	3			
	Kiệt 272 Điện Biên Phủ	1 đến 3	5			
	Kiệt 290 Điện Biên Phủ	1 đến 4	4			
	Kiệt 293 Điện Biên Phủ		8			
	Kiệt 317 Điện Biên Phủ	1 đến 10	10			
	Kiệt 325 Điện Biên Phủ	1 đến 5	9			
	Ngõ 1 kiệt 266 Điện Biên Phủ		6			
	Ngõ 5 kiệt 266 Điện Biên Phủ		8			
	Ngõ 11 kiệt 266 Điện Biên Phủ		9			
	Ngõ 2 kiệt 266 Điện Biên Phủ		4			
	Ngõ 2 kiệt 293 Điện Biên Phủ		1			
	Kiệt 6 Thích Tịnh Khiết		1			
33	Điện Biên Phủ	39 đến 91	52	1		Tủ Điện Biên Phủ 2
	Nguyễn Thái Học	Bến Nghé đến Lê Quý Đôn	16	1		Tủ Võ Thị Sáu (Đối diện kiệt 11 Võ Thị Sáu)
	Kiệt 33 Nguyễn Thái Học		1			
	Đội Cung	Bến Nghé đến Lê Lợi	10			
	Kiệt 1 Đội Cung		1			
34	Kiệt 3 Đội Cung		2			
	Võ Thị Sáu	Bến Nghé đến Nguyễn Công Trứ	40			
	Chu Văn An	Lê Lợi đến Nguyễn Thái Học	32			
	Phạm Ngũ Lão	Lê Lợi đến Võ Thị Sáu	16			
	Nguyễn Tri Phương		4	1		Tủ Phó Đức Chính (Trước nhà 7 PĐC)
35	Bến Nghé		26			
	Nguyễn T Học		1			
	Trần Quang Khải	Bến Nghé đến	12			

		Nguyễn Thái Học				
	Kiệt 42 Trần Q Khải	1 đến 2	2			
	Phó Đức Chính		2			
	Kiệt 36 Trần Q Khải		3			
	Kiệt 48 Trần Q Khải		3			
36	Trần Cao Vân	Hùng Vương đến Hoàng Hoa Thám	4	1		Tử Hoàng Hoa Thám (Góc trường Lê Lợi)
	Trần Cao Vân	Bến Nghé đến Hùng Vương	8			
	Trương Định	Hùng Vương đến Phạm Hồng Thái	3			
	Lương Thế Vinh	Hùng Vương đến Hoàng Hoa Thám	3			
	Kiệt 8 Hà Nội		1			
	Kiệt 11 Lý Thường Kiệt		5			
37	Đền Chùm cầu TTiền		8	1		Tử Công viên 3/2 (ĐHSP TBA Hùng Vương 1)
	2 cột bát giác		2			
	Lê Lợi	Bên a	22			
		Bên b	22			
Lê Lợi	Cột 49c	1				
38	Hùng Vương	Nguyễn Tri Phương - Hà Nội	13	1		Tử Nguyễn Tri Phương (NGÃ 4 Nguyễn Tri Phương - Hùng Vương)
	Hùng Vương	Lê Lợi đến Nguyễn Tri Phương	16			
39	Lê Lợi	Cầu Phú Xuân đến cầu Trường Tiền	33	1		Tử Phạm Hồng Thái (Phạm Hồng Thái - Lê Lợi)
	Bà Huyện T Quan	1 đến 3	3			
	Hoàng Hoa Thám	Lê Lợi đến Trần Cao Vân	8			
	Phạm Hồng Thái	Lê Lợi đến Trần Cao Vân	6			

	Trương Định	Phạm Hồng Thái đến Hà Nội		6			
	Trần Cao Vân	Hà Nội Đến Hoàng Hoa Thám		4			
	Kiệt 34 Phạm Hồng Thái			1			
40	Cầu Phú Xuân	Trên cầu và đường dẫn lên cầu		44	1		Tủ Cầu Phú Xuân (Nam cầu Phú Xuân)
	Lê Lợi	Hà Nội đến Nguyễn Huy Tụ		14			
41	Nguyễn Trường Tộ	Lê Lợi đến Ngô Quyền		8	1		Tủ Quốc Học (NTT - LL )
	Ngô Quyền	Phan Bội Châu đến Nguyễn Trường Tộ		6			
	Nguyễn Huy Tụ	Lê Lợi đến Ngô Quyền		5			
	Lê Lợi	Nguyễn Huy Tụ đến Phan Bội Châu		22			
42	Lê Lai	Lê Lợi đến Ngô Quyền		8	1		Tủ Lê Lai
	Ngô Quyền	Nguyễn Trường Tộ đến Hai Bà Trưng		19			
	Khu QH Ngô Quyền			14			
	Đường sau UB Tỉnh	Lê Lai đến Nguyễn Huy Tụ		6			
43	Lê Quý Đôn	1 đến 18		36	1		Tủ Lê Quý Đôn (công sân vận động Lê Quý Đôn )
	Kiệt 33 Lê Q Đôn	1 đến 3		3			
	Kiệt 47 Lê Quý Đôn	1 đến 2		2			
	Kiệt 9 Lê Quý Đôn	1 đến 4		4			
	Nguyễn Thái Học	Lê Q Đôn - N T Học		12			
	Bà Triệu	Lê Q Đôn - Bà Triệu		2			

	Bà Triệu	5 đến 17		12		
	Kiệt 56 Nguyễn Công Trứ	2, 3, 4		3		
44	Phan Chu Trinh	49 đến 59		10	1	Tủ Phan Chu Trinh 3 (Đối diện số nhà 374 PCT)
	Kiệt 360 Phan Chu Trinh			2		
	Kiệt 350 Phan Chu Trinh			3		
	Kiệt 336 Phan Chu Trinh	1 đến 2		2		
	ngõ 16 Kiệt 386 Phan Chu Trinh	1 đến 2		2		
	Lương Văn Can			4		
	Kiệt 24 Lương Văn Can			7		
	Ngõ 10 Kiệt 24 Lương Văn Can	1 đến 3		3		
45	Nguyễn Công Trứ	1 đến 12		13	1	Tủ THỌ LỘC 1 (Nhà 49 Nguyễn Công Trứ)
	Cầu Vĩ Dạ	1 đến 24		25		
	Phạm Văn Đồng	1 đến 6		6		
	Kiệt 10 Võ Thị Sáu	1 đến 3		3		
	Kiệt 26 Võ Thị Sáu			1		
	Kiệt 28 Võ Thị Sáu			1		
	Kiệt 29 Võ Thị Sáu			1		
	Kiệt 43 Nguyễn Công Trứ			2		
	Kiệt 33 Nguyễn Công Trứ			2		
	Kiệt 7 Nguyễn Công Trứ	1 đến 7		7		
	Kiệt 31 Nguyễn Công Trứ			1		
	Kiệt 14 Nguyễn Công Trứ			2		
	Kiệt 26 Nguyễn Công Trứ			2		
	Kiệt 42 Nguyễn Công Trứ	1 đến 6		6		
Kiệt 56 Nguyễn Công Trứ			1			
	Kiệt 64 Nguyễn Công Trứ	1 đến 6		6		
46	Bùi Thị Xuân	19 đến 48		31	1	Tủ CẦU CHUI 2 (Cạnh nhà 208 BTX)
	Kiệt vào KQH Bàu Vá			13		
	Kiệt 126 Bùi Thị Xuân			1		

	Kiệt 134 Bùi Thị Xuân			1			
	Kiệt 141 Bùi Thị Xuân			4			
	Kiệt 161 Bùi Thị Xuân			3			
	Kiệt 171 Bùi Thị Xuân	1 đến 3		3			
	Kiệt 185 Bùi Thị Xuân			2			
	Kiệt 190 Bùi Thị Xuân	1 đến 4		4			
	Kiệt 197 Bùi Thị Xuân			5			
	Kiệt 203 Bùi Thị Xuân			3			
	Kiệt 212 Bùi Thị Xuân	1 đến 2		2			
	Kiệt 213 Bùi Thị Xuân	1 đến 3		3			
	Kiệt 213 Bùi Thị Xuân Nổi dài			13			
	Kiệt 230 Bùi Thị Xuân			2			
	Kiệt 238 Bùi Thị Xuân	1 đến 3		3			
	Kiệt 239 Bùi Thị Xuân	1 đến 2		2			
	Kiệt 242 Bùi Thị Xuân	1 đến 3		3			
	Kiệt 245 Bùi Thị Xuân	1 đến 6		6			
	Kiệt 245B Bùi Thị Xuân	1 đến 4		4			
	Kiệt 245C Bùi Thị Xuân	1 đến 21		21			
	Kiệt 254 Bùi Thị Xuân	1 đến 3		3			
	Kiệt 266 Bùi Thị Xuân			2			
	Kiệt 266 Bùi Thị Xuân			0			
	Kiệt 257 Bùi Thị Xuân	1 đến 3		6			
	Kiệt 289 Bùi Thị Xuân	6 đến 15		10			
		1 đến 9		9			
	Kiệt 292 Bùi Thị Xuân	1 đến 3		3			
	Kiệt 307 Bùi Thị Xuân	1 đến 13		13			
	Kiệt 317 Bùi Thị Xuân	1 đến 7		7			
47	Bùi Thị Xuân	49 đến 69		21	1		Tủ Phòng Đúc 1 (Đầu kiệt 347 Bùi Thị Xuân)
	Kiệt 302 Bùi Thị Xuân	1 đến 2		2			
	Kiệt 314 Bùi Thị Xuân	1 đến 3		3			

	Bến dò kiệt 314 BTX	1 đến 5		10		
	Kiệt 317 BTX			1		
	Kiệt 343 BTX	1 đến 3		3		
	Kiệt 354 BTX	1		1		
	Kiệt 358 BTX	1 đến 2		2		
	kiệt 370 BTX	1 đến 2		2		
	Kiệt 390 BTX	1 đến 3		3		
	Kiệt 393 BTX	1 đến 8		8		
	Kiệt 373 BTX	1 đến 7		7		
	Kiệt 374 BTX	1 đến 2		2		
	Kiệt 361 BTX	1 đến 4		4		
	Kiệt 391 BTX	1 đến 5		5		
	Kiệt 347 BTX	1 đến 2		2		
	Kiệt 324 Bùi Thị Xuân	1 đến 2		2		
48	Nguyễn Văn Đào			40	1	Tủ KQH BÀU VÁ (Đối diện lô B22 Nguyễn Văn Đào)
	Võ Quang Hải	1 đến 4		4		
	Đường Liên thôn tổ 20 KV5	1 đến 10		10		
	Đường Liên thôn tổ 22 KV6	Nhánh 1 và 2		27		
49	KĐC LỊCH ĐỢI (Góc ngã 3 Khu rau răm)			35	1	KĐC LỊCH ĐỢI (Góc ngã 3 Khu rau răm)
50	KQH Bàu Vá 1 TĐ1 (Vịt Thuận đi vào đường chính)			60	1	KQH Bàu Vá 1 TĐ1 (Vịt Thuận đi vào đường chính)
51	KQH Bàu Vá 1 TĐ2 (Vịt Thuận đi vào đường nhánh bên phải)			72	1	KQH Bàu Vá 1 TĐ2 (Vịt Thuận đi vào đường nhánh bên phải)
52	Cuối kiệt 30 lịch đợi			75	1	KQH Bàu Vá 2 (TBA TĐC Bàu Vá 2 cạnh mương Lịch Đợi)
53	Hai Bà Trưng			198	1	Hai Bà Trưng (CA phường V. Ninh)
54	Khu QH Bàu Vá GĐ 3			56	1	Khu QH Bàu Vá GĐ 3 (Hà Văn Chúc - Phan Đình Giót)
	<b>PHƯỜNG ĐANG QUẢN LÝ</b>					
55	ĐCS các đường kiệt			25	1	Đang triển khai đầu tư

<b>Đ2</b>	<b>PHƯỜNG AN CỰU</b>		<b>2.819</b>	<b>45</b>		
1	Hùng Vương (trước chợ An Cựu)	42 đến 57	13	1		Tủ An Cựu 1 (Trước cầu An Cựu)
	Cầu an cựu	1 đến 5	5			
	Phan Đình Phùng	48 đến 55	9			
	Kiệt 187 Phan Đình Phùng		1			
	Đặng Văn Ngữ	1 đến 5	5			
	Ngõ 5 kiệt 19 Đặng Văn Ngữ		1			
	Kiệt 19 Đặng Văn Ngữ	1 đến 4	4			
2	Đặng Văn Ngữ	6 đến 25	25	1		Tủ Phát Lát (20 Đặng Văn Ngữ)
	Kiệt 19 Đặng Văn Ngữ	1 đến 5	5			
	Kiệt 73 Đặng Văn Ngữ	1 đến 6	9			
	Kiệt 93 Đặng Văn Ngữ	1 đến 3	5			
	Kiệt 111 Đặng Văn Ngữ	1 đến 7	7			
	Kiệt 103 Đặng Văn Ngữ	1	1			
	Kiệt 125 Đặng Văn Ngữ	1 đến 5	5			
	Kiệt 131 Đặng Văn Ngữ	1 đến 2				
	Kiệt 139 Đặng Văn Ngữ	1 đến 3	3			
	Kiệt 135 Đặng Văn Ngữ		1			
	Kiệt 235 Đặng Văn Ngữ	1 đến 4	4			
Tôn Quang Phiệt	1 đến 4	4				
3	Duy Tân	7 đến 24	19	1		Tủ AN LẮNG 1 (nhà 79 Duy Tân)
	Kiệt 56 Duy Tân		14			
	Kiệt 12 Duy Tân		2			
	Kiệt 16 Duy Tân		11			
	Kiệt 52 Duy Tân	1 đến 3	3			
	Kiệt 59 Duy Tân		2			
	Ngõ 2 kiệt 73 Duy Tân	1 đến 4	4			
	Ngõ 14 kiệt 73 Duy Tân	1 đến 2	2			
	Ngõ 19 kiệt 73 Duy Tân	1 đến 4	4			
	Ngõ 1 kiệt 89 Duy Tân	1 đến 2	2			
Kiệt 89 Duy Tân	1 đến 11	11				

	Kiệt 99 Duy Tân	1 đến 4		4		
	Luong Văn Can			3		
4	Ngự Bình	11 đến 19		9	1	TỨ TÂY (Ngã 4 Bánh Bèo nhà 117 Ngự Bình)
	Kiệt 48 Ngự Bình	1 đến 8		8		
	Kiệt 68 Ngự Bình	1 đến 3		3		
	Kiệt 100 Ngự Bình	1 đến 3		7		
	Kiệt 252 Ngự Bình	1 đến 2		2		
	Kiệt 266 Ngự Bình	1 đến 2		2		
	Kiệt 35 Ngự Bình	1 đến 7		7		
	Nguyễn Khoa chiêm	1 đến 9		9		
	Kiệt 19 Nguyễn Khoa chiêm	1 đến 2		2		
	Kiệt 20 Nguyễn Khoa chiêm	1 đến 2		2		
	Kiệt 107 Duy Tân	1 đến 3		3		
Duy Tân	23 đến 25		3			
5	Kiệt 84 Nguyễn Khoa Chiêm	1 đến 9		9	1	Tủ Tập Thể Ngự Bình ( trước nhà 71 Nguyễn Khoa Chiêm)
	Kiệt 114 Nguyễn Khoa Chiêm	1 đến 10		10		
	Kiệt 128 Nguyễn Khoa Chiêm	1 đến 19		19		
	Kiệt 105 Nguyễn Khoa Chiêm	1 đến 4		4		
	ngõ 68 k 128 nguyên khoa chiêm	1 đến 2		2		
	Kiệt 91 Nguyễn Khoa chiêm	1 đến 7		7		
	Kiệt 88 Nguyễn Khoa chiêm	1 đến 11		11		
	Ngõ 13 Kiệt 88 Nguyễn K Chiêm	1 đến 5		5		
	Kiệt 36 Nguyễn Khoa chiêm	1 đến 2		2		
	Kiệt 33 Nguyễn Khoa chiêm	1 đến 4		4		
Nguyễn Khoa chiêm	10 đến 36		27			
6	KQH Nguyễn Khoa Chiêm (Đất xen ghép thửa, 354 An Tây trước nhà 77 Nguyễn Khoa Chiêm)			15	1	Tủ KQH Nguyễn Khoa Chiêm (Đất xen ghép thửa, 354 An Tây trước nhà 77 Nguyễn Khoa Chiêm)
7	Kiệt Bến Đá			13	1	Tủ Đầu Kiệt Bến Đá (Võ Văn Kiệt)

	Kiệt Trà Am			8		
8	Hồ Kiếm Huệ			28	1	Tử Nguyễn Hữu Thọ (Trước số 68 Nguyễn Hữu Thọ)
	Nguyễn Hữu Thọ			2		
	Nguyễn Đức Cảnh	2 đến 10		9		
	Hồ Tùng Mậu			1		
	Huỳnh Tấn Phát	1 đến 10		10		
	Lê Minh			2		
	Hoàng Văn Thụ			1		
	Nguyễn Hữu Thọ	1 đến 9		9		
	Nguyễn Phong Sắc	1 đến 8		8		
	Nguyễn Đức Cảnh	1 đến 2		2		
	Kiệt Nguyễn Phong Sắc	1 đến 4		4		
9	Lê Quang Đạo			54	1	Tử Lê Quang Đạo - Hoàng Văn Thụ
	Hoàng Văn Thụ					
10	Hoàng Thị Loan	1 đến 15		16	1	Tử Núi Bàn (Trượng đài Quang Trung Hoàng Thị Loan)
	Kiệt 42 Hoàng Thị Loan	1 đến 7		7		
	Đặng Huy Trứ nổi dài	1 đến 6		6		
	Kiệt 44 Hoàng Thị Loan	1 đến 4		4		
	Kiệt 62 Hoàng Thị Loan	1 đến 15		15		
	Kiệt 131 TP thông ra Ngự Bình	1 đến 4		4		
	Ngự Bình	20 đến 52		34		
11	Kiệt 47 Minh Mạng			7	1	Tử Tam Thai (đầu kiệt 6 Tam Thai)
	Tam Thai	5 đến 22		12		
	Kiệt 6 Tam Thai			23		
	Kiệt 6 Tam Thai nổi dài	1 đến 7		7		
	Ngõ 2 Kiệt 6 Tam Thai	1 đến 3		3		
	Ngõ 17 Kiệt 6 Tam Thai	1 đến 4		4		
	Ngõ 22 Kiệt 6 Tam Thai	1 đến 2		2		
	Kiệt 22 Tam Thai	1 đến 4		4		

	Kiệt 42 Tam Thai	1 đến 3		3		
	Kiệt 49 Tam Thai	1 đến 8		8		
	Kiệt 53 Tam Thai	1 đến 5		5		
	Kiệt 59 Tam Thai			1		
	Nam Giao	1 đến 5		15		
	Kiệt chùa Tây Thiên (kiệt 9 Nam Giao)	1 đến 10		10		
12	Lê Công Hành	1 đến 8		17	1	Tủ Xóm Hành (Nhà 56 Tam Thai)
	Trần Lư	1 đến 6		14		
	Kiệt 60 Tam Thai	1 đến 3		3		
	Tam Thai	23 đến 30		24		
	Đảo GT Tam Thai – Thiên Thai			2		
	Hoàng Thị Loan	16 đến 31		16		
13	Đường Trần Đại Nghĩa	1 đến 14		14	1	Tủ KĐC Xóm Hành (Nhà 49 Lương Như Hộc)
	3 đường ngang QH			8		
	Đường Nguyễn Cảnh	1 đến 19		19		
	Đường ngang QH			4		
14	Thiên Thai	58 đến 67		10	1	Tủ Chín Hầm (TBA Chín Hầm đường Th. Thai, cột 65)
15	Thiên Thai	43 đến 57		15	1	Tủ Làng Quê (TBA Làng Quê đường Th. Thai, cột 51)
16	Kiệt 86 Thiên Thai	1 đến 20			1	Tủ Ngũ Tây 1 (Số nhà 76 Th. Thai), cột 33
	Thiên Thai	28 đến 42		15		
17	Kiệt 10 Thiên Thai	1 đến 6		6	1	Tủ Ngũ Tây 2 (Số nhà 47 Th. Thai), cột 17
	Kiệt 32 Thiên Thai	1 đến 8		6		
	Kiệt 42 Thiên Thai	1 đến 9		9		
	Kiệt 50 Thiên Thai	1 đến 6		6		
	Hẻm 9, kiệt 50 Thiên Thai	1 đến 3		3		
	Kiệt 77 Thiên Thai	1 đến 11		11		

	Kiệt 86 Thiên Thai	1 đến 24		24		
	Kiệt 103 Thiên Thai	1 đến 12		12		
	Kiệt 147A Thiên Thai	1 đến 4		4		
	Kiệt 147D Thiên Thai	1 đến 10		10		
	Ngõ 19 Kiệt 32 Thiên Thai	1 đến 6		6		
	Khu xóm bên kia kênh đào Nam SH	1 đến 6		6		
	Thiên Thai	1 đến 27		27		
18	Cầu vượt Thủy Dương	Cột đơn 1 đến 18		18	1	Tủ Thủy Dương 2 (Gần Mazda Huế 163 Nguyễn Tất Thành)
		Cột đôi 21 đến 37		34		
	Đèn chùm	05 cột		25		
	Đèn pha gầm cầu vượt			12		
	Quốc Lộ 1A	66b đến 86b		21		
68a đến 89a			22			
19	An Dương Vương	54 a đến 67a		15	1	Tủ DPS Thủy Dương (Số nhà 35 Nguyễn Tất Thành)
		53b đến 65b		12		
20	An Dương Vương	25a đến 53a		28	1	Tủ Cầu Bạc 1 (số nhà 139 An Dương Vương)
		29b đến 52b		24		
21	Trần Thanh Mại	1 đến 9		9	1	Tủ Trần Thanh MẠI (Số nhà 10 Trần Thanh Mại)
	Kiệt 22 Trần Thanh Mại	1 đến 3		3		
	kiệt 148A hải triều	1 đến 2		2		
	Kiệt 129 An Dương Vương	1 đến 2		2		
	Kiệt 24 Trần Thanh Mại			4		
	Kiệt 22 Trần Thanh Mại	1 đến 2		3		
	Kiệt 29 Trần Thanh Mại	1 đến 16		16		
	Ngõ 2 kiệt 29 Trần Thanh Mại			1		
	Kiệt 93 An Dương Vương	1 đến 11		11		
kiệt 111 An Dương Vương	1 đến 3		3			

	Kiệt 85 An Dương Vương	1 đến 16		16		
22	Kiệt 5 Nguyễn Hữu Cảnh	1 đến 4		4	1	Tủ XÓM GIÓNG (Trước số nhà 25 Nguyễn Hữu Cảnh, TBA công Bạc 2)
	kiệt 10 Nguyễn Hữu Cảnh	1 đến 8		8		
	kiệt 31 Nguyễn Hữu Cảnh	1 đến 3		3		
	kiệt 46 Nguyễn Hữu Cảnh	1 đến 4		4		
	Nguyễn Văn Khả	1 đến 7		7		
	Nguyễn Hữu Cảnh	1 đến 7		7		
	Khu vực xóm Gióng	1 đến 16		16		
23	Kiệt 1 Ngự Bình	1 đến 2		2	1	Tủ An Lăng 2 (Số nhà 61 Ngự Bình)
	Ngự Bình	5 đến 10		6		
	Kiệt 68 Ngự Bình	1 đến 5		5		
24	Thủy Dương - Thuận An T1 (góc cua vào đường số 4 Võ Văn Kiệt)	cột 02 đến cột 28		56	1	Tủ Thủy Dương - Thuận An T1 (góc cua vào đường số 4 Võ Văn Kiệt)
25	Thủy Dương - Thuận An T2 (Đối diện cây xăng số 6 Võ Văn Kiệt)	cột 29 đến cột 62		77	1	Tủ Thủy Dương - Thuận An T2 (Đối diện cây xăng số 6 Võ Văn Kiệt)
26	Thủy Dương - Thuận An T3 (Gần cầu Như Ý 2)	cột 63 đến cột		76	1	Tủ Thủy Dương - Thuận An T3 (Gần cầu Như Ý 2)
27	Thủy Dương - Thuận An T4 (Trước cổng làng Dạ Lê Chánh)	cột 100 đến cột 140		88	1	Tủ Thủy Dương - Thuận An T4 (Trước cổng làng Dạ Lê Chánh)
28	Đường 100m Võ Nguyên Giáp)	1 đến 65		116	1	Tủ An Cựu City (Đường 56m Văn Tiên Dũng)
29	Đường số 2	1 đến 9		9	1	Tủ An Cựu City (Đường Ngang Số 7 - 8)
	Đường số 3	1 đến 4		4		
	Đường số 4	1 đến 9		9		
	Đường số 5	1ab đến 8ab		16		
	Đường số 6	1 đến 9		9		
	Đường số 8	1ab đến 9ab		18		
30	KQH AN ĐÔNG (gần đường Nguyễn Khoa Diệu Hồng)	1 đến 19		35	1	Tủ KQH An Đông (Gần Đường Nguyễn Khoa Diệu Hồng)
31	Đường số 10 đến đường 16			150	1	Tủ Điện CS T3 Khu An Cựu City (Khu Nam)

32	Đường N7 sát siêu thị Aeon Mall			15	1		Tủ Điện CS Đường N7 (Khu ĐT An Vân Dương)
33	Tôn Thất Cảnh	1 đến 37		37	1		Tủ Sông Như Ý (Gần Cầu Đội 1 Đường Sông Như Ý)
	Kiệt 36 Tôn Thất Cảnh	1 đến 3		3			
	Kiệt 54 Tôn Thất Cảnh	1 đến 3		3			
	Kiệt 60 Tôn Thất Cảnh	1 đến 2		2			
	Kiệt 66 Tôn Thất Cảnh			1			
	kiệt 90 tôn thất cảnh			1			
	Kiệt 8 Tôn Thất Cảnh	1 đến 3		3			
	Kiệt 45A Sông Như Ý			1			
Sông Như Ý	1 đến 32		32				
34	Hoàng Q Việt (tuyến cũ nối dài)	1 đến 10		10	1		Tủ Bom Nhất Đông (Đối diện trạm bơm Nhất Đông đường Tôn T Cảnh)
	Đường sông Như ý			11			
	Kiệt 59 đường sông Như ý			3			
35	Hùng Vương	2 đến 16		8	1		Tủ AN CỨU 3 (Số nhà 272 Hùng Vương)
	Kiệt 75 An Dương Vương	1 đến 7		7			
	Ngự Bình	1 đến 4		4			
	Ngõ 2 kiệt 27 Ngự Bình	1 đến 20		20			
	Kiệt 187 Hùng Vương	1 đến 13		13			
	Kiệt 246 Hùng Vương	1 đến 8		8			
	Ngõ 31 kiệt 246 Hùng Vương	1 đến 3		3			
	Kiệt 386 Phan Chu Trinh	1 đến 4		4			
36	An Dương Vương	1a đến 24a		24	1		Tủ AN CỨU 4 (Đầu kiệt 13 An Dương Vương)
		9b đến 20b		12			
	Kiệt 13 An Dương Vương	1 đến 8		8			
	Kiệt 33 An Dương Vương	1 đến 17		19			
	Kiệt 44 An Dương Vương	1 đến 4		4			
	Kiệt 56 Hải Triều	1 đến 5		5			
	Kiệt 139 An Dương Vương	1 đến 12		12			

	Kiệt 59 An Dương Vương	1 đến 7		7		
37	Hồ Đắc Di	1 đến 14		14	1	Tử Trường Bia (Tôn Thất Dương Kỳ - Hồ Đắc Di)
	Kiệt 31 Hồ Đắc Di	1 đến 5		5		
	Kiệt 36 Hồ Đắc Di	1 đến 11		11		
	Kiệt 43 Hồ Đắc Di	1 đến 3		3		
	Kiệt 46 Hồ Đắc Di			4		
	Kiệt 67 Hồ Đắc Di	1 đến 4		4		
	Kiệt 77 Hồ Đắc Di	1 đến 2		2		
	Kiệt 79 Hồ Đắc Di	1 đến 2		2		
	Kiệt 81 Hồ Đắc Di	1 đến 7		7		
	Kiệt 246 Hùng Vương	1 đến 6		6		
	Ngõ 43 kiệt 246 Hùng Vương	1 đến 2		2		
	Ngõ 31 kiệt 246 Hùng Vương	1 đến 3		3		
	Công viên KQH	1 đến 3		3		
	Đường ngang 3 KQH	1 đến 2		2		
	Đường ngang 1 KQH	1 đến 3		3		
	Đường ngang 2 KQH	1 đến 3		3		
	Tôn Thất Dương Kỳ	1 đến 10		10		
	Nguyễn Hữu Ba	1 đến 8		8		
Nguyễn Hữu Đính	1 đến 7		7			
Lê Khắc Quyền	1 đến 4		4			
38	Đường bên hông ĐH Kinh Tế	1 đến 4		4	1	Tử Đại Học Kinh Tế (Hồ Đắc Di)
	Hồ Đắc Di	1 đến 30		63		
39	Quanh KTXĐH Ngoại Ngữ			12	1	Tử Nguyễn Khánh Toàn (Nhà 42 Nguyễn Khánh Toàn)
	Nguyễn Khánh Toàn			16		
40	Kiệt 10 Hải Triều	1 đến 3		3	1	Tử Vạn Vạn (Đầu kiệt 74 Hải Triều)
	Kiệt 36 Hải Triều	2 đến 3		2		
	Hải Triều	1 đến 37		37		
	Kiệt 56 Hải Triều			1		

	Kiệt 60 Hải Triều	1 đến 4		4		
	Kiệt 66 Hải Triều	1 đến 4		4		
	Kiệt 74 Hải Triều	1 đến 5		5		
	Ngõ 7 kiệt 74 Hải Triều	1 đến 3		3		
	Kiệt 124 Hải Triều			1		
	Kiệt 148 Hải Triều	1 đến 3		3		
	Kiệt 164 Hải Triều	1 đến 3		3		
41	Tôn Quang Phiệt	5 đến 13		9	1	Tủ Phạm Ngọc Thạch (Ngã 3 Tôn Q Phiệt - Phạm Ngọc Thạch)
	Phạm Ngọc Thạch	1 đến 7		7		
	Kiệt 178 Hải Triều	1 đến 2		2		
	Kiệt 2 Phạm Ngọc Thạch	1 đến 8		8		
	Kiệt 4 Phạm Ngọc Thạch	1 đến 2		2		
	Kiệt 37 Phạm Ngọc Thạch	1 đến 3		3		
	Kiệt 51 Phạm Ngọc Thạch			1		
	Kiệt 15 Tôn Quang Phiệt	1 đến 9		9		
42	Khu quy hoạch đất xen ghép			9	1	Tủ Phan Anh (Tba Tứ Đông Số 62 Phan Anh)
	Nguyễn Duy Trinh			11		
	Phan Anh			14		
	Hồng Chương			6		
	Đường ngang số 1			4		
	Đường ngang số 2			3		
	Khu quy hoạch An Cựu City			32		
43	Hoàng Quốc Việt	1 đến 34		38	1	Tủ HOÀNG QUỐC VIỆT (Đầu đường Hoàng Q Việt)
44	Hoàng Quốc Việt (tuyến cũ)	1 đến 16		16	1	Tủ AN ĐÔNG (Cuối kiệt 1 HQV đối diện số nhà 75/1)
	Kiệt 1 Hoàng Quốc Việt	1 đến 29		29		
	Ngõ 3 kiệt 1 Hoàng Quốc Việt	1 đến 3		3		
	Ngõ 35 kiệt 1 Hoàng Quốc Việt	2 đến 2		2		
	Ngõ 144 kiệt 1 Hoàng Quốc Việt	1 đến 4		4		

	Kiệt 15 Hoàng Quốc Việt	1 đến 11		11		
	Kiệt 27 Hoàng Quốc Việt	1 đến 8		8		
	Kiệt 39 Hoàng Quốc Việt	1 đến 4		4		
	Kiệt 47 Hoàng Quốc Việt	1 đến 3		3		
	Kiệt 65 Hoàng Quốc Việt	1 đến 3		4		
45	Kiệt 121 Tôn Quang Phiệt	1 đến 3		3	1	Tù AN TÂY 2 (Số nhà 139 Tôn Quang Phiệt)
	Kiệt 115 Tôn Quang Phiệt	1 đến 3		3		
	Tôn Quang Phiệt	1 đến 29		29		
<b>Đ3</b>	<b>PHƯỜNG VỸ DẠ</b>		<b>1.805</b>	<b>30</b>		
1	Ứng Bình	3 đến 6		4	1	Tù CÒN HÉN (Cột 3 Ứng Bình)
	Kiệt 7 Ứng Bình	1 đến 14		14		
	ngõ 54 k7 ứng bình	1 đến 3		3		
	ngõ 94 k7 ứng bình			1		
	Kiệt 12 Ứng Bình	1 đến 4		4		
	Kiệt 2 Ứng Bình	1 đến 2		2		
	Kiệt 22 Ứng Bình	1 đến 10		10		
	Kiệt 47 Ứng Bình	1 đến 11		11		
2	Nguyễn Sinh Cung	31 đến 50		20	1	Tù Vĩ Dạ 3 (Trước Nhà 342 Nguyễn Sinh Cung)
	Kiệt 292 Nguyễn Sinh Cung	1 đến 3		3		
	Kiệt 316 Nguyễn Sinh Cung	1 đến 2		2		
	Kiệt 360 Nguyễn Sinh Cung	1 đến 3		3		
	Kiệt 346 Nguyễn Sinh Cung	1 đến 2		2		
	Kiệt 326 Nguyễn Sinh Cung	1 đến 3		3		
	Đường ngang thông từ kiệt 326 - 346 - 360 Nguyễn Sinh Cung	1 đến 9		9		
	Kiệt 280 Nguyễn Sinh Cung	1 đến 2		5		
3	Kiệt 24 Nguyễn Khoa Vỹ	6 đến 7		1	1	Tù Vĩ Dạ 5 (Cuối kiệt 162 Nguyễn Sinh Cung)
	Kiệt 12 Nguyễn Khoa Vỹ	1 đến 3		3		
	Nguyễn Khoa Vỹ	1 đến 5		8		

	Tuy Lý Vương	1 đến 9		9			
	Kiệt 10 Tuy Lý Vương	1 đến 2		2			
	Kiệt 191 Nguyễn Sinh Cung	1 đến 2		2			
	Nguyễn Sinh Cung	17 đến 20		4			
	Ứng Bình (cầu Phú Lưu)	1 đến 2		2			
4	ĐẬP ĐÁ (Lê Lợi - Nguyễn Công Trứ)			50	1		Tủ ĐẬP ĐÁ (Lê Lợi - Nguyễn Công Trứ)
5	Hàn Mặc Tử	1 đến 15		15	1		Tủ BƠM VĨ DẠ (Trước nhà 61 Hàn Mặc Tử)
	Kiệt 9 Hàn Mặc Tử			1			
	Kiệt 13 Hàn Mặc Tử	1 đến 3		3			
	Kiệt 19 Hàn Mặc Tử	1 đến 3		3			
	Kiệt 16 Nguyễn Sinh Cung			1			
	Kiệt 17 Hàn Mặc Tử	1 đến 3		3			
	Kiệt 37 Hàn Mặc Tử	1 đến 3		3			
	Kiệt 23 Hàn Mặc Tử			1			
	Kiệt 73 Hàn Mặc Tử	1 đến 2		2			
Kiệt 91 Hàn Mặc Tử			1				
Kiệt 49 Hàn Mặc Tử	1 đến 2		2				
6	Hàn Mặc Tử	16 đến 42		29	1		Tủ Hàn Mặc Tử 1 (Trước nhà 167 Hàn Mặc Tử)
	Kiệt 44 Hàn Mặc Tử	1 đến 2		2			
	Kiệt 49 Hàn Mặc Tử	1 đến 3		3			
	Kiệt 58 Hàn Mặc Tử	1 đến 1		7			
	Kiệt Karaoke Tình Tâm	1 đến 3		3			
	Kiệt 105 Hàn Mặc Tử	1 đến 3		3			
	Kiệt 131 Hàn Mặc Tử	1 đến 3		3			
	Kiệt 137 Hàn Mặc Tử	1 đến 3		3			
	Kiệt 159 Hàn Mặc Tử			1			
	Kiệt 181 Hàn Mặc Tử	1 đến 2		2			
Kiệt 177 Hàn Mặc Tử	1 đến 3		3				

	Kiệt 115 Hàn Mặc Tử	1 đến 5		5		
7	Phạm Văn Đồng	1 đến 23		23	1	Tử NAM VĨ DẠ 1 (PVĐ-NSS)
	Kiệt 12 Phạm Văn Đồng	1 đến 2		2		
	Kiệt 53 Phạm Văn Đồng	1 đến 2		2		
	Nguyễn Sinh Sắc	8 đến 10		5		
	Phan Văn Trường	1 đến 13		14		
	Việt Bắc			2		
	Lưu Hữu Phước	1 đến 5		5		
	Lưu Hữu Phước	1 đến 5		8		
	Đào Tinh Nhất	1 đến 4		4		
8	Trương Gia Mô	1 đến 14		16	1	Tử NAM VĨ DẠ 3 (TGM-NSS)
	Cao Xuân Dục	1 đến 13		13		
	Dục Thanh			5		
	Nguyễn Sinh Sắc	11 đến 16		9		
	Hà Huy Giáp	1 đến 4		5		
	Nguyễn Sinh Khiêm	1 đến 4		4		
	Hoàng Thông			5		
	Nguyễn An Ninh			5		
Nguyễn Quý Anh	1 đến 3		3			
9	Kiệt 13 Xuân Thủy	1 đến 2		2	1	Tử KQH NAM VĨ DẠ 7 (Nhà B40 Kim Liên)
	Xuân Thủy	1 đến 5		5		
		6 đến 16		9		
	Nguyễn Phan Chánh	1 đến 5		5		
	Hồng Thiết	1 đến 5		5		
	Kim Liên	1 đến 5		5		
	Nguyễn Sinh Sắc	1 đến 7		7		
	Kiệt 123	1 đến 7		7		
	Đường ngang biển áp	2 đến 4		2		
Kiệt 4 Đầm Phùng Thị	1 đến 3		3			
Quanh trường CĐ Du Lịch Huế	2 đến 8		8			

	Điềm Phùng Thị	1 đến 3		17			
	Khu mới bàn giao (quanh BV mắt)	1 đến 17		17			
10	Phạm Văn Đồng	24 đến 33		10	1		Tử NAM VĨ DẠ 2 (Pác Bó - Phạm Văn Đồng)
	Phan Văn Trường	17 đến 26		10			
	Pác Bó	Phạm Văn Đồng đến Phan Văn Trường		2			
	Nguyễn Sinh Khiêm	5 đến 9		5			
	Hà Huy Giáp	5 đến 11		7			
	Trương Gia Mô	1 đến 9		12			
	Phan Văn Trường	14 đến 16		7			
	Lâm Hoàng	6 đến 7		2			
	Kiệt 40 Lâm Hoàng	1 đến 3		3			
	Kiệt 64 Lâm Hoàng	1 đến 2		2			
	Kiệt 82 Lâm Hoàng	1 đến 4		4			
Việt Bắc	2 đến 5		4				
11	Cao Xuân Huy	1 đến 4		4	1		Tử TÙNG THIỆN VƯƠNG (Trước nhà 3 Cao Xuân Huy)
	Ứng Trí	1 đến 7		7			
	Nguyễn Khoa Vy	1 đến 3		3			
	kiệt 6 Nguyễn khoa vy	1 đến 3		3			
	Trương Gia Mô	1 đến 6		6			
	Tùng Thiện Vương	1 đến 8		8			
	kiệt 11 tùng thiện vương			1			
	kiệt 25 tùng thiện vương	1 đến 2		2			
	Pác Bó	1 đến 2		2			
	Hồng Khăng	1 đến 14		14			
Nguyễn Minh Vỹ	1 đến 2		2				
12	Nguyễn Sinh Cung	20 đến 30		11	1		Tử VĨ DẠ 1 (Trước nhà 252 NSC)
	Kiệt 40 Nguyễn Sinh Cung	1 đến 7		7			

	Kiệt 64 Nguyễn Sinh Cung	1 đến 4		4		
	Kiệt 82 Nguyễn Sinh Cung	1 đến 4		4		
	Kiệt 138 Nguyễn Sinh Cung	1 đến 5		5		
	Kiệt 162 Nguyễn Sinh Cung	1 đến 8		8		
	Kiệt 162 Nguyễn Sinh Cung	1 đến 5		0		
	kiệt 219 nguyên sinh cung	1 đến 2		2		
	Thanh Tịnh	1 đến 9		9		
	Kiệt 42 Tùng T Vương	1 đến 3		3		
	Tùng Thiện Vương			7		
	Kiệt 126 Phạm Văn Đồng			9		
	Kiệt 280 Nguyễn Sinh Cung			3		
	Kiệt 197 Tùng T Vương	1 đến 3		3		
	Tùng Thiện Vương	1 đến 12		12		
	Nguyễn Khoa Vy	6 đến 9		4		
13	Đập Đá			3	1	Tủ VĨ DẠ 2 (Trước nhà 92 NSC)
	Nguyễn Sinh Cung	1 đến 16		16		
	kiệt 1 nguyên sinh cung			1		
14	Trương Gia Mô			4	1	Tủ LÂM HOẰNG (Trương Gia Mô - Lâm Hoằng)
	Kiệt 10 Lâm Hoằng	1 đến 5		5		
	Lâm Hoằng	1 đến 36		36		
15	Hà Huy Tập			13	1	Tủ Lê Viết Lượng (Trước số 30 Lê Viết Lượng)
	Nguyễn Hữu Thọ	7 đến 12		4		
	Lê Viết Lượng	13 đến 16		4		
	Trường chinh	1 đến 22		26		
	kiệt 16 trường chinh			1		
	Trường chinh (lắp bổ sung 2021)	1a đến 27a		27		
	Kiệt 112 Trường chinh			3		
	Kiệt 117 Trường chinh			9		
Kiệt 137 Trường chinh	1 đến 7		7			

	Lê Viết Lượng	1 đến 9		9		
	Nguyễn Đức Tịnh	1 đến 9		9		
	Hoàng Văn Thụ			4		
	Lê Minh			2		
	Kiệt 61 Lê Minh			2		
	Kiệt 127 Trường Chinh	1 đến 2		2		
	Kiệt 177 Trường Chinh	1 đến 6		6		
16	Dương Văn An	1 đến 21		21	1	Tù XUÂN PHÚ (Dương Văn An - Nguyễn Bính)
	Nguyễn Bính	1 đến 6		6		
	Nguyễn Lộ Trạch	1 đến 11		11		
	Nguyễn Tuấn			5		
	kiệt 11 Nguyễn Tuấn	1 đến 2		2		
	Kiệt 5 Nguyễn Tuấn	1 đến 2		2		
	Kiệt 3 Dương Văn An	1 đến 7		7		
	Kiệt 29 Dương Văn An			2		
	Kiệt 46 Dương Văn An	1 đến 2		2		
	Kiệt 41 Dương Văn An	1 đến 2		2		
	Kiệt 42 Dương Văn An	1 đến 2		2		
	Kiệt 60 Dương Văn An			4		
	Kiệt 61 Dương Văn An			1		
	Kiệt 86 Dương Văn An	1 đến 4		4		
	Kiệt 92 Dương Văn An	1 đến 4		4		
	Kiệt 94 Dương Văn An			4		
Kiệt 5 Văn Cao	1 đến 3		3			
Kiệt 15 Văn Cao			3			
17	Nguyễn Lộ Trạch	12 đến 20		10	1	Tù CHỢ CỐNG (Nguyễn Đỗ Cung- Nguyễn Lộ Trạch)
	Văn Cao	1 đến 5		6		
	Nguyễn Đỗ Cung			4		
	Dương Văn An	22 đến 23		2		

	Kiệt 42 Nguyễn Lộ Trạch	1 đến 2		2		
	Kiệt 80 Nguyễn Lộ Trạch			2		
	Kiệt 92 Nguyễn Lộ Trạch			7		
	Kiệt 147 Nguyễn Lộ Trạch			3		
18	Tổ Hữu (đèn CS)	hai bên		41	1	Tử Lý Tự Trọng (TBA Kiểm Huệ 4 trước nhà số 65 Lý Tự Trọng)
	Trần Văn Ôn			8		
	Lý Tự Trọng			7		
	Kiệt 1 Lý Tự Trọng			2		
	Kiệt 2 Lý Tự Trọng			1		
	Đặng Thùy Trâm			4		
	Bùi San			8		
19	Nguyễn Lộ Trạch	19 đến 24		6	1	Tử Văn Dương 1 (Nguyễn Lộ Trạch - Ngô Thúc Khuê)
	Kiệt 104 Nguyễn Lộ Trạch	1 đến 4		4		
	Kiệt 106 Nguyễn Lộ Trạch	1 đến 21		31		
	Kiệt 116 Nguyễn Lộ Trạch	1 đến 4		4		
	Kiệt 118 Nguyễn Lộ Trạch	1 đến 5		5		
	Kiệt 130 Nguyễn Lộ Trạch	1 đến 4		4		
	Kiệt 137 Nguyễn Lộ Trạch	1 đến 4		4		
	Kiệt 157 Nguyễn Lộ Trạch	1 đến 4		4		
	Kiệt 163 Nguyễn Lộ Trạch	1 đến 5		5		
	Kiệt 167 Nguyễn Lộ Trạch	1 đến 6		6		
	Nguyễn Lộ Trạch	25 đến 40		16		
	Kiệt 142 Nguyễn Lộ Trạch	1 đến 3		3		
kiệt 150 Nguyễn Lộ Trạch			1			
20	Kiệt 171 Nguyễn Lộ Trạch	1 đến 7		7	1	Tử VĂN DƯƠNG 2 (Đầu kiệt 187 NLT)
	Kiệt 179 Nguyễn Lộ Trạch	1 đến 6		6		
	Kiệt 183 Nguyễn Lộ Trạch	1 đến 6		6		
	Kiệt 185 Nguyễn Lộ Trạch	1 đến 12		12		
	Kiệt 187 Nguyễn Lộ Trạch	1 đến 5		5		

	Kiệt 189 Nguyễn Lộ Trạch	1 đến 5		5		
	Kiệt 191 Nguyễn Lộ Trạch	1 đến 5		5		
	Kiệt 193 Nguyễn Lộ Trạch	1 đến 5		5		
	Kiệt 195 Nguyễn Lộ Trạch	1 đến 5		5		
21	Hà Huy Tập	1 đến 15		35	1	Tủ Bà Triệu 1 (Cổng nhà thi đấu Bà Triệu)
	Cổng khu thi đấu	Bà Triệu đến Hà Huy Tập		12		
	Bà Triệu	Dương Văn An đến nhà thi đấu		4		
	Kiệt 52 Bà Triệu	1 đến 2		2		
	Kiệt 15 Tổ Hữu			4		
	Kiệt 12 - 14 Hà Huy Tập (Lê Viết Lượng nói dài)			6	1	
22	Kiệt 16 Công Lương	1 đến 7		7	1	Tủ 1: đầu kiệt 14 Công Lương Thủy Vân, cột số 51
	Kiệt 15 Công Lương	1 đến 5		5		
	Kiệt 13 Công Lương	1 đến 3		3		
	Kiệt 12 Công Lương	1 đến 2		2		
	Kiệt 11 Công Lương	1 đến 2		2		
	Kiệt 10 Công Lương	1 đến 2		2		
	Kiệt 8 Công Lương	1 đến 4		4		
	Kiệt 7 Công Lương	1 đến 5		5		
	Kiệt 6 Công Lương	1 đến 11		11		
	Kiệt 5 Công Lương	1 đến 6		6		
	Kiệt 4 Công Lương	1 đến 5		5		
Thôn Công Lương			37			
23	Kiệt 9 Xuân Hòa	1 đến 2		2	1	Tủ 2: Cuối đường Xuân Hòa, Thủy Vân, cột số 15
	Kiệt 8 Xuân Hòa	1 đến 2		2		
	Kiệt 7 Xuân Hòa	1 đến 6		6		
	Kiệt 5 Xuân Hòa	1 đến 3		3		

	Kiệt 3 Xuân Hòa	1 đến 5		5		
	Kiệt 2 Xuân Hòa	1 đến 10		10		
	Kiệt 1 Xuân Hòa	1 đến 5		5		
	Kiệt 2 Công Lương	1 đến 6		6		
	Kiệt 2 Công Lương			1		
	Kiệt 1 Công Lương	1 đến 4		4		
	Thôn Xuân Hòa			15		
24	Kiệt 14 Xuân Hòa	2 đến 5		4	1	Tủ 3: Đầu kiệt 11 Xuân Hòa, Thủy Vân, cột số 25
	Kiệt 13 Xuân Hòa	1 đến 3		3		
	Kiệt 12 Xuân Hòa	1 đến 5		5		
	Kiệt 10 Xuân Hòa	1 đến 4		4		
	Thôn Xuân Hòa			27		
25	Kiệt 15B Xuân Hòa	1 đến 9		9	1	Tủ 4: Xuân Hòa, Thủy Vân, cột số 7
	Kiệt 15 Xuân Hòa	1 đến 6		6		
	Thôn Xuân Hòa			15		
26	Cân Dương			39	1	Tủ 5 (đầu kiệt 10 Vân Dương, Thủy Vân), cột số 32
27	Kiệt 17 Công Lương	1 đến 9		9	1	Tủ 6: Trước Đình Làng Dạ Lê Chánh, Thủy Vân, cột số 9
	Kiệt 10 Dạ Lê Chánh	1 đến 6		6		
	Kiệt 9 Dạ Lê Chánh	1 đến 4		4		
	Dạ Lê Chánh			27		
28	Đường Liên Thôn Dạ Lê			35	1	Tủ 7: Đầu kiệt 4 Dạ Lê, Thủy Vân, cột số 11
	Kiệt 1 Dạ Lê			11		
	Kiệt 4 Dạ Lê			10		
	Kiệt 9 Dạ Lê			7		
	Kiệt 9 Công Lương			5		
	Kiệt 14 Công Lương			4		
	Kiệt 6 Xuân Hòa			14		
	Kiệt 1 Xuân Hòa nối kiệt 2 Vân			8		

	Dương					
	Kiệt 5 Vân Dương			4		
	Kiệt 10 Vân Dương			5		
	Kiệt 11 Xuân Hòa			8		
		1 đến 12		13	1	Thọ Lộc 1 (Nhà 49 N.C.Trứ)
	Cầu Vĩ Dạ	1 đến 24		28		
	Phạm Văn Đồng	1 đến 6		6		
	Kiệt 10 Võ Thị Sáu	1 đến 3		3		
	Kiệt 26 Võ Thị Sáu			1		
	Kiệt 28 Võ Thị Sáu			1		
	Kiệt 29 Võ Thị Sáu			1		
29	Kiệt 43 Nguyễn Công Trứ			2		
	Kiệt 33 Nguyễn Công Trứ			2		
	Kiệt 7 Nguyễn Công Trứ	1 đến 7		7		
	Kiệt 31 Nguyễn Công Trứ			1		
	Kiệt 14 Nguyễn Công Trứ			2		
	Kiệt 26 Nguyễn Công Trứ			2		
	Kiệt 42 Nguyễn Công Trứ	1 đến 6		6		
	Kiệt 56 Nguyễn Công Trứ			1		
	Kiệt 64 Nguyễn Công Trứ	1 đến 6		6		
	<b>Đ4</b>	<b>THỦY XUÂN</b>			<b>3.169</b>	<b>52</b>
	<b>TRUNG TÂM ĐANG QUẢN LÝ</b>					
1	Minh Mạng	1 đến 34		34	1	Tủ Cầu Lim 1 (TBA Thủy Xuân 2, đầu kiệt 106 Minh Mạng)
	Kiệt 106 Minh Mạng	1 đến 15		15		
	kiệt 109 minh mạng	1 đến 23		23		
	ngõ 2 kiệt 109 minh mạng	1 đến 2		2		
	Kiệt 80 Minh Mạng	1 đến 6		6		
	Kiệt 72 Minh Mạng	1 đến 6		6		
	Kiệt 79 Minh Mạng	1 đến 7		7		
	Ngõ 16 Kiệt 79 Minh Mạng	1 đến 14		14		

	Ngõ 3 kiệt 80 Minh Mạng	1 đến 2		2		
	Kiệt 30 Minh Mạng	1 đến 9		9		
	Kiệt 38 Minh Mạng			1		
	Kiệt 47 Minh Mạng			9		
	ngõ 7 k47 minh mạng	1 đến 5		5		
2	Kiệt 69 Lê Ngô Cát	1 đến 15		17	1	Tủ Tự Đức (Ngõ 31 Kiệt 69 LNC)
	Ngõ 11 kiệt 69 Lê Ngô Cát	1 đến 10		10		
	Ngõ 15 kiệt 69 Lê Ngô Cát	1 đến 5		5		
	Kiệt 106 Minh Mạng	1 đến 20		20		
3	Khu QH Cầu Lim	1 đến 50		50	1	Tủ KQH CẦU LIM 1 (Đầu đường Bùi Viện)
4	Minh Mạng (QL 49)	Từ ngã 3 Cư Chánh dọc theo QL49		18	1	Tủ 01 - đường QL49 (cột 6 QL49 Thủy Bằng)
5	Minh Mạng (QL 49)	Dọc theo đường QL49 đến bến Than		41	1	Tủ 02 - đường QL49 (cột 39 QL49 Thủy Bằng)
6	Kiệt cột 54	1 đến 9		9	1	Tủ Dương Phẩm 1, cột 71
	Kiệt cột 73	1 đến 21		21		
	Đường liên thôn			27		
7	Kiệt cột 11	1 đến 20		21	1	Tủ Băng Lãng 1, cột 10
	Kiệt cột 21	1 đến 10		10		
	Đường liên thôn	1 đến 27		27		
8	Đường liên thôn	1 đến 28		28	1	Tủ Băng Lãng 2, cột 46
9	Đường Khải Định	Từ bãi giữ xe Lãng Khải Định dọc theo tuyến đường lên cầu Tuần		21	1	Tủ 03 - đường Đại Nam (Cách Nghĩa trang LS Xã Thủy Bằng 100m tại cột số 12)
10	Đường Thôn cư Chánh 2			20	1	Tủ Tái ĐC Thủy Bằng (Cư Chánh)
	Thôn Cư Chánh 2			22		
	Trong khu TĐC			27		
11	Cầu Hữu Trạch - Gia Long			43	1	Tủ Hương Thọ 1, cột số 1, phía Nam Cầu Hữu Trạch

12	Cầu Hữu Trạch - Gia Long			43	1		Tủ Hương Thọ 2, cột 37.8
13	Cầu Hữu Trạch - Gia Long			44	1		Tủ Hương Thọ 3, cột 111
14	QL49B			38	1		Tủ QL 49 Thủy Bằng 1, cột 51
15	Đường lòn dưới cầu Tuần (thôn La Khê)			4	1		Tủ QL 49 Thủy Bằng 2, cột 121
	QL49B			41			
16	QL49B			23	1		Tủ QL 49 Hương Thọ 1, cột 5
17	QL49B			34	1		Tủ QL 49 Hương Thọ 2, cột phía Bắc cầu Hữu Trạch
18	Nửa cầu phía Thủy Bằng			26	1		Tủ Cầu Tuần phía Thủy Bằng, cột 14 Cầu Tuần
19	Cầu Tuần phía Hương Thọ, cột sát chân Cầu Tuần phía Hương Thọ			17	1		Tủ Cầu Tuần phía Hương Thọ, cột sát chân Cầu Tuần phía Hương Thọ
20	Đường vào hồ Thủy Tiên	1 đến 16		16	1		Tủ Thiên An (Gần TBA Thiên An), cột 12
	Khải Định			26			
21	Kiệt cột 47 (Đường vào Lê bá Đăng)	1 đến 16		39	1		Tủ Bảng Lãng (Nhà hàng Hoàng Mai), cột 44
	Kiệt cột 53 (TĐC thôn Kim Sơn)	1 đến 14		14			
	Khải Định			30			
	Đường vào hồ Thủy Tiên	1 đến 16		16			
	Khải Định			26			
22	Khải Định	1 đến 33		33			Tủ Khải Định
23	Đường vào tiểu đoàn cơ động thôn Hải Cát xã Hương Thọ, cột số 1	1 đến 25		25			Tủ Đường vào tiểu đoàn cơ động thôn Hải Cát xã Hương Thọ, cột số 1
24	Thôn Châu Chũ (cột 25 từ cổng làng thôn Châu Chũ vào)	1 đến 33		33			Tủ Thôn Châu Chũ (cột 25 từ cổng làng thôn Châu Chũ vào)
	Đường rẽ nhánh Từ Châu Chũ lê Ngọc linh (đầu nối tại cột 29)	1 đến 40		40			
	Đường rẽ nhánh vào sân bóng (đầu nối tại cột 33)	1 đến 13		13			
25	Tĩnh lộ 25 từ cầu Mụ Giáo hướng	1 đến 52		52	1		Tủ Dương Phẩm 2 (gần cột 15 từ cầu Mụ

	đi Phú Sơn						Giáo đi tới)
	Tuyến rẽ TĐC Thôn Dạ Khê	1 đến 21		21			
26	Chùa Đức Sơn (trước cổng Làng An Việt), cột số 8	1 đến 35		35	1		Tủ Chùa Đức Sơn (trước cổng Làng An Việt), cột số 8
27	Thôn Cư Chánh 2 (sát bên hông Lăng Thiệu Trị)	1 đến 23		23	1		Tủ Thôn Cư Chánh 2 (sát bên hông Lăng Thiệu Trị)
28	Tuyến đường Trung tâm xã Thủy Bằng	1 đến 41		41	1		Tủ Tuyến đường Trung tâm xã Thủy Bằng (tủ 1 sát UBND xã Thủy Bằng)
	Trước UBND Xã Thủy Bằng			22			
29	Tuyến đường Trung tâm xã Thủy Bằng	42 đến 82		41	1		Tủ Tuyến đường Trung tâm xã Thủy Bằng (tủ 2 sát Cầu chui đường cao tốc)
30	Đường Tránh Huế	Tủ tại cột HT22; Tủ HT19 đến HT51; Tủ HT113 đến HT119		45	1		Tủ Đường Tránh Huế (Hương Thọ tủ 4)
31	Đường Tránh Huế	Tủ tại cột HT93; Tủ HT52 đến HT102; Tủ HT120 đến HT130		64	1		Tủ Đường Tránh Huế (Hương Thọ tủ 5)
32	Đường Tránh Huế	Tủ tại cột TB28; Tủ TB02 đến TB50; Tủ TB01 đến TB97		66	1		Tủ Đường Tránh Huế (Thủy Bằng tủ 6)
33	Đường Tránh Huế	Tủ tại cột TB106; Tủ TB51 đến TB50; Tủ TB98 đến TB121		64	1		Tủ Đường Tránh Huế (Thủy Bằng tủ 7)
34	Lăng Minh Mạng (Hương Thọ)	Tủ 1 đến 22		22	1		Tủ Tủ Lăng Minh Mạng (Hương Thọ)
35	Thôn Vỹ Xá	Tủ 58 đến 87		29	1		Tủ Vỹ Xá (Thủy Bằng)
36	Thôn Vỹ Xá	Tủ 88 đến 111		23	1		Tủ Vỹ Xá (Thủy Bằng)
37	Kiệt 465 Bùi Thị Xuân	1 đến 13		13	1		Long Thọ 3 (Cạnh nhà 437 BTX)
	Kiệt 471 Bùi Thị Xuân	1 đến 3		3			
	Kiệt 499 Bùi Thị Xuân	1 đến 3		3			

	Kiệt 547 Bùi Thị Xuân	1 đến 7		7		
	Kiệt 580 Bùi Thị Xuân	1 đến 6		6		
	Kiệt 588 Bùi Thị Xuân	1 đến 4		4		
	Kiệt 589 Bùi Thị Xuân	1 đến 3		3		
	Kiệt 612 Bùi Thị Xuân	1 đến 3		3		
	Kiệt 598 Bùi Thị Xuân	1 đến 3		3		
	Kiệt 500 Bùi Thị Xuân	1 đến 3		3		
	Kiệt 522 Bùi Thị Xuân	1 đến 3		3		
	Kiệt 538 Bùi Thị Xuân	1 đến 2		2		
	Kiệt 572 Bùi Thị Xuân	1 đến 6		6		
	Kiệt 566 Bùi Thị Xuân			5		
	Kiệt 503 Bùi Thị Xuân	1 đến 3		3		
	Kiệt 602 Bùi Thị Xuân	1 đến 4		4		
	Huyện Trần Công Chúa			24		
	Kiệt 11 Huyện Trần Công Chúa	1 đến 8		8		
	Kiệt 28 Huyện Trần Công Chúa	1 đến 13		13		
	Thanh Nghị	1 đến 19		19		
	Kiệt 12 Thanh Nghị	1 đến 2		2		
	Kiệt 20 Thanh Nghị	1 đến 7		7		
	Kiệt 24 Thanh Nghị	1 đến 5		5		
	Kiệt 30 thanh nghị	1 đến 3		0		
	Kiệt 32 thanh nghị	1 đến 4		4		
	kiệt 46 ngô hà	1 đến 4		4		
	Bùi Thị Xuân	70 đến 89		20		
38	Kiệt 12 Ngô Hà	1 đến 8		8	1	Thủy Biều 2 (Đổi diện kiệt 26 Ngô Hà)
	Kiệt 16 Ngô Hà	1 đến 3		3		
	Kiệt 18 Ngô Hà	1 đến 4		4		
	Kiệt 26 Ngô Hà	1 đến 4		4		
	Kiệt 31 Ngô Hà	1 đến 4		4		
	Kiệt 47 Ngô Hà	1 đến 8		8		
	Kiệt 52 Ngô Hà	1 đến 7		7		

	Kiệt 30 Ngô Hà	1 đến 4		4		
	Kiệt 22 Thân Văn Nhiếp	1 đến 8		8		
	Ngô Hà	1 đến 21		21		
39	Bùi Thị Xuân	90 đến 116		27	1	Thủy Biều 4 (Đối diện nhà 523 BTX)
	Nguyệt Biều	1 đến 35		35	1	Thủy Biều 3 (Nhà 49 Thân Văn Nhiếp)
	Kiệt 16 Nguyệt Biều	1 đến 6		6		
	Kiệt 38 Nguyệt Biều			1		
	Kiệt 44 Nguyệt Biều	1 đến 8		8		
	Kiệt 60 Nguyệt Biều	1 đến 7		7		
	Kiệt 62 Nguyệt Biều	1 đến 3		3		
	Kiệt 119 Nguyệt Biều	1 đến 5		5		
	Kiệt 8 Thân Văn Nhiếp	1 đến 3		3		
	Đường T. Văn Nhiếp	1 đến 35		35		
	Lương Quán	1 đến 30		30		
40	Kiệt 1 Lương Quán	1 đến 2		2		
	Kiệt 4 Lương Quán			1		
	Kiệt 47 Lương Quán	1 đến 6		6		
	Kiệt 73 Lương Quán	1 đến 8		8		
	Kiệt 18 Thân Văn Nhiếp	1 đến 5		5		
	Kiệt 27 Thân Văn Nhiếp	1 đến 4		4		
	Kiệt 32 Thân Văn Nhiếp	1 đến 4		4		
	Kiệt 34 Thân Văn Nhiếp	1 đến 3		3		
	Kiệt 45 Thân Văn Nhiếp	1 đến 6		6		
	Kiệt 53 Thân Văn Nhiếp	1 đến 6		6		
	Kiệt 55 Thân Văn Nhiếp	1 đến 3		3		
	Kiệt 72 Thân Văn Nhiếp	1 đến 4		4		
41	Đặng Đức Tuấn	1 đến 18		18	1	Thủy Biều 6 (Nhà 17 Đặng Đ Tuấn)
	Kiệt 18 Đặng Đức Tuấn	1 đến 7		7		
	Kiệt 17 Đặng Đức Tuấn	1 Đến 5		5		
42	Long Thọ	1 đến 10		10	1	Long Thọ (Đối diện kiệt 21 Long Thọ)
	kiệt 59 long thọ			4		

	Kiệt 21 Long Thọ	1 đến 12		12		
	kiệt 4 long thọ	1 đến 4		4		
	kiệt 2 long thọ			10		
	Đường Long Thọ			5		
43	Thân Trọng Phước			21	1	Thủy Biều 5 ( Đối diện nhà 6 Thân Trọng Phước)
	Kiệt 1 Thân Trọng Phước	1 Đến 14		14		
44	Phan Kế Bình	1 đến 11		12	1	Huyện Trần Công Chúa (TBA Thủy Xuân 5 nhà 40 HTCC)
	Phạm Đình Toái	1 đến 4		4		
	Khu QH Thủy Xuân (Hoài Thanh)	1 đến 8		8		
	Kiệt cột 3 KQH Thủy Xuân (Hoài Thanh)	1 đến 2		2		
	Hoài Thanh	1 đến 24		24		
	Kiệt 37 Hoài Thanh	1 đến 8		8		
	Kiệt 4 Hoài Thanh	1 đến 4		4		
	Nguyễn Trung Ngạn	1 đến 7		7		
	Huyện Trần Công Chúa	1 đến 46		46		
	kiệt 32 Huyện Trần Công Chúa	1 đến 12		12		
	ngõ 8 k32 Huyện Trần Công Chúa	1 đến 5		5		
	kiệt 30 Huyện Trần Công Chúa	1 đến 10		10		
	Ngx 8, kiệt 32 Huyện Trần Công Chúa	1 đến 4		4		
	kiệt 40 Huyện Trần Công Chúa	1 đến 3		3		
	Ngõ 15, kiệt 28 Huyện Trần Công Chúa	1 đến 4		4		
	kiệt 28 Huyện Trần Công Chúa			3		
45	tổ 11 kv6 thủy xuân			6	1	Vũ Ngọc Phan (14 Vũ Ngọc Phan)
	tổ 12			5		
	tổ 20 KV5 Thủy Xuân	1 đến 7		7		
	Tổ 21 KV6 Thủy Xuân	1 đến 6		6		
	Vũ Ngọc Phan	1 đến 24		24		

	kiệt 10 vũ ngọc phan	1 đến 8		24		
	kiệt 23 vũ ngọc phan	1 đến 7		7		
	kiệt 24 vũ ngọc phan			15		
	Kiệt 25 Vũ Ngọc Phan	1 đến 14		14		
	kiệt 36 vũ ngọc phan	1 đến 2		2		
	kiệt 55 vũ ngọc phan	1 đến 5		5		
	kiệt 59 vũ ngọc phan	1 đến 3		3		
46	kiệt 78 H.T.C.chúa	1 đến 12		12	1	Tủ Đoàn Nữ Hải (Nhà số 2 Đoàn Nữ Hải)
	Kiệt 94 Huyền Trân Công Chúa	1 đến 2		2		
	Huyền Trân Công Chúa			31		
	Đoàn Nữ Hải	1 đến 20		20		
47	Thích Tịnh Khiết nổi dài	1 đến 40		40	1	Thủy Xuân 8 (Cột 34 Thích Tịnh Khiết nổi dài, bên cạnh nhà 94 kiệt 82 Quảng Tế)
	Tổ 20 KV5 Thủy Xuân			6		
48	Trần Thái Tông	19 đến 24		6	1	Tường Vân 1 (Chùa Tường Vân)
	Kiệt 69 Trần Thái Tông	1 đến 2		2		
	Kiệt 77 Trần Thái Tông	1 đến 6		6		
	Kiệt 111 Trần Thái Tông			6		
	Kiệt 105 Trần Thái Tông	1 đến 5		5		
	Ngõ 1 kiệt 184 Điện Biên Phủ			2		
	Thích Tịnh Khiết			28		
49	QUẢNG TẾ			22	1	Quảng Tế (Đối diện nhà máy nước Quảng Tế)
	Thanh Hải nổi dài	11 đến 22		24		
	Kiệt 1 Quảng Tế	1 đến 2		2		
	kiệt 82 Quảng Tế			22		
	Ngõ 15 kiệt 82 Quảng Tế	1 đến 14		14		
	Kiệt 48 Quảng Tế	1 đến 2		2		
50	Lê Ngô Cát	1 đến 22		30	1	Điện Biên Phủ 2 (Đầu nhà số 2 Lê Ngô Cát)

	Kiệt 7 Lê Ngô Cát	1 đến 2		2		
	Kiệt 65 Lê Ngô Cát	1 đến 14		22		
	Kiệt 54 Lê ngô Cát	1 đến 4		4		
	Kiệt 44 Lê ngô Cát	1 đến 18		18		
	Thanh Hải			12		
	kiệt 4 thanh hải	1 đến 3		3		
	Trần Thái Tông	1 đến 19		19		
	Minh Mạng	1 đến 12		12		
	Kiệt 15 Minh Mạng	1 đến 50		5		
	Kiệt 1 Minh Mạng	1 đến 3		3		
	Kiệt 28 Minh Mạng	1 đến 3		3		
	Kiệt 8 Minh Mạng	1 đến 4		4		
	Kiệt 54 Lê Ngô Cát			6		
51	Kiệt 108 Lê Ngô Cát	1 đến 11		11	1	Lê Ngô Cát (Số nhà 80 Lê Ngô Cát)
	Kiệt 105 Lê Ngô Cát	1 đến 7		7		
	ngõ 14 Kiệt 105 Lê Ngô Cát	1 đến 5		5		
	Kiệt 103 Lê Ngô Cát	1 đến 8		8		
	Kiệt 86 Lê Ngô Cát	1 đến 17		17		
	Kiệt 72 Lê Ngô Cát	1 đến 7		7		
	Kiệt 79 Lê Ngô Cát	1 đến 8		8		
	Kiệt 84 Lê Ngô Cát	1 đến 12		12		
	Kiệt 129 Lê Ngô Cát	1 đến 6		6		
	Kiệt 108 Lê Ngô Cát	1 đến 3		3		
	Lê Ngô Cát	23 đến 54		32		
52	Vũ Ngọc Phan	cột thép		1	1	Thu Bồn (Ngã 3 Vũ Ngọc Phan - đường đi Tịnh Trúc Gia)
	Đường đi vào Tịnh Trúc Gia	1 đến 14		14		
	<b>PHƯỜNG ĐANG QUẢN LÝ</b>					
53	ĐCS các đường kiệt			100	3	Đang triển khai
<b>Đ5</b>	<b>MỸ THUỘNG</b>			<b>777</b>	<b>14</b>	
	<b>TRUNG TÂM ĐANG QUẢN LÝ</b>					

1	Hói Mọc Hàn - Phú Khê			19	1		Tủ Phú Thượng 2: TBA đối diện cổng xóm 14, tổ 4 Phú Thượng, Phú Vang (cột 39)
	Phú Thượng - Thuận An			26			
2	Đường dọc sông Phở Lợi			26	1		Tủ Phú Dương 1: TBA đối diện cổng trường Cao Đẳng CN cơ sở 3, cột 62
	Phú Thượng - Thuận An			29			
3	Kiệt cột 1 Nguyễn thị Thanh			2	1		Tủ Phú Thượng 1 ( sát cầu Chợ Dinh mới thi công), cột 16 Nguyễn thị Thanh
	Kiệt cột 2 Nguyễn thị Thanh			2			
	Kiệt cột 3 Nguyễn thị Thanh			2			
	Kiệt cột 3 Nguyễn thị Thanh			3			
	Đường Nguyễn Thị Thanh			43			
4	Xóm 6 Ngọc Anh (Nguyễn Như Chương)	1 đến 16		16	1		Tủ Ngọc Anh, cột 11 Nguyễn Đình Bảy
	Kiệt 180 Phạm Văn Đồng	1 đến 9		9			
	Xóm 1 Ngọc Anh	1 đến 13		13			
	Nguyễn Như Chương	1 đến 8		8			
	Đào Duy Tùng	1 đến 23		23			
	Xóm 3 Ngọc Anh	1 đến 16		21			
	Xóm 4 Ngọc Anh	1 đến 16		12			
	Diệu Quang	1 đến 8		8			
	Kiệt 245 Phạm V Đồng	1 đến 6		6			
Tuyến đường Ngọc Anh đến cuối Chiết Bi (Nguyễn Đình Bảy)			46				
5	Xóm 6 Lại Thế	12 đến 15		6	1		Tủ Lại Thế 1, cột 11
	Xóm Đình Lại Thế	1 đến 6		6			
	Tuyến Lại Thế dọc theo hói Mọc Hàn			38			
6	Xóm 4 Lại Thế	1 đến 7		7	1		Tủ Lại Thế 2, cột 10 đường Diệu Quang
	Xóm 5 Lại Thế	1 đến 4		4			
	Đường nga từ kiệt 245 PVĐ đến	1 đến 6		6			

	cuối kiệt xóm 5 Lại Thế					
	Kiệt 245 Phạm Văn Đồng	1 đến 4		4		
	Kiệt nhà hàng May Mắn	1 đến 5		5		
	Xóm 3 Lại Thế	1 đến 6		6		
	Xóm Chùa (dọc theo nhà hàng Nhất Hồ)			22		
7	4 kiệt ngang Đường Hạ Cồn Trống	1 đến 8		8	1	Tủ Lại Thế 3, cột số 11 Hoàng Trọng Mậu
	Kiệt quanh sân bóng Lại Thế	1 đến 6		6		
	Xóm 7 Lại Thế	1 đến 12		12		
	Tuyến xóm Lại Thế ra đến Tỉnh Lộ 10			32		
8	Đường Hạ Cồn Trống	1 đến 11		11	1	Tủ Xóm 3 Ngọc Anh, cột số 8 Nguyễn Đình Tứ
	Xóm 8 Lại Thế	1 đến 12		12		
	Xóm 6 Lại Thế	1 đến 9		9		
	Tuyến Tỉnh Lộ 10			16		
9	KQH Chiết Bi			12	1	Tủ Xóm 10 Ngọc Anh, cột số 1
	Xóm 10 Ngọc Anh			15		
	Xóm Cối			8		
	Xóm Chùa			8		
	Xóm giữa			8		
	Xóm Chùa			12		
10	Quốc Lộ 49 (Phú thượng - Thuận An)			25	1	NAM PHỔ 1 (Ngã 3 Nam Phổ, Phú Thượng)
	Hói Mọc Hàn - Phú Khê			8		
	Phạm Bá Nguyên (trước chợ Mai)			5		
	Quốc Lộ 49 (Phạm Văn Đồng nói dài)	30 đến 46		18		
<b>PHƯỜNG ĐANG QUẢN LÝ</b>						
	Từ TL10A đến UBND xã Phú An			30	1	
	Từ TL10A thuộc xã Phú Mỹ			90	2	

	ĐCS Sam Chuồn			14	1	
<b>Đ6</b>	<b>THUẬN AN</b>			<b>810</b>	<b>18</b>	
1	Đường Phú Thượng - Thuận An	Từ cầu Lưu Khánh đến tú Mỹ An		47	1	Tủ Lưu Khánh (TBA Phú Dương 5) cột 92 Thuận An
	Đường liên thôn làng Lưu Khánh			14		
	Bờ Kè Phú Dương (Bờ kè Cồn Đìa)			11		
2	QL49 Diên Trường 2			3	1	Tủ Giáp xã Phú Dương (TBA Mỹ An 1) cột 129 Phú Thương - Thuận An
	Đường Phú Thượng - Thuận An			22		
3	Kinh Dương Vương			20	1	Tủ Đầu đường Đặng Do, cột số 1 Đặng Do
	Đường Đặng Do			7		
4	Lê Quang Định			16	1	Tủ Đầu đường Lê Quang Định, cột số 1 Lê Quang Định
	Triệu Việt Vương			10		
	Kinh Dương Vương			12		
	UBND phường Thuận An			4		
5	Đài Tưởng Niệm			4		
	Đoàn Trực			9	1	Tủ 131 Kinh Dương Vương (cà phê BOT)
	Đường nội thị số 2			16		
	Đường nội thị số 1			19		
	Nguyễn Cầu			6		
6	Đường vào phòng khám đa khoa			5		
	Kiệt 74 Kinh Dương Vương			6	1	Tủ Đầu kiệt 74 Kinh Dương Vương, cột số 1
	Đường Thủy Tú			6		
7	Kinh Dương Vương			16	1	Tủ Đầu đường Nguyễn Văn Tuyết, cột số 1
	Nguyễn Văn Tuyết			13		
	Nguyễn Lữ			15		

	Cầu Thuận An			13			
8	Hoàng Quang			14	1		Tủ Đầu đường Hoàng Quang, cột số 1 Nguyễn Lữ
	Lê Sỹ			13			
	Kiệt 87 Hoàng Quang			2			
	Trần Hải Thành			14			
	Nguyễn Lữ			18			
9	Nguyễn Văn Tuyết			15	1		Tủ TBA Chiếu Sáng T7 Nguyễn Văn Tuyết, canh cột 27 Nguyễn Văn Tuyết
	Đài tưởng niệm			4			
10	Thái Dương			9	1		Tủ TBA Thuận An 2, đường Thái Dương, đối diện số nhà 113 Thái Dương
	Tư Vinh			3			
	Hoàng Sa			28			
	Kiệt 62 Thái Dương			2			
11	Đường Trương Thiều			16	1		Tủ TBA Thuận An 1, đường Trương Thiều, cột số 3 đường Thái Dương
	Thái Dương + Trương Thiều			14			
	Hồ Văn Đỗ			12			
	Trung Thiều			6			
12	Đường số 1			8	1		Tủ Biển Thuận An (đường Số 2, cạnh nhà Hàng Hương Biển)
	Đường số 2			24			
	Đường số 3			7			
	Đường số 4			6			
	Đường số 5			7			
	đường dọc bãi biển Thuận An			25			
13	Lê Sỹ			13	1		Tủ Lê Sỹ (ngã 3 Lê Sỹ - Hoàng Quang), số 11 Hoàng Quang
	Trần Hải Thành			14			
14	Đường Liên Thân			50	1		Tủ Hải Dương 1 (cột 17)
15	Đường Liên Thân			50	1		Tủ Hải Dương 2 (cột 66)

16	Đường Liên Thôn		50	1		Tủ Hải Dương 3 (cột 116)
17	Đường Liên Thôn		50	1		Tủ Hải Dương 4 (cột 36)
18	Đường bờ phá Hải Dương		26	1		Tủ Đường bờ phá Hải Dương
<b>D7</b>	<b>DUYNG NỔ</b>		<b>658</b>	<b>17</b>		
1	Đường Liên thôn Vọng Trì		23	1		Tủ Phú Mậu 4, cột số 6
2	Đường Liên thôn Tiên Nộn		18	1		Tủ Phú Mậu 1 (sát đập La Ý), cột 55
	Cổng làng Thế Vinh		8			
	Đường Liên thôn		57			
3	Đường Liên thôn		26	1		Tủ Phú Mậu 2 (cột thép giữa đồng ruộng), cột 99
4	Đường Liên thôn Triêm Ân		22	1		Tủ Phú Mậu 3 (cột ĐL gần trường THCS Phú Mậu), cột 51 Tinh lộ 2
	Đường Tinh Lộ 2		28			
5	Đường Tinh Lộ 2 (Chợ Nọ đến cầu Mậu Tài)		32	1		Tủ Phú Dương (gần chợ Nọ sát cây xăng Thanh Lương 3), cột 13 Tinh lộ 2
6	Đường liên thôn Dương Nổ Cồn		23	1		Tủ Dương Nổ Cồn, cột số 10
7	Đường xóm và các kiệt thôn Mậu Tài		38	1		Tủ Mậu Tài (Phú Mậu)
8	Đường xóm và các kiệt thôn Thạch Căn		48	1		Tủ Thạch Căn (Phú Dương)
9	Kiệt sát bên UBND xã Phú Dương		22	1		Tủ Dương Nổ Đông Phú Dương
10	Đường Tinh Lộ 2		39	1		Phú Thanh 2 (cột 130)
11	Đường Tinh Lộ 2		46	1		Phú Thanh 3 (cột 168)
12	Đường Tinh Lộ 2		36	1		Phú Thanh 4 (cột 200)
13	Đường Tinh Lộ 2		54	1		Phú Thanh 5 (cột 231)
14	TĐC Vạn Đò Phú Mậu		39	1		TĐC Vạn Đò Phú Mậu (cột 3)
15	Thôn Thanh Đàm Phú Thanh (đối diện đường vô UBND xã Phú Thanh)		10	1		Thôn Thanh Đàm Phú Thanh (đối diện đường vô UBND xã Phú Thanh)
16	Thôn Hòa An, xã Phú Thanh (đường vô chùa Hòa An)		24	1		Thôn Hòa An, xã Phú Thanh (đường vô chùa Hòa An)
17	Đường Trung Tâm xã Phú Thanh		18	1		Phú Thanh 1 (trước khu TĐC Vạn Đò),

						(cột 95)
	Bến đò Sinh		8			
	Đường Tỉnh Lộ 2 (Ngã 3 Sinh)		39			
<b>D8</b>	<b>HÓA CHÂU</b>		<b>803</b>	<b>19</b>		
	<b>TRUNG TÂM ĐANG QUẢN LÝ</b>					
1	Đường Liên Thôn		35	1		Tủ Hương Phong 2 (cột 53)
2	Đường Liên Thôn		55	1		Tủ Hương Phong 3 (cột 97)
3	Đường BT liên thôn		36	1		Tủ Làng An Lai Hương Phong, (cột 93)
4	QL49B Thảo Long - Tam Giang 1		75	1		Tủ QL49B Thảo Long - Tam Giang 1 (cột 85)
5	QL49B Thảo Long - Tam Giang 2		75	1		Tủ QL49B Thảo Long - Tam Giang 2 (cột 173)
6	Tỉnh Lộ 8B Hương Phong		56	1		Tủ Thuận Hòa 4 (đối diện sân bóng đá Thuận Hòa)
7	Bao Vinh	2 đến 16	15	1		Tủ điện cạnh nhà 51 Bao Vinh
	Cầu Bao Vinh		8			
	Kiệt 251 Đặng Tất	2 đến 4	4			
	Đặng Tất	53 đến 55	3			
8	Đặng Tất	43 đến 62	20	1		Tủ điện cạnh nhà 300 Đặng Tất
9	Địa Linh		35	1		
	Thủy Phú		11			
10	Xóm 2 Hương Vinh	1 đến 6	6			
	Xóm 2 Hương Vinh	1 đến 6	8			
	Đường Liên Thôn		49	1		
11	Đội 12B Hương Vinh		20	1		
12	Dọc bờ sông Minh Thanh - Thủy Phú Hương Vinh		63	1		
13	Xóm Rèn Hương Vinh		69	1		
	<b>PHƯỜNG ĐANG QUẢN LÝ</b>					
14	Quảng Thành 1		38	1		
15	Cầu Tây Thành		16	1		
16	Thanh Hà		28	1		

17	Thành Trung			21	1		
18	Đường tránh Thanh Hà			29	1		
19	Kim Đôi			28	1		
<b>Đ9</b>	<b>PHƯỜNG PHÚ XUÂN</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>5.579</b>	<b>76</b>		
	<b>TRUNG TÂM ĐANG QUẢN LÝ</b>						
1	Lê Duẩn	15ab đến 42ab		60	1		
	Kiệt 400 Lê Duẩn			1			
	Yết Kiêu	Lê Duẩn đến -cửa hữu		4			
	Thái Phiên	Lê Duẩn đến T.T. Thiệp		5			
2	Lê Duẩn	36 đến 114		40			
		35 đến 113		38	1		( Tủ điện tại Cột 80 Lê Duẩn, TBA Phú Văn Lâu)
	Cửa Nhà Đồ	1 đến 4		4			
		Cột đèn pha		2			
	Cửa Ngăn	1 đến 6		14			
	Cửa Quảng Đức	1 đến 6		12			
Cột đèn pha			2				
3	Lê Duẩn	2 đến 34		33	1		Tủ BẠCH HỔ (Lê Duẩn - Cầu Zã Viên)
	Lê Duẩn	1ab đến 14ab		30			
	Ngã 3 Bạch Hổ	Cột Pilon ĐL		1			
		Cột gác chắn đường Sắt		1			
		Cột 17m		8			
4	Thượng lưu cầu Dã Viên			177	1		(Tủ đặt tại chân cầu, vận hành Trang trí cầu Dã Viên )
	Hạ lưu cầu Dã Viên			177			
5	Cầu Trường Tiền	Hạ lưu		136	1		Tủ điện tại Cầu TT
		Pha gâm cầu		38			
		Thượng Lưu		136			
		Bắc Cầu TT (2 cột		10			

		)				
		Nam Cầu TT (2 cột)	10			
		)				
	Chương Dương	1 đến 5	25			
		1 đến 11	55			
		1 đến 23	27			
	Trần Hưng Đạo	Cầu TT đến Cầu Phú Xuân	20			
		Đường dẫn lên cầu TTiền	10			
		Dãi Phân Cách	24			
6	Trần Huy Liệu	1 đến 7	7	1		Tủ điện tại 01 THL
	Trần Hưng Đạo	8 đến 22	15			
7	Trần Huy Liệu	1 đến 20 đèn chùm	80			
	Đình Tiên Hoàng	1 đến 3	4	1		Tủ điện tại 36 ĐTH
	Trần Hưng Đạo	1 đến 7	7			
	Kiệt 3 Đình T Hoàng		1			
8	Cầu Gia Hội	Cả cầu	11	1		
		Đèn chùm	40			
		Đèn pha	4			
		Đèn găm cầu	4			
9	Bạch Đằng	Cầu Gia Hội đến cột 31	31			
	Cầu Đông Ba		24	1		
10	Trịnh Công Sơn	4 cột tròn đế Gang	8			
		54 cột DC 10S	108	1		Tủ điện đặt tại 148 TCS
11	Bạch Đằng	32 đến 58	27	1		Tủ điện tại SN 318 Bạch Đằng
	Kiệt 200 Bạch Đằng	Số 1- 5	5			
	Kiệt 228 Bạch Đằng	Cột 1 - 3	3			
	Ngõ 1 kiệt 228 Bạch Đằng	Cột 1 - 5	5			
	Kiệt 290 Bạch Đằng	Cột 1 - 3	3			
	Kiệt 300 Bạch Đằng	Cột 1 - 3	3			

	Kiệt 320 Bạch Đằng	Cột 1 - 7		7		
	Kiệt 332 Bạch Đằng	Số 1		1		
	Lê Đình Chinh	Cột 1 - 10		10		
	Kiệt 20 Lê Đình Chinh	Cột 1 - 3		3		
12	Cao Bá Quát	12 đến 25		14	1	
	Kiệt 320 Bạch Đằng			6		
	Trần Quang Long			5		
	Bùi H Nghĩa			1		
13	Chi Lăng			2		
	Chi Lăng	1 đến 51		102	1	Tủ điện đặt đầu kiệt 148 Chi Lăng
	Nguyễn Du	1 đến 8		8		
	Kiệt 10 Nguyễn Du	Cột 1 - 4		4		
	Kiệt 34 Nguyễn Du	Cột 1 - 4		4		
	Kiệt 36 Nguyễn Du			1		
	Kiệt 209 Chi Lăng	Cột 1 - 6 (bàn cờ )		6		
14	Phùng Khắc khoan	Cột 1 - 13		20	1	Tủ điện tại SN 59 PKK
	Kiệt 16 Phùng Khắc Khoan	Cột 1- 6		6		
	Kiệt 21 Phùng Khắc Khoan	Số 1		1		
	Kiệt 22 Phùng Khắc Khoan			1		
	Kiệt 39 Phùng Khắc Khoan	Cột 1 - 2		2		
	Kiệt 48 Phùng Khắc Khoan	Cột 1 - 2		2		
	Kiệt 59 Phùng Khắc Khoan	Cột 1 - 2		2		
	Kiệt 73 Phùng Khắc Khoan	Cột 1 - 6		6		
	Kiệt 376 Bạch Đằng	Cột 1 - 5		5		
	Ngô Kha	1 đến 8		8		
	Kiệt bên khu chung cư			3		
	Nguyễn Đoàn Tuấn			5		
	Bùi Dương Lịch			5		
	Nguyễn Huy Lượng			7		
Khu ĐC Phú Hiệp			37			
15	Đào Duy Anh	26 đến 40		15	1	Tủ điện tại 72 Đào Duy Anh

	Kiệt 28 Đào Duy Anh	cả kiệt		2		
	Kiệt 36 Đào Duy Anh	cả kiệt		2		
	Kiệt 40 Đào Duy Anh	cả kiệt		2		
	Kiệt 239 Đào Duy Anh	cả kiệt		2		
	Hoàng Xuân Hãn	Cả đường		7		
	kiệt 16 hoàng xuân hãn	1 đến 2		2		
	kiệt 20 hoàng xuân hãn	1 đến 2		2		
	Tăng Bạt Hổ	65 đến 67		3		
	Cầu Bãi Dâu	Cả cầu		12		
16	Đào Duy Anh	23 đến 25		3	1	Tù điện tại 189 Đào Duy Anh
	Kiệt Chợ Đồn	Cả kiệt		6		
	Cửa Trài	cả đường		3		
	Kiệt 16 Cửa Trài	Cả kiệt		5		
	Kiệt 21 Cửa Trài	Cả kiệt		4		
	Kiệt 155 Đào Duy Anh	Cả kiệt		1		
	Kiệt 249 Đào Duy Anh	1 đến 3		3		
	Kiệt 113 Đào Duy Anh	Cả kiệt		1		
	Kiệt 79 Đào Duy Anh	Cả kiệt		1		
	Đầu Kiệt 68 Đào Duy Anh			1		
	Kiệt 33 Đào Duy Anh	Cả kiệt		7		
	Kiệt 1 Đào Duy Anh	Cả kiệt		3		
17	Đào Duy Anh	Cầu Thanh Long đến chợ Đồn		22	1	Tù điện tại Cửa Trài
18	Huỳnh Thúc Kháng	1 đến 40		40	1	
	Mai Thúc Loan	13 đến 26		18		
	Phan Đăng Lưu	1 đến 18		18		
	Đào Duy Từ	1 đến 9		13		
	Kiệt 125 Phan Đăng Lưu	1 đến 5		6		
	Cầu Thanh Long	1 đến 4		11		
19	Chiếu sáng bờ sông Đông Ba phía Nguyễn Gia Thiều			34	1	Tù điện tại 99 Nguyễn Gia Thiều (Dự án Green)

20	Chiếu sáng bờ sông Đông Ba phía Đào Duy Anh			38	1		Tủ điện tại 199 Đào Duy Anh (dự án Green)
21	Nguyễn Chí Thanh	1 đến 7		7	1		Tủ điện tại ngã ba NCT-ND
	kiệt 40 Nguyễn Chí Thanh	1 đến 3		3			
	Kiệt 91 Nguyễn Chí Thanh	1 đến 2		2			
	Nguyễn Du	9 đến 13		5			
	Ngự Viên (Chùa Ông)	1 đến 4		4			
	Mạc Đĩnh Chi	5 đến 7		3			
	Kiệt 59 Mạc Đĩnh Chi	1 đến 4		4			
	Kiệt 60 Nguyễn Du	Số 1		1			
22	Nguyễn Chí Thanh	18 đến 35		17	1		Tủ điện tại 123 NCT
	Kiệt 123 Nguyễn Chí Thanh	1 đến 2		2			
	Kiệt 111 Nguyễn Chí Thanh	1 đến 12		17			
	Kiệt 128 Nguyễn Chí Thanh	1 đến 9		9			
	Kiệt 136 Nguyễn Chí Thanh			1			
	Kiệt 112 Nguyễn Chí Thanh			1			
	Kiệt 129 Nguyễn Chí Thanh	1 đến 3		3			
	Kiệt 151 Nguyễn Chí Thanh	1 đến 3		3			
	Kiệt 145 Nguyễn Chí Thanh	1 đến 3		3			
	kiệt 144 Nguyễn Chí Thanh			1			
	kiệt 148 Nguyễn Chí Thanh			1			
	Kiệt 166 Nguyễn Chí Thanh	1 đến 3		3			
	kiệt 185 Nguyễn Chí Thanh			1			
	Hồ Xuân Hương	5 đến 10		6			
Kiệt 423 Chi Lăng	6 đến 8		3				
23	Cầu Chợ Dinh			65	1		
	Gầm cầu chợ Dinh			6			
	Nguyễn Văn Siêu	1 đến 4		4			
	Nguyễn Gia Thiều	1 đến 10		11			
	Kiệt 11 Nguyễn G Thiều			1			
	Kiệt 45 Nguyễn G Thiều	1 đến 10		10			

	Kiệt 46 Nguyễn G Thiều	1 đến 2		2		
	Kiệt 83 Nguyễn G Thiều	1 đến 2		2		
	Kiệt 23 Nguyễn V Siêu	1 đến 2		2		
	Kiệt 15 Nguyễn Văn Siêu	1 đến 2		2		
	Kiệt 12 Nguyễn Gia Thiều	1 đến 3		3		
	Nguyễn Chí Thanh nói dài	37 đến 40		4		
24	Chi Lăng	52 đến 89		38	1	Tủ điện đặt trước Chùa Triều Châu
	Kiệt 357 Chi Lăng	1 đến 3		3		
	Kiệt 30 Hồ Xuân Hương	1 đến 9		9		
	Kiệt 19 Hồ Xuân Hương	1 đến 2		2		
	Kiệt 25 Hồ Xuân Hương	1 đến 2		2		
	Hồ Xuân Hương	1 đến 5		5		
	Kiệt 281 Chi Lăng	1 đến 3		3		
	Kiệt 271 Chi Lăng	1 đến 3		3		
	Kiệt 40 Hồ Xuân Hương			2		
	Ngõ 14 kiệt 30 Hồ X Hương	1 đến 2		2		
25	Cao Bá Quát	1 đến 11		11	1	Tủ điện tại ngã ba CBQ -CL
	Kiệt 3 Cao Bá Quát			1		
	Kiệt 16 Cao Bá Quát	1 đến 7		7		
	Kiệt 28 Cao Bá Quát	1 đến 7		7		
	Kiệt 21 Cao Bá Quát	1 đến 2		2		
	Kiệt 25 Cao Bá Quát	1 đến 5		5		
	Kiệt 33 Cao Bá Quát	1 đến 3		3		
	Kiệt 405 Chi Lăng	1 đến 4		4		
	Kiệt 357 Chi Lăng	1 đến 2		2		
	Kiệt 399 Chi Lăng	1 đến 2		2		
	Kiệt 364 Chi Lăng	Bến sông		1		
	Kiệt 401 Chi Lăng	1 đến 3		3		
	Kiệt 405 Chi Lăng	1 đến 2		2		
Kiệt 410 Chi Lăng	1 đến 2		2			
	Kiệt 420 Chi Lăng	1 đến 2		5		

	Kiệt 423 Chi Lăng	1 đến 5		5		
26	Chi Lăng nổi dài	1 đến 23		23	1	Tù điện tại 447 Chi Lăng
	Kiệt 461 Chi Lăng	1 đến 7		8		
	Ngõ 1 kiệt 461 Chi Lăng	1 đến 12		12		
	Kiệt 475 Chi Lăng	1 đến 2		2		
	Kiệt 478 Chi Lăng	1 đến 2		2		
	Kiệt 482 Chi Lăng	1 đến 2		2		
	Kiệt 485 Chi Lăng	1 đến 8		8		
	Kiệt 486 Chi Lăng	1 đến 3		3		
	Kiệt 498 Chi Lăng			1		
	Kiệt 4 Nguyễn Gia Thiều	1 đến 4		4		
27	Nguyễn Bình Khiêm	1 đến 8		8	1	Tù điện tại ngã ba CL-NBK
	Mạc Đĩnh Chi	8 đến 13		13		
	Kiệt 70 Mạc Đĩnh Chi	1 đến 2		2		
	Kiệt 57 Mạc Đĩnh Chi	1 đến 2		2		
	Kiệt 29 Nguyễn Bình Khiêm	1 đến 2		2		
	Kiệt 30 Nguyễn Bình Khiêm			1		
	Kiệt 227 Chi Lăng	1 đến 3		3		
28	Kiệt 257 Chi Lăng	1 đến 5		4		
	Tô Hiến Thành	1 đến 11		11	1	
	Kiệt 2 Tô Hiến Thành	Cột 1 - 3		5		
	Kiệt 5 Tô Hiến Thành	Số 1		1		
	Kiệt 28 Tô Hiến Thành	Cột 1 - 2		2		
	Kiệt 30 Bạch Đằng	Cột 1 - 2		2		
	Kiệt 56 Bạch Đằng	Cột 1 - 3		3		
	Kiệt 92 Bạch Đằng	Số 1		1		
29	Ngự Viên	Cột 1 - 10		10		
	Nguyễn Chí Thanh	8 đến 17		10	1	Tù điện đối diện trường Gia Hội
	Kiệt 118 Nguyễn Chí Thanh			1		
	Nguyễn Bình Khiêm	9 đến 13		5		
	Kiệt 271 Chi Lăng	1 đến 9		9		

	Kiệt 91 Nguyễn Chí Thanh			1			
30	Nguyễn Gia Thiều	11 đến 14		4	1		Tử taic NGT-Ngô Kha
	Nguyễn Gia Thiều	15 đến 26		12			
	Kiệt 82 Nguyễn Gia Thiều			3			
31	Ngô Kha	9 đến 15		7			
	Hàm Ninh	1 đến 6		6			
	Nguyễn Tư Giản	1 đến 2		2			
	Nguyễn Văn Thoại	1 đến 3		3			
	Hoàng Văn Lịch	1 đến 2		2			
	Tuyển số 1	1 đến 5		5			
	Tuyển số 2	1 đến 6		6			
	Khu ĐC Phú Hậu 2			39	1		
32	Khu định cư Phú Hậu 3			20	1		
33	Đình Tiên Hoàng	4 đến 26 (TTừ đến MTLoan)		26			
	Lê Thánh Tôn	1 đến 7		7			
	Lâm Mộng Quang	1 đến 5		7			
	Tổng Duy Tân	1 đến 8		4			
	Ông Ích Khiêm	19 đến 23		5			
	Kiệt 7 Lê Thánh Tôn	1 đến 2		2			
	Mai Thúc Loan	1 đến 12 (ĐTĐ đến LTT)		20			
	Đình Công Tráng	1 đến 10 (ĐTĐ đến Lê Thánh Tôn)		10	1		Tử điện trước nhà 57 ĐCT
	Hàn Thuyên	13 đến 17(ĐTH đến ĐTĐ)		5			
34	Nguyễn Biểu	LTTôn đến Đình Tiên Hoàng		6			
	Đặng Dung	Ngô Đức Kế đến ĐTHoàng		8			
	Nguyễn Chí Diểu	Đường 68 đến ĐTHoàng		10	1		Tử điện tại ngã ba NCD-LTT

	Hàn Thuyên	Lê Thánh Tôn đến ĐTHoàng		5		
	Kiệt 62 Hàn Thuyên			1		
	Kiệt 50 Lê T Tôn	Cột 1 - 4		4		
	Kiệt 93 Xuân 68	Cột 1 - 2		2		
	Đường 68	Cửa Đông Ba đến Hàn Thuyên		7		
	Lê Thánh Tôn	Nguyễn Biểu đến Hàn Thuyên		12		
35	Tổng Duy Tân	5 đến 8 (Lê Thánh Tôn đến Xuân 68 )		4		
	Kiệt 24 Lê Thánh Tôn	1 đến 4		4		
	Kiệt 28 Lê Thánh Tôn	1 đến 4		4		
	Kiệt 38 Lê Thánh Tôn	1 đến 4		4		
	Kiệt 6 Ngô Đức Kế			6		
	Kiệt 8 Ngô Đức Kế			2		
	Kiệt Ngô Hạnh			1		
	Xuân 68	1 đến 7		7	1	Tủ tại ngã ba ĐCT-Xuân 68
	Hàn Thuyên	1 đến 7		7		
	Đình Công Tráng	11 đến 16		6		
	Ông Ích Khiêm	24 đến 26		5		
Ngô Đức Kế	1 đến 8		8			
36	Đặng Dung	Đình Tiên Hoàng đến ĐTDiểm		6		
	Mai Thúc Loan	Đình Tiên Hoàng đến Mai Thúc Loan		1		
	Kiệt 43 Đình Tiên Hoàng	1 đến 2		2	1	
	Nguyễn Biểu	Đình Tiên Hoàng đến ĐTDiểm		4		
	Nguyễn Chí Diểu	Đình Tiên Hoàng đến ĐTDiểm		9		
	Ngô Sĩ Liên	Cột 1 - 4		4		

	Quốc Sử Quán	Cột 1 - 3		3		
	Kiệt 110 Nhật Lệ	Cột 1 - 2		2		
	Nhật Lệ			11		
37	Tịnh Tâm	Lê Thánh Tôn đến Xuân 68		7		
	Lê Văn Hưu	Lê Thánh Tôn đến Xuân 68		6		
	Ngô Đức Kế	Lê Thánh Tôn đến Nhật Lệ		11		
	Kiệt Hồ Mân			4		
	Nhật Lệ	Xuân 68 đến Lê Thánh Tôn		5	1	
	Kiệt 71 Nhật Lệ			1		
	Xuân 68	Nhật Lệ đến Lê Văn Hưu		9		
38	Ngô Đức Kế	Nguyễn Biểu đến Đặng Dung		3		
	Nguyễn Biểu	Lê Thánh Tôn đến Ngô Đức Kế		6		
	Kiệt 100 Lê Thánh Tôn			3		
	Xuân 68	Mai Thúc Loan đến Nhật Lệ		4		
	Mai Thúc Loan	Cột 21		5	1	
	Lê Thánh Tôn	Nguyễn Biểu đến Nhật Lệ		8		
	Kiệt 84 Lê T Tôn			3		
39	Đình Tiên Hoàng	Ngã 4 Mai Thúc Loan đến cổng cầu kho		33		
	Kiệt 278 Đình Tiên Hoàng	1 đến 2		2		
	Lê Văn Hưu	Lê Thánh Tôn đến ĐTHoàng		6		

	Kiệt 43 Lê Văn Hưu		3			
	Kiệt 32 Lê Văn Hưu	Cột 1	1			
	Lê Thánh Tôn	Ngã 4 Nhật Lệ đến Lê Văn Hưu	9			
	Kiệt 111 Nhật Lệ	Cột 1 - 4	4			
	Kiệt 103 Nhật Lệ	Cột 1 - 4	4			
	Kiệt 71 Nhật Lệ	Cột 1 - 3	3			
	kiệt 85 nhật lệ	1 đến 2	2			
	kiệt 94 nhật lệ	1 đến 2	2			
	hồ tịnh tâm	1 đến 8	16			
	Kiệt 72 Tịnh Tâm	1 đến 2	2			
	Tịnh Tâm	Lê Thánh Tôn đến Đ.T.Điểm	12	1		Tủ trước nhà 45 Tịnh Tâm
	Kiệt 38 Tịnh Tâm		1			
	Đoàn Thị Điểm	Đặng Thái Thân đến Nhật Lệ	13			
40	Đường 23 tháng 8	Đình Tiên Hoàng đến Đại Nội	92			
	Cửa Ngăn	2 đến 4	12			
	Nhạc Hoa Viên	1 đến 4	4			
	Lê Trực	1 đến 4	4			
	Đoàn T Điểm	23/8 đến Đặng Thái Thân 1 - 34	68	1		Tủ tại ngã ba ĐCT-ĐTĐ
41	Lương Y	Cả đường	15			
	Xuân 68	Cổng Lương Y đến Lương Y	9	1		Tủ trước nhà 235 Xuân 68
	Kiệt 8 Lương Y	Cả kiệt	3			
	Kiệt 16 Lương Y	Cả kiệt	6			
	Kiệt 20 Lương Y	Cả kiệt	7			
42	Hồ Tịnh Tâm	9 đến 20	24	1		
	Trần Quý Cáp	Cột 1 - 4	4			
	kiệt 4 trần quý cáp	1 đến 2	24			

	K 390 Đình Tiên Hoàng	Cột 1 - 5		5		
	Kiệt 378 Đình Tiên Hoàng	Cột 1 - 6		6		
	Kiệt 137 Đình Tiên Hoàng	Cột 1 - 6		6		
	Kiệt 366 Đình Tiên Hoàng	Cột 1 - 2		2		
43	Đặng Thái Thân	ĐTĐiểm đến Lê Huân		74		
	Phùng Hưng	1 Phùng Hưng		1		
	Lê Huân	Ông Ích Khiêm đến Đặng Thái Thân		36		
	Lê Huân	Đ Đặng Thái Thân - T.Q.Phục		9	1	Tủ tại ngã ba Lê Huân - ĐTT
	Đường 23/8	Từ Lê Huân đến Đại Nội		60		
	Cửa Quảng Đức	2 đến 4		12		
	Kiệt 42 Lê Huân	1 đến 2		2		
	Kiệt 101 Lê Huân	1 đến 2		4		
	Kiệt 90 Lê Huân	1 đến 3		3		
	Kiệt 119 Lê Huân			2		
	Kiệt 52 Đặng Thái Thân			3		
	Kiệt 96 Đặng Thái Thân	1 đến 2		2		
	Yết Kiêu	Lê Huân đến cột số 17 Yết Kiêu		3		
	Thạch Hãn	Cột 16 đến cột 18		3		
	Kiệt 130 Đặng Thái Thân	Thạch Hãn đến Đặng Thái Thân		3		
	Kiệt 41 Nguyễn Thiện Thuật	Ngô Thời Nhậm đến Nguyễn Thiện Thuật		3		
	Kiệt 11 Ngô Thời Nhậm	1 đến 2		2		
Kiệt 14 Ngô Thời Nhậm	1 đến 4		4			
Ngô Thời Nhậm	Lê Huân đến Trầm Nguyên Đán		8			

	Tuệ Tĩnh	Phùng Hưng đến kiệt 130 Đặng Thái Thân		5				
44	Nguyễn Trãi	Lê Duẩn đến Nguyễn Thiện Thuật		20				
	Ông Ích Khiêm Kiệt 27 Đặng Trần Côn	cột 5 đến Lê Huân 1 đến 2		13 2				
	Đặng Trần Côn	Trần Nguyên Đán đến Lê Huân		7	1		Tủ trước số nhà 24	
	Trần Nguyên Hãn	Trần Nguyên Đán đến Lê Huân		8				
	Hồ Hộ Vệ	Vòng quanh hồ		17				
	Trần Nguyên Đán		Ông Ích Khiêm – Triệu Quang Phục		24			
			Đặng Trần Côn đến Trần Nguyên Hãn		5			
	Trần Bình Trọng	Lê Huân đến Nguyễn Trãi		6				
45	Nguyễn Trãi	Nguyễn Thiện Thuật đến Triệu Quang Phục		23				
	Kiệt 75 Nguyễn Trãi	1 đến 3		3				
	Hồ Võ Sanh - Tân Miếu	1 đến 34		34				
	Yết Kiêu	Trần Nguyên Đán đến Nguyễn Trãi		4	1		Tủ trước số nhà 79A	
	Trần Nguyên Đán	Yết Kiêu đến Trần Nguyên Hãn		10				
	Bờ Hồ Xã Tắc (K27 TNĐ)	Trần Nguyên Đán đến N Cư Trinh		4				
	Ngô Thời Nhậm	Nguyễn Trãi đến Trần Nguyên Đán		3				
Kiệt 31 Nguyễn Thiện Thuật	1 đến 3		3					

	Kiệt 41 Nguyễn Thiện Thuật	1 đến 3		3		
	Kiệt 8 Nguyễn Thiện Thuật	1 đến 3		3		
	Kiệt 26 Nguyễn Thiện Thuật	1 đến 3		3		
	Kiệt 36 Nguyễn Thiện Thuật	1 đến 3		3		
	Nguyễn Thiện Thuật	Lê Huân đến Trần Nguyên Đán		9		
46	Tôn Thất Thiệp	Ông Ích Khiêm đến Yết Kiêu		13	1	Tử tại ngã ba NTN-TTT
	Ông Ích Khiêm	5 Ô Ích Khiêm đến Tôn Thất Thiệp		5		
	Trần Nguyên Hãn	Tôn Thất Thiệp đến Trần Nguyên Đán		6		
	Kiệt cột số 3 Trần Nguyên Hãn	1 đến 3		2		
	Kiệt 38 Trần Nguyên Hãn	1 đến 2		2		
	Xã Tắc			3		
	Ngô Thời Nhậm	Tôn Thất Thiệp đến T.N.Đán		6		
	Nguyễn Cư Trinh	Ông Ích Khiêm đến N.T.Nhậm		8		
	Kiệt 41 Nguyễn Cư Trinh			1		
	Kiệt 4 Nguyễn Cư Trinh			2		
47	Đạm Phương	Cả đường		3		
	Thân Trọng Một	Cả đường		3		
	Kiệt 18 Hoàng Diệu			3		
	Kiệt 20 Hoàng Diệu			2		
	Kiệt 64 Hoàng Diệu			2		
	Trần Quốc Toàn	1 đến 9		9		
	Lê Đại Hành	1 đến 6		6		
	Trần Khánh Dư	T.K.Dư đến Lê Đại Hành		1		
	Ngô Thế Lân	1 đến 9		18		
	Hoàng Diệu	Cả đường		11	1	

	Kiệt 15 Hoàng Diệu	1 đến 3		3		
	Kiệt 19 Hoàng Diệu			1		
	Tôn Thất Thiệp	24 đến 33		10		
	Kiệt 59 Ngô Thế Lân			1		
	Kiệt 67 Ngô Thế Lân	Cả Kiệt		2		
	Kiệt 71 Ngô Thế Lân	1 đến 3		3		
	Kiệt 195 Nguyễn Trãi	Cả Kiệt		5		
	Kiệt 26 Hoàng Diệu	Cả Kiệt		4		
	Kiệt 35 Hoàng Diệu	Cả Kiệt		3		
	Kiệt 10 Lê Đại Hành			1		
48	Trần Quốc Toàn	10 đến 13		9		
	Kiệt 15 Thái Phiên			1		
	Thái Phiên	Trần Quốc Toàn đến cửa Chánh Tây		8		
	Kiệt 30 Tôn T Thiệp			1		
	Tôn Thất Thiệp	34 đến 48		15		
	Trần Khánh Dư	2 đến 10		9		
	Dương Hoà	Cả đường		9		
	Hoà Mỹ	Cả đường		9		
	Nguyễn Thượng Hiền	1 đến 4		4		
	Thanh Lam Bò	Cả đường		9		
Trần Nhân Tông	Nguyễn Th Hiền đến Tr.N. Tông		1	1		
49	Nguyễn Trãi	Cống vĩnh Lợi đến cửa An Hòa		43		
	Kiệt 232 Nguyễn Trãi	1 đến 3		3		
	Kiệt 218 Nguyễn Trãi	1 đến 2		2		
	Kiệt 172 Nguyễn Trãi	1 đến 4		4		
	Kiệt 130 Nguyễn Trãi			3		
	Kiệt 145 Nguyễn Trãi			4		
	Kiệt 144 Nguyễn Trãi			3		

	Kiệt 126 Nguyễn Trãi			2			
	Nguyễn Quang Bích	Nguyễn Trãi đến Trần Quốc Toản		3			
	Trần Nhân Tông	Trần Q Toản đến La Sơn Phu Tử		9	1		Tủ Chánh Tây (Trước nhà 35 Trần Nhân Tông)
	Thái Phiên	14 đến 19		6			
	Trần Quốc Toản	Thái Phiên đến Tú Xương		7			
	Trần Quốc Toản (nói dài)	1 đến 3		3			
	Dã Tượng	1 đến 2		3			
	Nguyễn Quang Bích	1 đến 2		2			
	Lê Ngọc Hân	1 đến 3		3			
	Kiệt 23 Lê Ngọc Hân			1			
	Kiệt 146 Trần Quốc Toản			2			
	Kiệt 240 Nguyễn Trãi			3			
	Kiệt 314 Nguyễn Trãi	1 đến 2		2			
	Nguyễn Văn Trỗi	1 đến 2		2			
	kiệt 9 Nguyễn Văn Trỗi	1 đến 2		2			
	Mai An Tiêm	Cả Đường		3			
	Lê Đại Hành	7 đến 8		2			
	Kiệt 56 Thái Phiên			1			
	Kiệt 51 Thái Phiên	Cả Kiệt		3			
50	Ông Ích Khiêm 2			26			
	Tôn Thất Thiệp 1			33	1		Tủ 72 Tôn Thất Thiệp (DA Green)
51	Tôn Thất Thiệp 2			25	1		Tủ 182 Tôn Thất Thiệp (DA Green)
52	Đình Công Tráng			23	1		Tủ Cột B1/2 trước nhà 40 Đình Công Tráng (DA Green)
	Xuân 68			42			
53	Hàn Thuyên			23			
	Nguyễn Chí Diểu			23			
	Lê Thánh Tôn			43	1		Tủ Cột B3 trước nhà 62 Lê Thánh Tôn, (DA Green)

	Đặng Dung			20			
	Nguyễn Biểu			18			
	Ông Ích Khiêm 1			12			
54	Nhật Lệ			37	1		Tủ Cột trước nhà 115 Nhật Lệ, (DA Green)
55	Hồ Xã Tắc			18	1		Tủ Khu TT Xã Tắc (Hồ Xã Tắc) đường Ngô Thời Nhậm, (DA Green) (CS Hồ Xã Tắc)
56	Hồ Cây Mung (Sen)			22	1		Tủ 22 Tịnh Tâm, (DA Green) (CS Hồ Mung);
57	Trần Quốc Toàn			36	1		Tủ số 01 Trần Quốc Toàn, (DA Green)
58	Tạ Quang Bửu	Cả đường		14	1		Tủ trước số nhà 70
	Lê Văn Hưu	Tạ Quang Bửu đến Đình Tiên Hoàng		5			
	Tô Ngọc Vân			9			
	Trần Quý Cáp			16			
	Kiệt 26 Trần Quý Cáp	1 đến 3		3			
	Kiệt 34 Trần Quý Cáp	1 đến 4		4			
	Kiệt 3 Tạ Quang Bửu			3			
	Kiệt 4 Trần Quý Cáp			4			
	Kiệt 34 Tạ Quang Bửu			3			
	Phùng Hưng	Đoạn cuối		12			
	Kiệt 125 Phùng Hưng			1			
	Kiệt 107 Phùng Hưng			6			
Kiệt 58 Phùng Hưng			3				
Kiệt 71 Nhật Lệ	Hồ Tịnh Tâm đến kiệt 23 Nhật Lệ			3			
59	Tuệ Tĩnh	Phùng Hưng đến Đặng Thai Mai		5			
	Hòa Bình	Đặng Thai Mai đến Kiệt 10 N.Lệ		6			
	Thanh Hương	Cả đường		4			

	Nhật Lệ	Phùng Hưng đến ĐTDiễm		8	1		Tủ tại ngã ba NL-PH
	Phùng Hưng	Số 2 P Hưng đến Tạ Quang Bửu		10			
	Phùng Hưng	Tạ Quang Bửu đến cuối đường		10			
	Đặng Thai Mai	Nhật Lệ Đến Đặng Thái Thân		2			
	Thạch Hãn	Cột 19 đến cột 23		5			
	Triệu Quang Phục	Phùng Hưng đến Lê Huân		9			
	kiệt 36 triệu quang phục	1 đến 3		3			
	Kiệt 91 Thạch Hãn			3			
	Kiệt 98 Triệu Quang Phục			3			
	kiệt 100 Triệu Quang Phục	2020 lắp thêm 2 chóa		2			
	Kiệt 68 Phùng Hưng			3			
	kiệt 15 Phùng Hưng	1 đến 2		2			
	Kiệt 35 Phùng Hưng	2020 lắp thêm 1 đèn		4			
	Kiệt 23 Nhật Lệ			5			
	Ngõ 1 kiệt 23 Nhật Lệ			2			
	Kiệt 55 Nhật Lệ			2			
60	Lê Văn Hưu	1 đến 18		21	1		
61	Kiệt 53 Mang Cá	1 đến 3		3			
	Tôn Thất Thuyết	Cả đường		8			
	Thánh Gióng	18 đến 22		5			
	Phạm Đình Hồ	5 đến 9		5			
	Kiệt 57 Phạm Đình Hồ	1 đến 6		6			
	Trương Hán Siêu	Cả đường		2			
	Nguyễn Trục	Cả đường		1			
	Kiệt 52 Thánh Gióng	cả kiệt		2			

	Nguyễn Xuân Ôn	5 đến 7		3	1		
	Trần Xuân Soạn	1 đến 3		3			
	Thái Phiên	Nguyễn Trãi đến Trần Nhật Duật		11			
	Kiệt 181 Thái Phiên			1			
	Kiệt 187 Thái Phiên			1			
	Kiệt 56 Trần Nhật Duật	1 đến 6		6			
	Trần Nhật Duật	Lê T Đình đến Luong N Quyến		10			
	Luong Ngọc Quyến	19 đến 26		8			
	Nguyễn Hữu Huân	Cả đường		3	1		
	Tú Xương	Cả đường		14			
	kiệt 8 Tú xương	1 đến 5		5			
	Kiệt 24 Tú Xương	từ 1 đến 2		2			
	Phan Huy Chú	Cả đường		6			
62	Kiệt 21 Thánh Gióng	Lê Văn Miến kéo dài		4			
	Ngõ 1 Kiệt 21 Thánh Gióng			2			
	Lê Văn Miến	Thái Phiên đến Thánh Gióng		3			
	Trần Văn Kỳ	Thái Phiên đến Lê Trung Đình		3			
	Thánh Gióng	6 đến 16		10			
	Kiệt 37 Thánh Gióng	1		1			
	Nguyễn Quyền	1 đến 3		3			
	Phan Văn Trị	Cả đường		5			
	Lê Hữu Trác	Cả đường		3			
	Kiệt 17 Lê Hữu Trác	1 đến 4		4			
	Lê Trung Đình	Trần Văn Kỳ đến Trần nhật Duật		1			
63	Phan Huy Ích	Cả đường		4			
	Thế Lữ	Cả đường		4			

	Phạm Đình Hồ	1 đến 4		4		
	Kiệt 57 Phạm Đình Hồ			1		
	Lưu Trọng Lưu	Cả đường		4		
	Nguyễn Xuân Ôn	Thái Phiên đến Trần X Soạn		1		
	Trần Xuân Soạn	1 đến 2		2	1	Tủ trước nhà số 2
	Kiệt 14 Thánh Gióng	1 đến 2		2		
	Thánh Gióng	15 đến 17		3		
	Kiệt 71 Thánh Gióng	1 đến 4		4		
64	Đền pha công cầu Kho			1		
	Đình Tiên Hoàng nổi dài			20		
	Lê Trung Đình	Trần Nhật Duật đến Lương Y		20	1	
	Thái Phiên	Trần Nhật Duật đến Mang Cá		15		
	Mang Cá	LTĐình đến LNQuyển		11		
	kiệt 15 mang cá			1		
	Lương Ngọc Quyển	27 đến 35		10		
	Nguyễn Xuân Ôn	Lê Trung Đình đến Thái Phiên		2		
	Kiệt 69 Lê Trung Đình	1 đến 2		2		
Kiệt 17 Lê Trung Đình	Lê Trung Đình đến Thái Phiên		2			
65	Thạch Hãn	Trần Nguyên Đán Đền Tôn Thất Thiệp		7	1	Tủ tại ngã ba TH-NCT
	Kiệt 66 Thạch Hãn			1		
	Kiệt 43 Thạch Hãn	1 đến 2		2		
	Kiệt 34 Thạch Hãn	1 đến 2		2		
	Nguyễn Cư Trinh	Ngô Thời Nhậm đến Triệu Quang Phục		11		

	Trần Nguyên Đán	Yết Kiêu đến Triệu Quang Phục		9			
	Kiệt 15 Trần Nguyên Đán	1 đến 2		2			
	Kiệt 21 Trần Nguyên Đán	1 đến 4		5			
	Tôn Thất Thiệp	Yết Kiêu đến Triệu Quang Phục		10			
	Kiệt 118B Tôn Thất Thiệp			1			
	Kiệt 9 Thạch Hãn	1 đến 2		2			
	Kiệt 15 Thạch Hãn	Thạch Hãn đến Triệu Quang Phục		5			
	Kiệt 21 Thạch Hãn	Thạch Hãn đến Triệu Quang Phục		5			
	Yết Kiêu	Cửa Hữu đến Trần Nguyên Đán		7			
	Triệu Quang Phục	Nguyễn Trãi đến Tôn Thất Thiệp		10			
66	Yết Kiêu	cột 17		1	1		
	Kiệt 17 Yết Kiêu			1			
	Kiệt 18 Yết Kiêu			1			
	Kiệt 43 Yết Kiêu			1			
	Kiệt 34 Yết Kiêu			1			
	Kiệt 75 Yết Kiêu	1 đến 7		7			
	Thạch Hãn	Lê Huân đến Nguyễn Trãi		4			
	Thạch Hãn	Nguyễn Trãi đến T.N.Đán		3			
	Triệu Quang Phục	Nguyễn Trãi đến Lê Huân		4			
67	La Sơn Phu Tử	Ngô Thế Lân Thái Phiên		17	1		Tủ đôi diện nhà số 29
	Kiệt 1 La Sơn Phu Tử			2			
	Kiệt 7 La Sơn Phu Tử			3			

	Kiệt 36 La Sơn Phu Tử	từ 1 đến 3		3		
	Kiệt 52 La Sơn Phu Tử	từ 1 đến 2		2		
	Kiệt 44 La Sơn Phu Tử	từ 1 đến 3		3		
	Kiệt 52 La Sơn Phu Tử			1		
	Ngô Thế Lân	13 đến 17		11		
	Kiệt 87 Ngô Thế Lân	1 đến 2		2		
	Kiệt 103 Ngô Thế Lân	1 đến 2		2		
	Kiệt 111 Ngô Thế Lân			2		
	Kiệt 26 La Sơn Phu Tử	Trần Văn Kỹ đến La Sơn Phu Tử		6		
	Trần Nhân Tông nói dài			6		
	Trần Văn Kỹ	Ngô Thế Lân đến Lê Trung Đình		18		
	Kiệt 91 Lê Đại Hành			5		
	Kiệt 93 Lê Đại Hành			4		
	Kiệt 101 Lê Đại Hành			4		
	Lê Đại Hành	La Sơn Phu Tử đến Nguyễn Trãi		5		
	Kiệt 14 La Sơn Phu Tử	từ 1 đến 3		3		
	Kiệt 20 La Sơn Phu Tử	Cả kiệt		4		
	Kiệt 24 La Sơn Phu Tử			1		
	Kiệt 27 La Sơn Phu Tử			1		
	Kiệt 92 Lê Đại Hành			1		
	Kiệt 71 Nguyễn Văn Trỗi			1		
	Kiệt 25 Nguyễn Văn Trỗi			4		
	Nguyễn Văn Trỗi	3 đến 6		4		
68	Kiệt 347 Nguyễn Trãi	1 đến 2		2		
	Kiệt 349 Nguyễn Trãi	1 đến 2		2		
	Thánh Gióng	TQToàn đến kiệt 18 Thánh Gióng		3	1	
	Kiệt 5 Thánh Gióng	1 đến 23		2		
	Kiệt 15 Thánh Gióng			1		

	Kiệt 14 Thánh Gióng			2			
	Lương Ngọc Quyến	1 đến 19		19			
	Kiệt 18 Thánh Gióng	Cả Kiệt		6			
69	Lương Ngọc Quyến			53	1		Tủ 40 Lương Ngọc Quyến, DA Green City
	Mang Cá			18			
	Trần Nhật Duật			22			
70	Thạch Hãn			37	1		Tủ Cột C6/01 trước nhà 74 Thạch Hãn, DA Green City
71	Hồ Vuông			20	1		Tủ 04 Tú Xương (Hồ Vuông), DA Green City (CS Hồ Vuông)
72	Tạ Quang Bửu			23	1		Tủ 70 Tạ Quang Bửu, DA Green City
73	Hồ Tiên Bảo			31	1		Tủ 24B Tú Xương (Hồ Tiên Bảo), DA Green City (CS Hồ Tiên Bảo)
74	Hồ Phong Trạch			12	1		Tủ (Hồ Phong Trạch) 6 kiệt 126 Nguyễn Trãi, DA Green City (CS Hồ Phong Trạch)
	<b>PHƯỜNG ĐĂNG QUẢN LÝ</b>						
75	ĐCS La Sơn Phu Tử			35	1		Đang triển khai đầu tư
76	ĐCS Tăng Bạt Hổ			46	1		Đang triển khai đầu tư
<b>Đ1 0</b>	<b>PHƯỜNG KIM LONG</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.730</b>	<b>40</b>		
	<b>TRUNG TÂM ĐĂNG QUẢN LÝ</b>						
1	Kiệt 80 Nguyễn Hoàng	1 đến 8		8			
	Kiệt 152 Lý Nam Đế	1 đến 2		2			
	Kiệt 162 Lý Nam Đế	1 đến 2		2			
	Kiệt 168 Lý Nam Đế	1 đến 3		3			
	Kiệt 170 Lý Nam Đế	1 đến 2		2			
	Kiệt 176 Lý Nam Đế	1 đến 3		3			
	Kiệt 180 Lý Nam Đế	1 đến 6		6			
	Kiệt 188 Lý Nam Đế	1 đến 2		3			

	Kiệt 192 Lý Nam Đế	1 đến 2		2		
	Kiệt 200 Lý Nam Đế	1 đến 4		4		
	Kiệt 202 Lý Nam Đế	1 đến 3		3		
	Kiệt 208 Lý Nam Đế	1 đến 12		12		
	Kiệt 216 Lý Nam Đế	1 đến 2		2		
	Lý Nam Đế	26 đến 52		27	1	(Tủ điện Trước nhà số 158 LNH)
2	Cầu An Ninh Hạ			1		
	Nguyễn Phúc Thụ	1 đến 20		20		
	kiệt 21 Nguyễn phúc thụ	1 đến 4		4		
	kiệt 54 Nguyễn phúc thụ	1 đến 2		2		
	Kiệt 240 Lý Nam Đế	1 đến 29		29		
	Lý Nam Đế	53 đến 75		23	1	(Tủ điện tại cột 62 Lý Nam Đế trước đài liệt sỹ)
3	Lý Nam Đế	76 đến 102		29	1	(Tủ điện Trước nhà 300 LNH)
	Kiệt 242 Lý Nam Đế	1 đến 3		3		
	Kiệt 248 Lý Nam Đế	1 đến 3		3		
	Kiệt 268 Lý Nam Đế	1 đến 3		4		
	Kiệt 276 Lý Nam Đế	1 đến 4		4		
	kiệt 278 lý nam đế	1 đến 3		3		
	Kiệt 288 Lý Nam Đế	1 đến 6		6		
	Kiệt 286 Lý Nam Đế	1 đến 4		4		
	Triệu Túc	1 đến 3		3		
	Kiệt 314 Lý Nam Đế	1 đến 11		11		
	Kiệt 332 Lý Nam Đế	1 đến 9		9		
	Phạm Tu	1 đến 19		19		
	Kiệt 1 Phạm Tu	1 đến 4		4		
	Kiệt 29 Phạm Tu	1 đến 8		8		
	Nguyễn Hữu Dật	1 đến 4		4		
4	Nguyễn Hữu Dật	5 đến 47		47	1	(Tủ điện Trước nhà 2 kiệt 68 Nguyễn Hữu Dật)
	Kiệt 8 Nguyễn Hữu Dật	1 đến 8		8		

	Kiệt 6 Nguyễn Hữu Dật	1 đến 9		9		
	K6/2 Nguyễn Hữu Dật	1 đến 4		4		
	Kiệt 20 Nguyễn Hữu Dật	1 đến 4		4		
	Kiệt 28 Nguyễn Hữu Dật	1 đến 2		2		
	Kiệt 34 Nguyễn Hữu Dật	1 đến 10		10		
	Kiệt 56 Nguyễn Hữu Dật			1		
	kiệt 68 Nguyễn Hữu Dật	1 đến 10		10		
	Kiệt 56 Nguyễn Hữu Dật	1 đến 7		7		
5	Kiệt 240 Lý Nam Đế			31	1	(Tù điện tại kiệt 240 LND)
	Kiệt 240/162 Lý Nam Đế	1 đến 3		3		
	Kiệt 240/150 Lý Nam Đế	1 đến 3		3		
	Kiệt 240/144 Lý Nam Đế	1 đến 6		6		
	Ngõ 5 kiệt 240 Lý Nam Đế			9		
	Ngõ 15 kiệt 240 Lý Nam Đế	1 đến 3		3		
	Ngõ cột số 6 kiệt 240 Lý Nam Đế			6		
	Ngõ cột số 8 kiệt 240 Lý Nam Đế			3		
	Ngõ cột số 10 kiệt 240 Lý Nam Đế			3		
	Ngõ cột số 12 kiệt 240 Lý Nam Đế			3		
6	Kim Long	Cột 19 đến Ng. Hoàng		12	1	(Tù điện đặt tại Ngã 3 K.L- N.Hoàng)
	Phú Mộng			16		
	Kiệt 8 Phú Mộng			2		
	Nguyễn Hoàng	Cột 1 đến cột 7 Ng. Hoàng		7		
	Kiệt 52 Kim Long			1		
	Kiệt 66 Kim Long	1 đến 3		3		
	Kiệt 104 Kim Long	1 đến 17		17		
	Kiệt 17/104 Kim Long	1 đến 5		5		
	Kiệt 110 Kim Long	1 đến 9		9		
	Ngõ 17, Kiệt 110 Kim Long	1 đến 3		3		
	Kiệt 116 Kim Long	1 đến 2		2		

	Kiệt 130 Kim Long	1 đến 3		3		
	Kiệt 150 Kim Long	1 đến 2		4		
	Ngõ 5 kiệt 20 Nguyễn Hoàng	1 đến 2		2		
	Kiệt 20 Nguyễn Hoàng	1 đến 6		6		
7	Nguyễn Phúc Nguyên	Nguyễn Hoàng đến cột 25 (cột ĐL)		25	1	(Tủ điện đặt tại Cột 15 Nguyễn Phúc Nguyên)
	Nguyễn Phúc Nguyên	Cột 36 - 72 (cột thép)		37		
	Kiệt 4 Nguyễn Phúc Nguyên	Cột 1- 5		5		
	Kiệt 12 Nguyễn Phúc Nguyên	Cột 1- 3		3		
	Kiệt 24 Nguyễn Phúc Nguyên	Cột 1- 5		10		
	Kiệt 40 Nguyễn Phúc Nguyên	Cột 1- 5		5		
	Phan Trọng Tịnh	Cột 1- 9		9		
	Kiệt 68 Nguyễn Phúc Nguyên	Cột 1- 3		3		
	Kiệt 98 Nguyễn Phúc Nguyên	Cột 1- 7		7		
	Bà Nguyễn Đình Chi	Cột 1- 4		4		
	Lê Quang Quyền	Cột 1- 11		11		
	Kiệt 34 Lê Quang Quyền	Cột 1- 3		3		
	Đường ngang số 1	Cột 1- 6		6		
	Đường ngang số 2	Cột 1- 6		6		
	Đường ngang số 3	Cột 1- 5		5		
Kiệt 32 Nguyễn Phúc Chu	Cột 1- 4		4			
Nguyễn Phúc Chu	Cột 1 - 28		33			
8	Phạm Thị Liên	4 đến cột 34		30	1	(Tủ điện đặt tại Giáo Xứ Kim Long cột 16 đường Phạm Thị Liên)
	Kiệt 15 Phạm T Liên	Cột 1 đến 2		2		
	kiệt 24 phạm thị liên	Cột 1 đến 6		6		
	kiệt 28 phạm thị liên	1 đến 3		3		
	Kiệt 30 Phạm Thị Liên	Cột 1 đến 8		8		
	Kiệt 36 Phạm Thị Liên	Cột 1 đến 7		7		
	Kiệt 42 Phạm Thị Liên	Cột 1 đến 5		5		

	Kiệt 50 Phạm Thị Liên	Cột 1 đến 7		7		
	Kiệt 53 Phạm Thị Liên	Cột 1 đến 3		3		
	Kiệt 35 Phạm Thị Liên	Cột 1 đến 9		9		
	Kiệt 37 Phạm Thị Liên	Cột 1 đến K63		5		
	Kiệt 39 Phạm Thị Liên	Cột 1 đến 2		3		
	Kiệt 63 Phạm Thị Liên	Cột 1 đến 9		9		
	Kiệt 69 Phạm Thị Liên	Cột 1 đến 11		11		
	Kiệt 78 Phạm Thị Liên	Cột 1 đến 7		7		
	Kiệt 81 Phạm Thị Liên	Cột 1 đến 3		3		
	Kiệt 83 Phạm Thị Liên	Cột 1 đến 3		3		
	Kiệt 90 Phạm Thị Liên	Cột 1 đến 2		2		
	Ngõ 8 kiệt 79 Phạm Thị Liên	Cột 1 đến 2		2		
	Ngõ 11 kiệt 79 Phạm Thị Liên	Cột 1 đến 2		2		
	Ngõ 17 kiệt 79 Phạm Thị Liên	Cột 1 đến 3		3		
	Kiệt 104 Phạm Thị Liên			1		
	Ngõ 2, Kiệt 104 Phạm Thị Liên	Cột 1 đến 3		3		
	Kiệt 138 Phạm Thị Liên	Cột 1 đến 7		11		
	Ngõ 3 Kiệt 79 Phạm Thị Liên	Cột 1 đến 2		2		
	KQH Lim Long đối diện Kiệt 81 Phạm Thị Liên	1 đến 7		7		
	Kiệt 79 Phạm Thị Liên	Cột 1 đến 5		5		
9	Kim Long	Cầu Kim Long đến cột 18 (cột ĐL)		17	1	(Tủ điện trước Đại chủng viện 30 Kim Long, cột 9 Kim Long)
		Cầu Kim Long đến cột 35 (cột thép)		35		
	Kiệt 42 Phú Mộng	1 đến 4		4		
	Ngõ 3 kiệt 42 Phú Mộng	1 đến 3		3		
	Ngõ 10 kiệt 42 Phú Mộng			1		
	Kiệt 22 Phú Mộng	1 đến 4		4		
	Ngõ 14 Kiệt 22 Phú Mộng	1 đến 2		2		
	Kiệt 36 Kim Long	1 đến 9		9		

10	Lê Tự Nhiên	1 đến 3		3			
	Bữu Đình	1 đến 10		10	1		(Tủ điện đặt tại Bữu Đình - Nguyễn Phúc Thái sát Dũng Dê)
	kiệt 80 bửu đình	1 đến 2		2			
	Nguyễn phúc Thái	1 đến 2		2			
	Kiệt 78 Phạm Thị Liên	1 đến 6		6			
	Mai Khắc Đôn	3 đến 16		13			
	Kiệt 18 Mai Khắc Đôn	1 đến 3		3			
	Kiệt 25 Mai Khắc Đôn	1 đến 7		7			
11	Lê Tự Nhiên	4 đến 8		5			
	Hồ Văn Hiến	1 đến 9		9			
	kiệt 73 hồ văn hiến	1 đến 3		3			
	Nguyễn Phúc Tần	1 đến 6		6			
	Hà Khê	1 đến 9		9			
	Kiệt 143 Vạn Xuân	1 đến 2		2			
	Vạn Xuân	28 đến 39		12			
	Bữu Đình	11 đến 14		14			
	Mai Khắc Đôn	1 đến 2		2			
	Kiệt 2 Mai Khắc Đôn	1 đến 3		3			
	Nguyễn Phúc Thái	3 đến 18		16			
	Kiệt 42 Nguyễn Phúc Thái	1 đến 7		7			
	kiệt 73 Nguyễn phúc thái	1 đến 2		2			
	Kiệt 104 Nguyễn Phúc Thái	1 đến 2		2			
	Kiệt 108 Nguyễn Phúc Thái	1 đến 4		4			
	Kiệt 5 Nguyễn Phúc Thái	1 đến 4		4			
	Kiệt 11 Nguyễn Phúc Thái			1			
	Kiệt 15 Nguyễn Phúc Thái			1			
	Nguyễn Phúc Lan	1 đến 11		11	1		Tủ điện đối diện nhà 85 Nguyễn Phúc Lan)
	kiệt 2 Nguyễn phúc lan	1 đến 3		3			
Kiệt 4 Nguyễn Phúc Lan	1 đến 2		2				

	Kiệt 3 Nguyễn Phúc Lan	1 đến 3		3		
	Kiệt 14 Nguyễn Phúc Lan	1 đến 5		5		
	Kiệt 18 Nguyễn Phúc Lan	1 đến 2		2		
	Kiệt 22 Nguyễn Phúc Lan	1 đến 6		6		
	Kiệt 27 Nguyễn Phúc Lan	1 đến 8		8		
	Kiệt 11 Nguyễn Phúc Lan	1 đến 3		3		
	Kiệt 31 Nguyễn Phúc Lan	1 đến 2		2		
	Kiệt 35 Nguyễn Phúc Lan	1 đến 6		6		
	Kiệt 55 Nguyễn Phúc Lan	1 đến 3		3		
	Kiệt 81 Nguyễn Phúc Lan			1		
12	Nguyễn Hoàng	8 đến 24		17		
	Kiệt 33 Nguyễn Hoàng	Cột 1 đến 8		8		
	Kiệt 36 Nguyễn Hoàng	Cột 1 đến 6		6		
	Kiệt 67 Nguyễn Hoàng	1 đến 2		2		
	Ngõ 1 kiệt 36 Nguyễn Hoàng	Cột 1 đến 2		2		
	Kiệt 66 An Ninh	1 đến 3		4		
	Kiệt 26 An Ninh	Cột 1 đến 6		6		
	Kiệt 20 An Ninh	Cột 1 đến 5		5		
	Kiệt 6 An Ninh	Cột 1 đến 4		4		
	An Ninh	Cột 1 đến 21		24	1	(Tủ điện đầu đường An Ninh)
	Ngõ 15 Kiệt 80 Nguyễn Hoàng	Cột 1 đến 2		2		
Kiệt 80 Nguyễn Hoàng	Cột 1 đến 4		7			
13	Nguyễn Phúc Nguyên	26 đến 42 (cột ĐL)		16	1	(Tủ điện Trước 38 NPN)
		Cột 73 - 101 (cột thép)		29		
	Kiệt 98 Nguyễn Phúc Nguyên			5		
	Kiệt 140 Nguyễn Phúc Nguyên	1 đến 9		9		
	Kiệt 126 Nguyễn Phúc Nguyên			2		
Sư Vạn Hạnh	Cột 1 đến 17		17			
14	Đường Văn Thánh			13		
	Đường Long Hồ	(đoạn trước phường		28	1	(Tủ điện tại Cột 15 Long Hồ)

		Hương Hồ)				
15	Đường Long Hồ			31	1	(Tủ điện tại Cột 38 Long Hồ)
16	Sư Vạn Hạnh			26		
	Đường Văn Thánh			29	1	(Tủ điện tại Cột 25 Văn Thánh)
17	Đường Văn Thánh			77	1	(Tủ điện tại trước nhà 65 Văn Thánh) (Tủ điện Đối diện nhà 53, cột 15 Vạn Xuân)
18	Vạn Xuân	1 đến 31		31	1	
	Kiệt 3 Vạn Xuân	1 đến 10		10		
	Cầu 3 bến	Cột 1 đến 3		3		
	Kiệt 3 Vạn Xuân	Cột 1 đến 3		4		
	Kiệt 17 Vạn Xuân	Cột 1 đến 4		4		
	Kiệt 55 Vạn Xuân	Cột 1 đến 3		3		
	Kiệt 63 Vạn Xuân	Cột 1 đến 3		3		
	Kiệt 67 Vạn Xuân	Cột 1 đến 5		3		
	Kiệt 83 Vạn Xuân	Cột 1 đến 3		3		
	Kiệt 95 Vạn Xuân	Cột 1 đến 10		10		
	Ngõ 8, Kiệt 95 Vạn Xuân	Cột 1 đến 3		3		
	Kiệt 107 Vạn Xuân	Cột 1 đến 2		2		
	Kiệt 22 Phú Mộng	Cột 1 đến 2		2		
	Phú Mộng	Vạn Xuân đến cột 15		13		
	Ngõ 4, Kiệt 22 Phú Mộng	Cột 1 đến 4		4		
	Kiệt 22 Phú Mộng	Cột 1 đến 7		7		
Kiệt 54 Phú Mộng	Cột 1 đến 3		3			
Phạm Thị Liên	Vạn Xuân đến đường sắt		3			
19	Đường tránh huế	Tủ tại cột HH 20; Tủ cột HA53 đến HA62; Tủ HA 120 đến cột HA130; Tủ HH01 đến HH72; Tủ HH127 đến		125	1	Tủ điện tại cột HH 20

		HH146				
20	Đường tránh huế	Tủ tại cột HH119; Từ cột HH73 đến HH126; Từ HH147 đến cột HH168; Từ HT01 đến HT18; Từ HT103 đến HT112	117	1		Tủ điện tại cột HH119
21	Đường Hồ Thừa		38	1		
22	Lê Đức Toàn		23	1		
23	KQH Kim Long 5		29	1		
24	Khu đất xen ghép tổ 6, KV3 phường Kim Long		28	1		
25	Đường vào Điện Hòn Chén		36	1		
26	QL49B		23	1		Tủ QL 49 Hương Thọ 1, cột 5
27	QL49B		34	1		Tủ QL 49 Hương Thọ 2, cột phía Bắc cầu Hữu Trạch
28	Đường vào Chùa Huyền Không Sơn Thượng		70	1		
29	Đường Ngọc Hồ		61	1		
30	Cầu Hữu Trạch - Gia Long		43	1		Tủ Hương Thọ 1, cột số 1, phía Nam Cầu Hữu Trạch
	Đường liên thôn La Khê Trẹm		62			
31	Cầu Hữu Trạch - Gia Long		43	1		Tủ Hương Thọ 2, cột 37.8
	Đường Liên thôn Thạch Hàn		32			
32	Cầu Hữu Trạch - Gia Long		44	1		Tủ Hương Thọ 3, cột 111
33	Tuyến Lãng Minh Mạng	Từ 1 đến 22	22	1		Tủ Lãng Minh Mạng
	Từ chân cầu Tuần đến ngã tư đường vào lãng Minh Mạng		32			
34	Cầu Tuần phía Hương Thọ		17	1		Tủ tại cột sát chân Cầu Tuần phía Hương Thọ
35	Đường vào tiểu đoàn cơ động thôn	1 đến 25	25	1		Tủ tại cột số 1

	Hải Cát xã Hương Thọ, cột số 1					
36	Đường tránh Huế	Tủ tại cột HT22; Từ HT19 đến HT51; Từ HT113 đến HT119		45	1	Đường Tránh Huế (Hương Thọ tủ 4)
37	Đường tránh Huế	Tủ tại cột HT93; Từ HT52 đến HT102; Từ HT120 đến HT130		64	1	Đường Tránh Huế (Hương Thọ tủ 5)
	<b>PHƯỜNG ĐANG QUẢN LÝ</b>					
38	Chiều sáng đường Chằm		1592	49	1	
39	Tuyến đường vào Lăng Gia Long			28	1	
40	TDP La Khê Bãi			11	1	
<b>Đ1 1</b>	<b>PHƯỜNG HƯƠNG AN</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>3.163</b>	<b>46</b>	
	<b>TRUNG TÂM ĐANG QUẢN LÝ</b>					
1	Lê Duẩn	43ab đến 59ab		41	1	<b>(Tủ điện tại Cầu An Hòa)</b>
	Cầu An Hòa	60 đến 64		5		
	Lý Thái Tổ	1a đến 29a		29		
		1b đến 25b		25		
	Tăng Bạt Hổ	từ Lê Duẩn đến cột 9		9		
2	Lý Nam Đế	1 đến 10		10		<b>(Tủ điện Trước nhà 36 LND)</b>
	Kiệt 2 lý nam đế	1 đến 3		3		
	Kiệt 8 lý nam đế			39		
	Ngõ 2 kiệt 2 8 Lý Nam Đế	1 đến 2		2		
	Lý Nam Đế	11 đến 25		15	1	
	Kiệt 33 Lý Nam Đế	1 đến 3		3		
	Kiệt 39 Lý Nam Đế	1 đến 5		5		
	Kiệt 40 Lý Nam Đế	1 đến 6		6		
	Kiệt 56 Lý Nam Đế	1 đến 2		2		
	Kiệt 59 Lý Nam Đế	1 đến 11		11		

	ngõ 4B/59 lý nam đế	1 đến 3		3		
	ngõ 34/59 lý nam đế			1		
	Vạn Xuân	1 đến 5		5		
	Kiệt 76 Lý Nam Đế	1 đến 3		3		
	Kiệt 26 Lý Nam Đế	1 đến 7		7		
	Kiệt 7/10 Lý Nam Đế	1 đến 15		15		
	Kiệt 4/3 Lý Nam Đế			11		
	Kiệt 6 Lý Nam Đế	1 đến 3		3		
	Kiệt 3 Lý Nam Đế			20		
3	Lựu Bảo	Lý Nam Đế đến Lý Thần Tông		30	1	(Tủ điện tại Ngã 3 Lựu Bảo - Nguyễn Trọng Nhân)
	Nguyễn Trọng Nhân	Lựu Bảo đến Văn Thánh		22		
4	Đường Lý Thần Tông giáp đường Lựu Bảo hướng đi Hương An	Đường Lý Thần Tông giáp đường Lựu Bảo hướng đi Hương An		37	1	(Tủ điện tại An Vân cột 13 phía Lựu Bảo lên, Số nhà 265 Lý Thần Tông)
5	Đường Lý Thần Tông qua khỏi ngã 3 Cao Văn Khánh hướng đi Hương Chũ	Đường Lý Thần Tông qua khỏi ngã 3 Cao Văn Khánh hướng đi Hương Chũ		19	1	(Tủ điện tại Bồn Phổ cột 47 giữa đường, Số nhà 179 Lý Thần Tông)
6	Đường Lý Thần Tông giáp Hương Chũ	Đường Lý Thần Tông giáp Hương Chũ		17	1	(cột cuối đường phía An Lưu, cách số nhà 161 Lý Thần Tông 50m)
7	Đường Bồn Trì	Đường Bồn Trì		11	1	(Tủ điện nằm nhà số 43 cột đèn số 9 đường Bồn Trì)
8	Trục đường BT khu Cồn Đậu	Trục đường BT khu Cồn Đậu		34	1	(Tủ điện tại cột đèn số 12 khu Cồn Đậu)
9	Đường tránh Huế đoạn Hương An	Tủ tại cột HA28; Từ HA01 đến HA52; Từ HA63 đến HA119		114	1	

10	Khu quy hoạch Hương An	Cả khu QH		70	1		(Tủ điện tại đường số 1, cột đèn 29.1)
11	Đường Cao Văn Khánh	Đường Cao Văn Khánh		44	1		(Tủ điện trước nhà 207 Cao Văn Khánh, cột đèn số 43)
12	Trục đường Làng Thanh Chũ			21	1		(Tủ điện tại cột thép số 6 Thanh Chũ)
	Cao Văn Khánh			22			
13	Kiệt trường TH Triều Sơn Tây	Cột 1 đến cột 11		11			
	Lý Thái Tổ	dây phân cách từ cây xăng Hương An đến cổng làng La Chũ		90	1		(Tủ điện Trước 258 Lý Thái Tổ)
	Kiệt 323 Lý Thái Tổ	Cột 1 đến cột 4		4			
	Kiệt 258 Lý Thái Tổ	Cột 1 đến cột 4		4			
	Kiệt 218 Lý Thái Tổ	Cột 1 đến cột 9		9			
	kiệt 122 lý thái tổ	1 đến 2		2			
	kiệt 110 lý thái tổ	Cột 1 đến cột 12		12			
	Kiệt 100 Lý Thái Tổ	Cột 1 đến cột 9		9			
	Kiệt 83 Lý Thái Tổ	Cột 1 đến cột 7		7			
	Nguyễn Đăng Đệ	Cột 1 đến cột 20		20			
14	Lý Thái Tổ	Kiệt 19 Lý Thái Tổ	Cột 1 đến cột 8	8			
			Cột 18a - 33a	16			
			Cột 14b - 29b	16			
			dây phân cách từ Công Chém đến cây xăng Hương An	60	1		(Tủ điện trước nhà 90 Lý Thái Tổ)
15	Khu công nghiệp		Đường Số 1	11			
			Đường Số 2	10	1		
			Đường Số 3	15			
			Đường Số 4	9			
			Đường Số 5	8			
			Đường Số 6	16			
16	Cao Thắng	1 đến 4		4	1		

	Nguyễn Duy	1 đến 6		6		
	Nguyễn Lâm	1 đến 4		4		
	Nguyễn Lâm	Cột 5 - 14		11		
	Nguyễn Duy	Cột 5 - 14		11		
	Phạm Tuấn	1 đến 5		5		
	2 đường ngang (không tên)			7		
	3 đường ngang (không tên)	Cột điện Lực		14		
17	Tản Đà	Cột 1ab - 6ab		12		
	Nguyễn Văn Linh	Cột 1ab - 31ab		62	1	(Tủ điện tại 272 NVL)
18	Phạm Bình (KQH Hương Sơ 1)	Cột 1 - 32		42	1	
	Nguyễn Văn Linh	1 đến 37		73	1	Tủ điện gần cầu Tri A
	Đường dọc số 1	1 đến 11		11		
	Đường dọc số 2	1 đến 8		8		
19	Đường dọc số 3	1 đến 4		4		
	Đường dọc số 4	1 đến 4		4		
	Đường ngang số 1	1 đến 4		4		
	Đường ngang số 2	1 đến 4		4		
	Kiệt cột 12 hói Hàng Tổng	1 đến 3		3		
	Kiệt cột 16 hói Hàng Tổng	1 đến 2		2		
	Kiệt cột 24 hói Hàng Tổng	1 đến 6		6		
	Kiệt cột 25 hói Hàng Tổng	1 đến 7		7		
	Kiệt cột 29 hói Hàng Tổng	1 đến 3		3		
	Kiệt cột 31 hói Hàng Tổng	1 đến 4		4		
20	Kiệt 9 hói Hàng Tổng	1 đến 4		4		
	Kiệt 7 hói Hàng Tổng	1 đến 4		4		
	Kiệt 5 hói Hàng Tổng	1 đến 4		4		
	Kiệt 3 hói Hàng Tổng	1 đến 4		4		
	Kiệt 2 hói Hàng Tổng	1 đến 4		4		
	Kiệt 1 hói Hàng Tổng	1 đến 3		3		
	Đặng Chiêm	1 đến 19		19		
	Kiệt 1 Đặng Chiêm	1 đến 5		5		

	Kiệt 2 Đặng Chiêm	1 đến 5		5		
	Kiệt 3 Đặng Chiêm	1 đến 4		4		
	Kiệt 4 Đặng Chiêm	1 đến 6		6		
	Kiệt 5 Đặng Chiêm	1 đến 3		3		
	Kiệt 6 Đặng Chiêm	1 đến 4		4		
	Kiệt 111 Trần Quý Khoáng	1 đến 5		5		
	Kiệt 99 Trần Quý Khoáng	1 đến 4		4		
	Kiệt 51 Trần Quý Khoáng	1 đến 5		5		
	Kiệt 01 Đặng Chiêm	1 đến 6		6		
	Kiệt 6 Đặng Chiêm	1 đến 2		2		
	Kiệt 10 Đặng Chiêm	1 đến 2		2		
	Kiệt 9 Đặng Chiêm	1 đến 3		3		
	Kiệt 47C Đặng Chiêm	1 đến 2		2		
	Ngõ 9 kiệt 32 Đặng Chiêm	1 đến 2		2		
	Ngõ 29 kiệt 32 Đặng Chiêm	1 đến 4		4		
	kiệt 32 Đặng Chiêm	1 đến 4		4		
	Trần Quý Khoáng	1 đến 19		19	1	Tủ điện gần cầu Đức Bưu
	Kiệt 25 Trần Quý Khoáng			1		
	Kiệt 19 Trần Quý Khoáng	1 đến 4		4		
	Kiệt 47 Trần Quý Khoáng	1 đến 4		4		
	Kiệt 49 Trần Quý Khoáng	1 đến 5		5		
	Kiệt 91 Trần Quý Khoáng	1 đến 4		4		
	Kiệt 73 Trần Quý Khoáng	1 đến 6		6		
	Kiệt 99 Trần Quý Khoáng	1 đến 4		4		
	Kiệt 103 Trần Quý Khoáng	1 đến 4		4		
	Kiệt 111 Trần Quý Khoáng	1 đến 5		5		
	Kiệt 115 Trần Quý Khoáng	1 đến 4		4		
	Kiệt 119 Trần Quý Khoáng	1 đến 8		8		
	Nguyễn thông	1 đến 2		2		
	Trần Quý Khoán	1 đến 26		26		
21	Kiệt 162 Lý Thái Tổ	1 đến 14		14	1	Tủ TÂY AN 2 (Kiệt 162 Lý Tổ)

22	Làng Triều Sơn Tây			44	1		Tủ LÀNG TRIỀU SƠN TÂY (Tây An 5)
23	HTKT KĐC Hương Sơ GD3			45	1		
24	HTKT KĐC Hương Sơ GD4			10	1		
25	HTKT khu dân cư hương sơ KV1			48	1		
26	KTKT KĐC Hương Sơ KV3			180	3		
27	Đặng Tất	1 đến 19		19	1		(Tủ điện Trước nhà 73 Đặng Tất, cột 14 Đặng Tất)
	Mai Lão Bạng	1 đến 8		8			
	Kiệt 1 Mai Lão Bạng	1 đến 13		13			
	Kiệt 2 Lý Thái Tổ	1 đến 6		6			
	Kiệt 36 Đặng Tất	1 đến 3		3			
	kiệt 34 Đặng tất	1 đến 2		2			
	Hói Hàng Tổng	1 đến 32		32			
	Hói Hàng Tổng nói dài	1 đến 4		4			
	Kiệt 2 bên sân vận động An Hòa	1 đến 10		10			
	Kiệt cạnh nhà thờ Đốc Sơ	1 đến 5		5			
	Kiệt 69 Đặng Tất	1 đến 5		5			
Kiệt 35 Đặng Tất	1 đến 8		8				
28	Đặng Tất	24 đến 42		19	1		(Tủ điện Trước nhà 213 Đặng Tất, cột 40 Đặng Tất)
	kiệt đối diện cột 9 tản đà	1 đến 2		2			
	Tản Đà	4 đến 10		7			
11 đến 15			5				
29	KĐC vạ đồ Hương Sơ			32	1		
	Kiệt 41 Nguyễn Bá Học	1 đến 4		4			
	Kiệt 45 Nguyễn Bá Học	1 đến 4		4			
	Kiệt 53 Nguyễn Bá Học	1 đến 2		2			
	Kiệt 61 Nguyễn Bá Học	1 đến 2		2			
	Kiệt 67 Nguyễn Bá Học	1 đến 3		3			
	Kiệt 81 Nguyễn Bá Học	1 đến 3		3			
Kiệt 85 Nguyễn Bá Học	1 đến 4		4				

	Kiệt 97 Nguyễn Bá Học	1 đến 3		3		
	Kiệt 103 Nguyễn Bá Học	1 đến 2		2		
	Kiệt sân bóng (đường Tân Đà)	1 đến 6		6		
	Tân Đà nối dài	1 đến 8		8		
	Hỏi Lệ Khê	14 đến 26		13		
30	Trần Quý Khoán	27 đến 58		32	1	
	Kiệt cột đèn 41 Trần Quý Khoáng			1		
	Kiệt cột đèn 43 Trần Quý Khoáng	1 đến 2		2		
	Kiệt cột đèn 43 Trần Quý Khoáng			1		
	Kiệt cột đèn 45 Trần Quý Khoáng			1		
	Kiệt cột đèn 49 Trần Quý Khoáng	1 đến 9		9		
	Kiệt cột đèn 50 Trần Quý Khoáng	1 đến 2		2		
	Kiệt cột đèn 51 Trần Quý Khoáng	1 đến 4		4		
	Kiệt cột đèn 52 Trần Quý Khoáng			1		
	Kiệt cột đèn 53 Trần Quý Khoáng			1		
	Kiệt cột đèn 56 Trần Quý Khoáng	1 đến 2		2		
	Kiệt cột đèn 57 Trần Quý Khoáng	1 đến 10		10		
	Nhánh đường ngang số 1 của kiệt dọc hỏi (đường Hậu Thôn)	1 đến 6		6		
	Nhánh đường ngang số 3 của kiệt dọc hỏi (đường Hậu Thôn)	1 đến 3		3		
	Kiệt giữa khoảng cột đèn 57 - 58 Trần Quý Khoáng	1 đến 2		2		
	Kiệt dọc hỏi (đường Hậu Thôn)	1 đến 5		5		
	Kiệt 127 đường Tân Đà	1 đến 6		6		
	Kiệt 119 Trần Quý Khoán	1 đến 8		8		
	Kiệt 121 Trần Quý Khoán	1 đến 3		3		
	Kiệt cột đèn 23 Trần Quý Khoán	1 đến 7		7		
kiệt, cột 48 trần quý khoáng			2			
kiệt 149 trần quý khoáng	1 đến 2		2			
kiệt 169 trần quý khoáng	1 đến 3		3			

	Kiệt cột 9 Chùa Lệ Khê	1 đến 5		5		
	Kiệt chợ Lệ Khê	1 đến 9		9		
	Kiệt chợ Lệ Khê (cột số 4)	1 đến 4		4		
	Kiệt chùa Lệ Khê	1 đến 2		2		
	Kiệt chùa Lệ Khê (cột 2)	1 đến 2		2		
	Kiệt chùa Lệ Khê (cột 4)	1 đến 3		3		
	Kiệt cột 41 hói Hàng Tổng	1 đến 3		3		
	Kiệt cột 42 hói Hàng Tổng	1 đến 3		3		
	Kiệt cột 43 hói Hàng Tổng	1 đến 2		2		
	Kiệt cột 45 hói Hàng Tổng	1 đến 3		3		
	Kiệt cột 48 hói Hàng Tổng	1 đến 3		3		
	Kiệt cột 50 hói Hàng Tổng	1 đến 3		3		
	Kiệt cột 52 hói Hàng Tổng	1 đến 4		4		
	Kiệt cột 53 hói Hàng Tổng	1 đến 4		4		
	Kiệt cột 54 hói Hàng Tổng	1 đến 4		4		
	Kiệt cột 57 hói Hàng Tổng	1 đến 11		11		
	Kiệt cột 58 hói Hàng Tổng	1 đến 4		4		
	Kiệt hói Hàng Tổng	1 đến 4		4		
	Kiệt cột 32 hói Hàng Tổng	1 đến 3		3		
	Tản Đà	9 đến 16		8		
31	HTKT Khu dân cư Bắc Hương sơ KV2	Ngã tư Nguyễn Liên Phong - Phan Đình Thông		70	1	
32	Mê Linh			16		
	Lê Minh Trường			6	1	
	Hoa Lư			3		
	Đường vuông góc Hoa Lư			4		
	Đường ngang số 1			3		
	Đường ngang số 2			3		
	Đường ngang số 3			3		
	Khu định cư	1 đến 9		9		

		12 đến 17		6		
	Kiệt 18 Tân Đà	1 đến 7		7		
	Kiệt 24 Nguyễn Văn Linh	1 đến 3		3		
33	Khu TĐC Tân Đà Hương Sơ KV4, sát BTĐ Bao Mỹ 7 - Nguyễn Thành			53	1	
34	Khu TĐC Tân Đà Hương Sơ KV4, sát BTĐ Bao Mỹ 7 - Bao Mỹ 10	Ngã 3 Bao Mỹ 7 - Bao Mỹ 10		52	1	
35	Khu TĐC Tân Đà Hương Sơ KV5 sát BTĐ Bao Mỹ 14 - Bao Mỹ 15	Ngã 3 Bao Mỹ 14 - Bao Mỹ 15		50	1	
36	Khu TĐC Tân Đà Hương Sơ KV5, sát cột 45 Nguyễn Thành	Góc Công Viên Bao Mỹ - Bao Mỹ 17		51	1	
37	Khu TĐC Tân Đà Hương Sơ KV7 (Nguyễn Cao - Bãi Sậy 3)	Công Viên sát TBA Hương Sơ 12 (Nguyễn cao - bãi Sậy 3)		85	1	
38	Khu TĐC Hương Sơ KV6 (Đình Gia Quế - Bãi Sậy 3)	góc công viên giao giữa đường Đình Gia Quế - Bãi Sậy 3		52	1	
39	Khu TĐC Hương Sơ KV6 (Lê Mô Khởi - Bãi Sậy 3)	góc công viên giao giữa đường Lê Mô Khởi - Bãi Sậy 3		73	1	
40	Kiệt 306 Tầng Bạt Hồ			2		
	Kiệt 304 Tầng Bạt Hồ			3		
	Kiệt 330 Tầng Bạt Hồ			2		
	Tầng Bạt Hồ	28 đến 40		13	1	Tủ nằm trước số nhà 239
41	Tầng Bạt Hồ	11 đến 27		18	1	Tủ nằm tại ngã ba TBH-NT
	Nguyễn Trãi	77 đến 78		2		
42	Tầng Bạt Hồ	41 đến 64		24	1	Tủ cạnh nhà 237 TBH
	Tân Đà	Cửa Hậu đến Tầng		3		

		Bạt Hồ					
	Cầu Bạch Yến	Cả cầu		18			
43	HTKT KDC phía bắc Hương Sơ KV9			69	1		
	<b>PHƯỜNG ĐANG QUẢN LÝ</b>						
44	ĐCS các đường kiệt			81			
45	ĐCS Mương Trường Thi đến đường Cao Văn Khánh			41	1		Đang triển khai đầu tư
<b>Đ1</b>	<b>BAN ĐÔ THỊ</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>3.112</b>	<b>35</b>		
1	Hạ tầng kỹ thuật khu TĐC Thủy Thanh giai đoạn 2	Xã Thủy Thanh		73	1		
2	Hạ tầng kỹ thuật khu TĐC Thủy Vân giai đoạn 2	Phường Thủy Vân		62	1		
3	Hạ tầng kỹ thuật Khu TĐC Thủy Dương GD2	Phường Thủy Dương		38	1		
4	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư KV4 - Xuân Phú	Phường Xuân Phú		59	1		
5	Hạ tầng ngoài hàng rào Khu chung cư Xuân Phú	Phường Xuân Phú		23			
6	Tuyến đường vào khu Chung cư Arraya (Dương Khuê)	Phường Xuân Phú		8			
7	Đường Hoàng Lanh từ Dương Khuê đến Võ Nguyên Giáp	Phường Xuân Phú		15			
8	Hạ tầng kỹ thuật Khu TĐC1	Phường Xuân Phú		42	1		
9	Đường Tỉnh lộ 10A (từ Phạm Văn Đồng đến Võ Chí Công)	Huyện Phú Vang		124	2		
10	Đường Lê Đức Anh (từ Phạm Văn Đồng đến Võ Chí Công)	Phường Thủy Vân		155	2		
11	Đường Trường Chinh (từ Võ Nguyên Giáp đến Võ Chí Công)	Xã Thủy Thanh		45	1		
12	Đường mặt cắt 26m trong khu nhà ở An Đông (Âu Lạc)	Phường An Đông		42	1		

13	Đường Vũ Thắng (từ Hoàng Lanh đến Tổ Hữu)	Phường Xuân Phú		28	1		
14	Hạ tầng kỹ thuật khu TĐC Thủy Thanh giai đoạn 3	Xã Thủy Thanh		64	1		
15	Hạ tầng kỹ thuật khu TĐC Thủy Dương giai đoạn 3	Phường Thủy Dương		30	1		
16	Đường Võ Văn Kiệt (Cầu vượt đến Minh Mạng)	P.Thủy Dương, An Tây		255	3		
17	Hạ tầng kỹ thuật Khu OTT8; OTT9	Xã Thủy Thanh		58	1		
18	Hạ tầng kỹ thuật Khu TĐ1	Phường Thủy Vân		33	1		
19	Chỉnh trang một phần khu đất CTR4	Phường Xuân Phú		37	1		
20	Hạ tầng kỹ thuật khu TĐC2	Xã Thủy Thanh		105	1		
21	Hạ tầng kỹ thuật khu TĐ4	Phường Thủy Vân		43	1		
22	Hạ tầng kỹ thuật khu TĐC TD5	Phường Thủy Vân		24	1		
23	Đường Tổ Hữu nối dài (từ cầu Phát Lát đến Võ Chí Công)	P.Xuân Phú, An Đông		135	1		
24	Đường Võ Nguyên Giáp (từ Trường Chinh đến cầu A-B)	P.Xuân Phú, An Đông		64	1		
25	Hạ tầng kỹ thuật CTR13 & TĐC5	Phường An Đông		33	1		
26	Đường Phú Mỹ Thuận An	Huyện Phú Vang		258	3		
27	Khu nhà ở văn phòng LK2	Phường Xuân Phú		238	1		
28	TT hành chính công	Phường Xuân Phú		658	1		
29	Khu đô thị Mỹ Thương	Huyện Phú Vang		243	3		
30	Khu quy hoạch LK7	Phường Xuân Phú		120	1		
<b>Đ1 3</b>	<b>XÃ A LƯỚI 3</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>18</b>	<b>2</b>		
	Tuyên từ đường HCM vào Làng Văn hóa xã			16	1		
	Tuyến đường quanh Làng Văn hóa xã			2	1		
<b>Đ1</b>	<b>XÃ BÌNH ĐIỆN</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>587</b>	<b>16</b>		

<b>4</b>			-				
1	Đường Tỉnh lộ 16			234	4	Bình thường	
2	Đường Tỉnh lộ 12D			38	1	Bình thường	
3	Đường thôn Bò Hòn			28	1	Bình thường	
4	Đường Tam Hiệp - Hòa Hợp			38	1	Bình thường	
5	Đường vào Khu du lịch sinh thái Khe Đây			101	2	Bình thường	
6	Đường thôn Phú Lợi			35	1	Bình thường	
7	Tuyến qua Trung tâm xã			14	2	Bình thường	
8	Tuyến Thôn 5			13	1	Bình thường	
9	Đường Tỉnh lộ 16			58	2	Bình thường	Đang thi công
10	Đường QL 49A			28	1	Bình thường	Chuẩn bị thi công
<b>Đ1 5</b>	<b>PHƯỜNG PHONG THÁI</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>29.706</b>	<b>900</b>	<b>32</b>		
1	Hệ thống chiếu sáng Đường TL11A		727	13	1		
2	Hệ thống chiếu sáng Đường TL11B		6400	181	6		
3	Hệ thống chiếu sáng Đường TL11C		4547	122	3		
4	Hệ thống chiếu sáng đường từ Tỉnh lộ 11B đến nhà ông Hòa TDP Bò Điền		338	10	1		
5	Hệ thống chiếu sáng đường trục chính Phong An		1491	180	1		
6	Hệ thống chiếu sáng từ nhà ông May đến nhà ông Do thôn Vĩnh Hương		350	10	1		
7	Hệ thống chiếu sáng tuyến đường từ trường tiểu học Phò Ninh đến đường trục chính khu trung tâm xã Phong An		1473	32	1		

8	Hệ thống chiếu sáng các tuyến đường thôn Thượng An 1		1300	32	3		
9	Hệ thống chiếu sáng tuyến đường từ Tinh lộ 11B đến nhà ông Hoàng Sơn, thôn Phò Ninh		650	19	3		
10	Hệ thống điện chiếu sáng đường từ TL11A đến UBND phường Phong Hiền		950	26	1		
11	Hệ thống chiếu sáng UBND phường Phong Hiền (cũ) đến Cổng làng Sơn Tùng		1900		1		
12	Hệ thống chiếu sáng từ QL1A đi TL11B (TDP Đông Lâm)		550	15	1		
13	Hệ thống chiếu sáng QL1A đi Chùa Phước Lâm		670				Tuyến đường điện liên phường Phong Thái - Phong Điền (Tủ điều khiển nằm trên Phường Phong Điền)
14	Hệ thống chiếu sáng khu quy hoạch Cồn Khoai		960	26	1		
15	Hệ thống chiếu sáng khu quy hoạch Mada			44	1		
16	Hệ thống chiếu sáng từ TL11B đi TDP Đông Dạ		980	27	1		Đang thi công (Ban QLDA ĐTXD KV2 làm chủ đầu tư)
17	Hệ thống chiếu sáng từ Đình Làng Thượng An đi đường Trục chính Phong An		490	14	1		Đang thi công (Ban QLDA ĐTXD KV2 làm chủ đầu tư)
18	Hệ thống chiếu sáng đường TL11B		5700	143	4		Đang mời thầu chuẩn bị thi công (UBND phường Phong Thái làm chủ đầu tư)
19	Hệ thống chiếu sáng đường Trục Chính đi nhà ông Hòa Bồ Điền		230	6	1		Đang mời thầu chuẩn bị thi công (UBND phường Phong Thái làm chủ đầu tư)
<b>Đ1 6</b>	<b>PHƯỜNG PHONG ĐIỀN</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>1.316</b>	<b>36</b>		
1	Tuyến đường Tinh lộ 17			75	3	Bình thường	có 1,5Km đang đầu tư (đề xuất nâng tủ điện lên cao do bị ngập lụt thường xuyên)

							và có nhiều bóng cháy )
2	Tuyến đường Tỉnh lộ 6, TL6B		123	3	Bình thường		có nhiều bóng bị cháy: (Đề xuất đầu tư từ Ngã 3 khúc Lý ra đến Công Ty FRIME khoản 1,5Km)
3	Tuyến đường Tỉnh lộ 9		42	2	Bình thường		có nhiều bóng bị cháy
4	Tuyến đường Đông du		57	1	Bình thường		có nhiều bóng bị cháy
5	Tuyến đường Văn Lang		164	2	Bình thường		có nhiều bóng bị cháy
6	Tuyến đường Nguyễn Văn Chương nói dài		170	2	Bình thường		có nhiều bóng bị cháy
7	Tuyến đường Văn Trạch Hoà nói dài		82	3	Bình thường		có nhiều bóng bị cháy
8	Tuyến đường Hoàng Minh Hùng		18	1	bi cháy bộ điều khiển hẹn giờ		có nhiều bóng bị cháy
9	Tuyến đường Chu cảm Phong		22	1	Bình thường		có nhiều bóng bị cháy
10	Tuyến đường Hồ Nguyên Trừng		36	1	Bình thường		có nhiều bóng bị cháy
11	Tuyến đường Đất Đỏ		50	1	Bình thường		có nhiều bóng bị cháy
12	Tuyến đường Hiền Sỹ		65	2	Bình thường		Tủ điện số 2 bị cháy bộ hẹn giờ và mất 1 pha
13	Tuyến đường Cao hữu Duyệt		32	1	Bình thường		có nhiều bóng bị cháy
14	Tuyến đường Bùi Dục Tài		22	1	Bình thường		có nhiều bóng bị cháy
15	Tuyến đường hoàng ngọc Chung Khu TĐC mới		15	1	Bình thường		có nhiều bóng bị cháy
16	Tuyến đường Trạch Hữu 2		30	1	Bình thường		có nhiều bóng bị cháy
17	Tuyến đường Trạch Hữu 3		26	1	Bình thường		có nhiều bóng bị cháy
18	Tuyến đường Trạch Hữu 1		60	1	Bình thường		đề xuất nâng tủ điện lên cao do bị ngập lụt thường xuyên và có nhiều bóng cháy
19	Tuyến đường xã Phong Xuân cũ (TL11B)		42	1	Bình thường		có nhiều bóng bị cháy
20	Tuyến đường Tân Mỹ (TL9)		25	1	Bình thường		có nhiều bóng bị cháy
21	Tuyến đường Lưu Hiền Hoà (TL9)		33	1	Bình thường		có nhiều bóng bị cháy
22	Tuyến đường Tỉnh lộ 9		10	1	Bình thường		có nhiều bóng bị cháy
23	Tuyến đường Đông Thái 2 (TL17)		24	1	Bình thường		có nhiều bóng bị cháy

24	Tuyến đường Đông Thái 1 (TL9)			63	1	Bình thường	có nhiều bóng bị cháy
25	Tuyến đường Khu Tái định cư Phong Mỹ			20	1	Chưa sử dụng	chưa có nhà ở nên chưa đưa vào sử dụng
26	Tuyến đường Khu công Viên Tam giác			10	1	Bình thường	
<b>Đ1 7</b>	<b>PHƯỜNG PHONG DINH</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>332</b>	<b>8</b>		
1	Làng cổ Phước tích			145	4	Bình thường	
2	Tuyến tỉnh lộ 4			58	1	Bình thường	
3	Tuyến điện Trung tâm (UBND xã Phong Chương (cũ))			26	1	Bình thường	
4	Tuyến điện TL4			60	1	Bình thường	
5	Tuyến điện TL8C			43	1	Bình thường	
<b>Đ1 8</b>	<b>PHƯỜNG PHONG PHÚ</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>339</b>	<b>6</b>		
1	Tuyến điện chiếu sáng đường Đại Lộc			46	2	Bình thường	
2	Tuyến điện chiếu sáng rẽ nhánh đường Đại Lộc			51		Bình thường	
3	Tuyến điện chiếu sáng đường Thế Chí Tây			99	2	Bình thường	
4	Tuyến điện chiếu sáng rẽ nhánh đường Thế Chí Tây			26		Bình thường	
5	Tỉnh Lộ 8C			105	2	Bình thường	
6	Tuyến điện chiếu sáng rẽ nhánh QL 49B (đoạn xã Điện Môn cũ)			12		Bình thường	Nối vào tủ điện trên QL49B
<b>Đ1 9</b>	<b>PHƯỜNG PHONG QUẢNG</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>499</b>	<b>22</b>		
1	Khu vực trung tâm 49B và đường ra bến đò thôn (Điện Hải)			55	4	Bình thường	
2	Tuyến QL 49B từ thôn 1,2,4,5,6 (Điện Hải)			77		Bình thường	
3	Trung tâm xã Phong Hải			20	6	Bình thường	

4	Các tuyến chính trục thôn Hải Đông; Hải Phú; Hải Nhuận, Hải Thê; Hải Thành (Phong Hải)			58		Bình thường	
5	Chợ Cồn Gai (Quảng Công)			45	5	Bình thường	
6	Thôn 2 QL 49 (Quảng Công)			25		Bình thường	
7	Tân thành (Quảng Công) (Quảng Công)			18		Bình thường	
8	Tuyến mới An Lộc (Tân Lộc) (Quảng Công)			38		Bình thường	
9	An Lộc (Quảng Công)			23		Bình thường	
10	Quảng Ngạn 1			28	7	Bình thường	
11	Quảng Ngạn 2			17		Bình thường	
12	Chợ Vĩnh Tu (Quảng Ngạn)			31		Bình thường	
13	Tân Mỹ 1 (Quảng Ngạn)			15		Bình thường	
14	Tân Mỹ 2 (Quảng Ngạn)			20		Bình thường	
15	Thôn Tây Hải (Quảng Ngạn)			16		Bình thường	
16	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường nội từ bến đò Vĩnh Tu đến QL49B (Quảng Ngạn)			13		Bình thường	
<b>Đ20</b>	<b>PHƯỜNG HƯƠNG TRÀ</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>1.304</b>	<b>63</b>		
1	Đường Trần Bạch Đằng			70	2	Bình thường	
2	Đường KQH Ruộng Cà			50	1	Bình thường	
3	Đường Văn Xá			30	2	Bình thường	
4	Đường Trương Xà			16	1	Bình thường	
5	Đường KQH Bó Chi			12	1	Bình thường	
6	Đường Trần Thị Soạn			13	1	Bình thường	
7	Đường Ngô Tất Tố			12	1	Bình thường	
8	Đường Thuận Thiên			12	1	Bình thường	
9	Đường Liên Phường			10		Bình thường	
10	Đường KQH Giáp Tư			13	1	Bình thường	
11	Đường Bửu Kế			19	1	Bình thường	

12	Đường Trần Hưng Đạt		18	1	Bình thường	
13	Đường Tô Hiệu		13	1	Bình thường	
14	Đường Vành Đai KCN Tứ Hạ		41	1	Bình thường	
15	Đường KQH Ruộng Cà GĐ2		19	1	Bình thường	
16	Đường Hoàng Trung		12	1	Bình thường	
17	Cầu Tứ Phú		14		Bình thường	
18	Đường Trần Quốc Tuấn		16		Bình thường	
19	Đường Phạm Hữu Tâm		5	2	Bình thường	
20	Đường Nguyễn Khoa Minh		16		Bình thường	
21	Đường Lê Đình Dương		19		1	Bình thường
22	Đường Lý Thái Tông		8	1	Bình thường	
23	Đường Đinh Bộ Lĩnh		6	1	Bình thường	
24	Đường Bùi Công Trùng		6	1	Bình thường	
25	Đường Đường Sông Bô		94	3	Bình thường	
26	Đường Nguyễn Khoa Đăng		2		Bình thường	
27	Đường Lâm Mậu		2		Bình thường	
28	Đường Võ Văn Dũng		3		Bình thường	
29	Đường Võ Hoành		3		Bình thường	
30	Đ. Ngọc Hân Công Chúa		4		Bình thường	
31	Đ. Ngụy Như Kom Tum		4	Bình thường		
32	Đường Võ Bá Hạp		9	1	Bình thường	
33	Đường Phú Ốc		19	1	Bình thường	
34	Đường Tôn Thất Bách		13	1	Bình thường	
35	Đường vào TDP1		28	1	Bình thường	
36	Đường KQH TDP 4		14	1	Bình thường	
37	Đường Tỉnh Lộ 16 (Luk)		28	1	Bình thường	
38	Đường Kim Trà		44	2	Bình thường	
39	Đường Nguyễn Bá Loan		15	1	Bình thường	
40	Đường Thống Nhất		57	3	Bình thường	
41	Đường Lê Quang Hoài		6		Bình thường	
42	Đường Độc Lập		63	2	Bình thường	

43	Đường Hà Thế Hạnh			6		Bình thường	
44	Đường Hồng Lĩnh			17	1	Bình thường	
45	Đường Bê tông TDP 9			2		Bình thường	
46	Đường Lê Thái Tổ			55	3	Bình thường	
47	Đường Trần Thánh Tông			13	1	Bình thường	
48	Đường Lâm Hồng Phần			4		Bình thường	
49	Đường Nguyễn Hiền			10	1	Bình thường	
50	Đường Lý Bôn			14	1	Bình thường	
51	Đường Lê Hoàn			18	1	Bình thường	
52	Đường Hồ Văn Tứ			9	1	Bình thường	
53	Đường Lê Thái Tông			5		Bình thường	
54	Đường Phan Sào Nam			7	1	Bình thường	
55	Đường số 4 Cụm CN Tứ Hạ			16	1	Bình thường	
56	Đường Bê Tông TDP 2,3			20		Bình thường	
57	Khu Ép Lạc			15	1	Bình thường	
58	Khu dân cư TDP 1			39	1	Bình thường	
59	Đường KQH TDP3			19	1	Bình thường	
60	Đường Bình Sơn			15	1	Bình thường	
61	Đường Trần Hữu Độ			30	1	Bình thường	
62	Đường Trần Văn Trà			25	1	Bình thường	
63	Đường Hoàng Kim Hoán			21	1	Bình thường	
64	Đ. Trần Trung Lập, khe Trái			56	1	Bình thường	
65	Nút giao Lê Đình Dương			9	1	Bình thường	
66	Nút giao Nguyễn Khoa Minh			4	1	Bình thường	
67	Nút giao TTB - Đặng Vinh			5	1	Bình thường	
68	Nút giao Lê Thái Tổ			12	1	Bình thường	
<b>Đ2 1</b>	<b>PHƯỜNG KIM TRÀ</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>470</b>	<b>16</b>		
1	Đường Trà Kệ			24	1	Bình thường	
2	Đường Dương Bá Nuôi			24	1	Bình thường	
3	Đường KQH Hương Xuân			5	1	Bình thường	

4	Đường Lê Đức Thọ			36	1	Bình thường	
5	Đường Lê Thuyết			56	2	Bình thường	
6	Đường Xóm Tháp			21	1	Bình thường	
7	Đường Giáp Thượng			6	1	Bình thường	
8	Đường Nga Sơn			21	1	Bình thường	
9	Đường Hà Công			41	1	Bình thường	
10	Đường Tinh lộ 8- Chợ Hương Càn			70	2	Bình thường	
11	Đường Chợ Hương Càn - Vân Cù			50	1	Bình thường	
12	Đường Thôn Vân Cù			11		Bình thường	
13	Đường Vân Cù - Nam Thanh			49	1	Bình thường	
14	Đường An Thuận			30	1	Bình thường	
15	Đường Ven Sông Bò			26	1	Bình thường	
<b>Đ2 2</b>	<b>PHƯỜNG THANH THỦY</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.048</b>	<b>2.034</b>	<b>54</b>		
1	Thủy Dương 1	Từ cầu Bản đến đình làng, vòng lên chợ Mai	952	36	1		
2	Thủy Dương 4 (Lò mổ Thủy Dương)	Từ đường sắt chợ Mai đến TBA Thủy Dương 4 (đường Phụng Quán)	596	13	1		
3	Định cư Thủy Dương TĐ1	Phụng Lưu	605	18	1		
4	Định cư Thủy Dương TĐ2	Cả đường Võ Duy Ninh	955	26	1		
5	Định cư Thủy Dương TĐ3	Đường Bùi Xuân Phái và các kiệt	741	22	1		
6	Định cư Thủy Dương TĐ4	Quanh kiệt 79 Phụng Lưu	663	19	1		
7	Thủy Dương 1 (GĐ 2)	Đường Khúc Thừa Dụ	956	27	1		
8	Tủ Châu Thượng Văn	Từ QL1A đến trạm y tế Thủy Dương	224,6	7	1		

9	Tủ Khúc Thừa Dụ (GD3)	Tiểu học CS1 đến CS2	744,2	9	1		
10	Tủ Kiệt 2 An Thường Công Chúa	Sau lưng chợ Mai	786,4	20	1		
11	Tủ Dương Thiệu Tước	Cổng NM Dệt đến Võ Duy Ninh	542,9	15	1		
12	Tủ đường Đại Giang	Từ Võ Văn Kiệt - Cầu Hồng Thủy	645	14	1		
13	Tủ Nguyễn Hữu Cảnh - TBA Hồ Môn	Nguyễn Hữu Cảnh - Dương T Tước	1.883	40	1		
14	<b>Đền Trung Nữ Vương (giai đoạn 1)</b>						
15	- Tủ 1	Từ cột số 01 - cột số 27	1.009	66	1		
16	- Tủ 2	Từ cột số 01 - cột số 33	1.323	76	1		
17	- Tủ 1 - Phụng Quán	Từ QL1 đến 56A Phụng Quán, (tủ đặt tại ngã tư Trung Nữ Vương - Phụng Quán)	2.420	62	1		
18	- Tủ 2 - Phụng Quán	Từ 56A đến 102 Phụng Quán (tủ đặt tại 215 Phụng Quán)	1.600	46	1		
19	- Tủ 3 - Phụng Quán	Từ 102 Phụng Quán đến đường tránh Huế, (tủ đặt tại 259 Phụng Quán)	1.700	41	1		
20	<b>Điện chiếu sáng các Kiệt, hẻm</b>						
21	Kiệt 15 đường An Thường Công Chúa			7			
22	Kiệt 125 đường Võ Duy Ninh			2			

23	Kiệt 1 đường Bùi Xuân Phái			7			
24	Kiệt 2A đường Bùi Xuân Phái			4			
25	Kiệt 22 đường Phạm Thế Hiển			3			
26	Kiệt 40 đường Phạm Thế Hiển			2			
27	Kiệt 19 đường Phùng Lũ			5			
28	Kiệt 37 đường Phùng Lũ			3			
29	Kiệt 52 đường Phùng Lũ			5			
30	Kiệt 53 đường Phùng Lũ			3			
31	Kiệt 62 đường Phùng Lũ			3			
32	Kiệt 76 đường Phùng Lũ			5			
33	Kiệt 88 đường Phùng Lũ			8			
34	Kiệt 103 đường Phùng Lũ			3			
35	Kiệt 03 đường Phùng Quán			3			
36	Kiệt 05 đường Phùng Quán			3			
37	Kiệt 06 đường Phùng Quán			3			
38	Kiệt 10 đường Phùng Quán			5			
39	Kiệt 26 đường Phùng Quán			2			
40	Kiệt 32 đường Phùng Quán, kiệt 51 đường Dương Thiệu Tước, kiệt 344 đường Trưng Nữ Vương			10			
41	Kiệt 34 đường Phùng Quán			5			
42	Kiệt 42 đường Phùng Quán			3			
43	Kiệt 44 đường Phùng Quán			9			
44	Kiệt 56 đường Phùng Quán			4			
45	Kiệt 58,60 đường Phùng Quán (Tủ)			19			
46	Kiệt 75,79 đường Phùng Quán			6			
47	Kiệt 123 đường Phùng Quán			5			
48	Kiệt 231 đường Phùng Quán			9			
49	Kiệt 261 đường Phùng Quán			4			
50	Kiệt 82 đường Dương Thiệu Tước			2			
51	Kiệt 100 đường Dương Thiệu Tước			3			

52	Kiệt 3 đường Dương Thiệu Tước			3			
53	Kiệt 5 đường Dương Thiệu Tước			2			
54	Kiệt 9 đường Dương Thiệu Tước			2			
55	Kiệt 19 đường Dương Thiệu Tước			1			
56	Kiệt 23 đường Dương Thiệu Tước			1			
57	Kiệt 27 đường Dương Thiệu Tước			1			
58	Kiệt 37 đường Dương Thiệu Tước			3			
59	Kiệt 39 đường Dương Thiệu Tước			1			
60	Kiệt 43,158 đường Dương Thiệu Tước			4			
61	Kiệt 47, 160 đường Dương Thiệu Tước			4			
62	Kiệt 182 đường Dương Thiệu Tước			1			
63	Kiệt 35 đường Nguyễn Tất Thành (Tù)			5			
64	Kiệt 178 đường Nguyễn Tất Thành			3			
65	Kiệt 288,308 đường Nguyễn Tất Thành			7			
66	Hẻm 17 Kiệt 325 đường Nguyễn Tất Thành			3			
67	Kiệt 381 đường Nguyễn Tất Thành			5			
68	Kiệt 303 đường Trưng Nữ Vương			5			
69	Kiệt 305 đường Trưng Nữ Vương			4			
70	Kiệt 54 đường Khúc Thừa Dụ			2			
71	Kiệt 58 đường Khúc Thừa Dụ			3			
72	Kiệt 116 đường Khúc Thừa Dụ			5			
73	Kiệt 1 Dương Thiệu Tước			5			
74	Kiệt 2 Dương Thiệu Tước			8			
75	Hẻm 1 kiệt 50 Dương Thiệu Tước			6			
76	Hẻm 30 kiệt 50 Dương Thiệu Tước			5			
77	Hẻm 4 kiệt 72 Dương Thiệu Tước			4			
78	Hẻm 10 kiệt 72 Dương Thiệu Tước			5			

79	Hẻm 34 kiệt 72 Dương Thiệu Tước			3			
80	Kiệt 180 Dương Thiệu Tước			1			
81	Kiệt 2 Phạm Văn Thanh & kiệt 165 Nguyễn Tất Thành			9			
82	Kiệt 152 Nguyễn Tất Thành			2			
83	Kiệt 395 Nguyễn Tất Thành & Hẻm 3 Kiệt 395 Nguyễn Tất Thành			3			
84	Kiệt 73D Nguyễn Hữu Cảnh			5			
85	Kiệt 155 Nguyễn Hữu Cảnh			5			
86	Khu Tái định cư Thủy Dương (Giai đoạn 2)			6			
87	Kiệt 307 Trưng Nữ Vương			6			
88	Hẻm 2 Kiệt 307 Trưng Nữ Vương			5			
89	Kiệt 50 Phùng Quán			3			
90	Tủ Đường QH NVH Tổ 12			11	1		
91	Tủ Kênh Xuân Chánh đường tránh Huế (đường Trần Đình Thám)			18	1		
92	Thủy Phương 2 (Liên thôn 8,9,10)	Từ bên hông quán Lùm Xanh đến cuối đường (Nguyễn Việt Xuân)		30	1		
93	Thủy Phương 2 (Cổng thôn 10)	Từ cổng thôn 10 đến cuối đường (Nguyễn Văn Chính)		23	1		
94	Dương Nguyên Trực	Cột thép dọc bờ sông Cầu Vực		19	1		
95	Thủy Phương 5	Từ Huế Tôn đến TBA Thủy Phương 2 (Ngô Thế Vinh gần quán Lùm Xanh)		30	1		

96	Dạ Lê (Thủy Phương 3)	Từ ngã 3 Dạ Lê đến cầu Ông Ban		19	1		
97	Tram Cầu ông Ban	Từ cầu Ông Ban đến Trạm bê tông		26	1		
98	Thủy Phương 4	Từ QL1A CĐTĐ đến cột 14 (Tôn Thất Sơn 1)		14	1		
99	Thủy Phương 4	Từ cột 15 đến cột 36 (Tôn Thất Sơn 2)		22	1		
100	Dạ Lê (sân bóng Khe Phờng)	Từ trường tiểu học Dạ Lê đến sân bóng (Nguyễn Văn Chư)		17	1		
101	Nguyễn Duy Cung 1			4			
102	Nguyễn Duy Cung 2			16	1		
103	Giáp Hải			22	1		
104	Khúc Thừa Dụ	Từ đường Võ Trọng Bình đến giáp Thủy Dương (có rẽ nhánh vào các đường kiệt)		68	1		
105	Tỉnh lộ 3	Từ đường QL1 đến đường Tỉnh lộ 1		68	1		
106		Dọc sông Lợi Nông -Phải (thuộc dự án điện to 5-6-7 năm 2023)		19	1		
107		Dọc sông Lợi Nông -Trái (thuộc dự án điện to 5-6-7 năm 2023)		21	1		
108	Khu quy hoạch Thanh Lam và các tuyến đường khác						

109	Điện chiếu sáng đường Tỉnh lộ 7	Từ bê tông Trường Phú đến đường cao tốc Cam Lộ - La Sơn		127	2		
110	Điện chiếu sáng Tổ 5-6-7						
111		Tủ đường Nguyễn Viết Xuân		24	1		
112		Tủ Kiệt 297 - Tr N Vương (gồm kiệt 66 N D Cung)		27	1		
113		Tủ dọc 2 bên khe phườn					
114		- Phía trái (có tủ lắp mới)		13	1		
115		- Phía Phải		15			
116	Điện đường Trung Nữ Vương (tủ 3)	Từ cột số 01 - cột số 22		53	1		
117	Đường Trung Nữ Vương đoạn từ Nguyễn Văn Chính đến Hồ Châu Sơn	Đường Trung Nữ Vương đoạn từ Nguyễn Văn Chính đến Hồ Châu Sơn		26	1		
118	Đường Trung Nữ Vương đoạn từ Tôn Thất Sơn đến Nguyễn Văn Chính			102	2		
119	Trạm biến áp cầu ngói	Bao quanh cầu ngói Thanh Toàn		41	1		
120	Trạm Thanh Thủy Chánh	Thôn Thanh Thủy Chánh		34	1		
121	Trạm Thanh Thủy II	Thôn Thanh Thủy II		17	1		
122	Thôn Lang Xá Bàu	Từ Tỉnh lộ 3 đến trạm bơm Thủy Thanh 2 (đầu nổi		38	1		

		với hệ thống điện sẵn có)					
123	Trạm thôn Vân Thê Làng						
124	Tủ 1 Vân Thê Làng (sát trạm bơm)	Từ cầu Ngói về nhà văn hóa Vân thê Nam		42	1		
125	Tủ 2 Vân Thê Trung (sát nhà văn hóa)	Từ NVH Vân thê Nam - kiệt 19 Vân Thê Thượng		33	1		
126	Tủ 3 Vân Thê Thượng (sát Miếu)	Từ Kiệt 19 - Vân Thê Thượng - phường Thủy Vân		33	1		
127	Đường trung tâm xã Thủy Thanh	Từ quán Hương Đông đến nhà văn hóa xã Thủy Thanh		52	1		
128	Tủ 1	Từ Tinh lộ 1 đến đường trung tâm		26	1		
129	Tủ 2	Từ đường trung tâm đến trường MN TT 2		26	1		
<b>Đ2 3</b>	<b>PHƯỜNG PHÚ BÀI</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>46.159</b>	<b>1.216</b>	<b>43</b>		
1	Trạm Cây Sen (tủ TKĐ)	Từ QL1A trạm thu phí đến đường bê tông nhánh phía đường sắt	2.372	54	1		
2	Trạm Mũi Trãi (tủ TKĐ)	Từ QL1A trạm thu phí đến hết đường bê tông phía đường sắt	2.686	64	1		
3	Trạm thôn 1A (tủ TKĐ)	Từ QL1A đến giáp đường về cầu Trường Hà	1.872	46	1		

4	Trạm thôn 2 - thôn 4	Từ thôn 2 đến thôn 4	1.708	43	1		
5	Trạm thôn 4 - thôn 6	Từ thôn 4 đến thôn 6	3.880	90	1		
6	Điện chiếu sáng đường Trung tâm và Tỉnh lộ 18, xã Thủy Phù - Tủ 01	Từ cầu vượt - Tỉnh lộ 10E	2.330	49	1		
7	Điện chiếu sáng đường Trung tâm và Tỉnh lộ 18, xã Thủy Phù - Tủ 02	Từ cột CS2.01 – CS2.24 + nhánh rẽ	1.977	49	1		
8	Điện chiếu sáng đường Trung tâm và Tỉnh lộ 18, xã Thủy Phù - Tủ 03	Tuyến đường Trung tâm xã + nhà văn hóa	1.036	50	1		
9	Điện chiếu sáng TL18 (từ TL10E đến cầu Đại Giang)						
10	ĐCS Thôn 5, 7, 1B Xã Thủy Phù Tủ 1		1.692	49	1		
		Tuyến T4 đến đường Sắt; 1 đến 35	1.448	35	1		
		Tuyến T5 T4.12 - T5.1 đến T.10	510	10	1		
		Tuyến T6: T6.01 đến T6.08	369	9	1		
		Tuyến T7: T4.8 đến T7.01 đến T0.7	276	7	1		
		Tuyến T8: T4.30 đến T8.1 đến T.8	611	8	1		
11	ĐCS Thôn 5, 7, 1B Xã Thủy Phù Tủ 2						
		Tuyến T1 đến đường Sắt; T1.01 đến T1.15	751	16	1		
		Tuyến T2: T1.09 đến T2.01 đến	199	5	1		

		T2.05					
		Tuyến T3: Đường Tránh đến T3.01 đến T3.18	775	18	1		
12	Sóng Hồng (tủ điện 1)	Đường Sóng Hồng và đường Nguyễn Thượng Phương ra QL 1A	588	14	1		
13	TBA Phú Lương 3 (tủ điện 2)	Đường Nguyễn Huy Tường từ QL 1A đến Dương Thanh Bình (TBA Phù Lương 2)	1.147,0	28	1		
14	Sóng Hồng I						
	Tủ 1	Từ Nguyễn Tất Thành - giáp Thủy Lương	1.125	26	1		
	Tủ 2	Từ Sóng Hồng - Bệnh viện cũ	1.054	15	1		
15	Sóng Hồng II	Gồm đường Sóng Hồng từ BV Hương Thủy cũ đến đg Đỗ Nam, Nguyễn viết Phong, Nguyễn Khoa Văn, Tân Trào	1.610	52	1		
16	Trạm điện đường 2/9	Đường 2 tháng 9	750	18	1		
17	Trạm V. Dương- N.X. Ngà	Gồm đường Vân Dương- Nguyễn Xuân Ngà	520	16	1		
18	Trạm Nguyễn Khoa Văn mới	Gồm đường Nguyễn Khoa Văn+ Lý Đạo	945,50	16	1		

		Thành					
19	Trạm Trung Nữ Vương	Gồm đường Trung Nữ Vương	1.650	45	1		
20	Trạm đường Quang Trung		709	20	1		
21	Tủ Đồ Nam	Đường Đồ Nam	360	11	1		
22	Tủ Dương Thanh Bình	Đường Dương Thanh Bình, Quang Trung, Nguyễn Đình Xướng	1.694	47	1		
23	Tủ Phan Tấn Huỳnh	Đường Phan Tấn Huỳnh	314	9	1		
24	Tủ Hồ Trung Lượng	Đường Hồ Trung Lượng	206	6	1		
25	Tủ Đinh Lễ	Đường Đinh Lễ	610	29	1		
26	Tủ Nam Cao	Đường Nam Cao, Kiệt 2A Nam Cao	1.240	31	1		
27	Tủ Kiệt 35 đường 2/9	Kiệt 35 đường 2/9	240	6	1		
28	Tủ Nguyễn Viết Phong	Đường Nguyễn Viết Phong	375	12	1		
29	Tủ Đồ Xuân Hợp	Đường Đồ Xuân Hợp, Đặng Thanh, Châu Văn Liêm, Lê Đình Mộng	1.220	32	1		
30	Tủ Khu TĐC gilimex	Khu TĐC gilimex	420	12	1		
31	Tủ khu quy hoạch dân cư khu 7C	Hạ tầng khu quy hoạch dân cư khu 7C	1.200	33	1		
32	Tủ Công viên hồ Ba cửa	Công viên hồ Ba cửa	200	15	1		
33	Tủ Dương Hòa		880	22	1		
34	Tủ Phú Sơn		760	19	1		
38	Khu công nghiệp Phú Bài 01		950	40	1		

39	Ngã 3 đường tránh Huế		900	40	1		
<b>D2 4</b>	<b>XÃ QUẢNG ĐIỀN</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>1.145</b>	<b>40</b>		
1	Uất Mậu (Thị trấn Sịa)			7	1	Bình thường	
2	Vân Căn (Thị trấn Sịa)			46	1	Bình thường	
3	Buu Điện (Thị trấn Sịa)			75	1	Bình thường	
4	Tòa Án (Thị trấn Sịa)			26	1	Bình thường	
5	Nhà Thi Đấu (Thị trấn Sịa)			5	1	Bình thường	
6	Trần Trùng Quang (Thị trấn Sịa)			8	1	Bình thường	
7	Bờ Sông Nguyễn Cảnh Dị (Thị trấn Sịa)			84	1	Bình thường	
8	Nam Dương (Thị trấn Sịa)			8	1	Bình thường	
9	Nguyễn Minh Đạt (Thị trấn Sịa)			19	1	Bình thường	
10	Trần Hữu Khác (Thị trấn Sịa)			28	1	Bình thường	
11	Lê Tư Thành (Thị trấn Sịa)			48	1	Bình thường	
12	Chung Cư (Thị trấn Sịa)			17	1	Bình thường	
13	Cầu Vĩnh Hòa (Thị trấn Sịa)			29	1	Bình thường	
14	Trung tâm TM 1 (Thị trấn Sịa)			24	1	Bình thường	
15	Nhà Văn hóa (Thị trấn Sịa)			14	1	Bình thường	
16	Trần Bá Song 1 (Thị trấn Sịa)			48	1	Bình thường	
17	Trần Bá Song 2 (Thị trấn Sịa)			24	1	Bình thường	
18	Phạm Quang Ái (Thị trấn Sịa)			18	1	Bình thường	
19	Tam Giang (Thị trấn Sịa)			27	1	Bình thường	
20	Trung tâm TM 2 (Thị trấn Sịa)			15	1	Bình thường	
21	Bờ sông Đặng Dung (Thị trấn Sịa)			84	1	Bình thường	
22	Tam Giang 2 (Thị trấn Sịa)			25	1	Bình thường	
23	Hóa Châu (Thị trấn Sịa)			53	1	Bình thường	
24	Tam Giang Chợ cũ (Thị trấn Sịa)			15	1	Bình thường	
25	Đặng Hữu Phở (Uất Mậu) (Thị trấn Sịa)			16	1	Bình thường	
26	Đặng Hữu Phở (NTĐ) (Thị trấn Sịa)			5	1	Bình thường	

27	Trần Trùng Quang 2 (Thị trấn Sịa)			41	1	Bình thường	
28	Mỹ xá UBND (Quảng An)			15	1	Bình thường	
29	Mỹ xá 2 (Quảng An)			30	1	Bình thường	
30	Đông Phước 1 (Quảng Phước)			18	1	Bình thường	
31	Đông Phước 2 (Quảng Phước)			20	1	Bình thường	
32	Khuông Phò (Quảng Phước)			17	1	Bình thường	
33	Thủ Lễ (Quảng Phước)			31	1	Bình thường	
34	Bờ Sông Sịa (Quảng Phước)			76	1	Bình thường	
35	Niêm Phò (Quảng Thọ)			18	1	Bình thường	
36	Chợ Xã (Quảng Thọ)			16	1	Bình thường	
37	Lương Cỏ (Quảng Thọ)			26	1	Bình thường	
38	Phước Yên 1 (Quảng Thọ)			35	1	Bình thường	
39	Phước Yên 2 (Quảng Thọ)			10	1	Bình thường	
40	La Vân Thượng (Quảng Thọ)			24	1	Bình thường	
<b>Đ2 5</b>	<b>XÃ ĐAN ĐIỀN</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>664</b>	<b>24</b>		
1	TBA Đông Hồ (Quảng Thái)			22	1		
2	TBA Quảng Thái 1 (Quảng Thái)			17	1		
3	Tỉnh lộ 11c (Quảng Thái)			25	1		
4	Tây Hoàng (Quảng Thái)			51	1		
5	Khu công nghiệp Quảng Vinh (Quảng Vinh)			29	1		
6	Tỉnh lộ 11A Đức Trọng (Quảng Vinh)			61	1		
7	Phổ Lại (Quảng Vinh)			18	1		
8	Tỉnh lộ 8C (Quảng Vinh)			34	1		
9	UBND Xã (Quảng Lợi)			35	1		
10	Cồn Tộc 1 (Quảng Lợi)			40	1		
11	Cồn Tộc 2 (Quảng Lợi)			36	1		
12	Cồn Tộc 3 (Quảng Lợi)			26	1		
13	Ngư Mỹ Thạnh (Quảng Lợi)			23	1		

14	Đình Thủy Lập (Quảng Lợi)			12	1		
15	Cầu Tứ Phú (Quảng Phú)			14	1		
16	Đài Liệt sỹ (Quảng Phú)			32	1		
17	Phú Lễ 11A (Quảng Phú)			17	1		
18	Hạ Lang (Quảng Phú)			10	1		
19	Hạ Cảng (Quảng Phú)			15	1		
20	Bao la (Quảng Phú)			16	1		
21	UBND Xã 1 (Quảng Phú)			46	1		
22	UBND Xã 2 (Quảng Phú)			31	1		
23	Nâng cấp tuyến điện chiếu sáng tuyến Tỉnh lộ 4 (đoạn qua trụ sở làm việc của Đảng ủy xã Đan Điền)			27	1		Đang thi công
24	Đầu tư tuyến điện chiếu sáng tuyến Tỉnh lộ 8C (đoạn từ Hợp tác xã Mây tre đan Bao La - Cầu Đốc Tướng)			27	1		Đang thi công
<b>Đ2 6</b>	<b>XÃ KHE TRE</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.582</b>	<b>731</b>	<b>29</b>		
1	Trạm ngã 3 Thượng Lộ (Thượng Lộ)		832	13	1		
2	Trạm Trường Tiểu Học (Thượng Lộ)		1092	28	1		
3	Trạm thôn 3 (Hương Lộc)		1292	35	1		
4	Trạm thôn 2 (Hương Lộc)		663	17	1		
5	Trạm KTĐC (Hương Phú)		180	4	1		
6	Trạm đường TL14B (Hương Phú)		754	56	1		
7	Trạm đường Ra Đàng (TT Khe Tre)			15	1		
8	Trạm ngã 3 đường Trần Văn Quang và Trương Trọng Trân, Xã Rai (TT		1386	36	1		

	Khe Tre)						
9	Trạm Cầu Khe Tre (Bờ sông tả trạch) (TT Khe Tre)	430	20	1			
10	Trạm Trường TH. Khe Tre (Nhà máy nước) (TT Khe Tre)	924	22	1			
11	Trạm đường Đặng Hữu Khuê (bên nhà Đặng Khương) (TT Khe Tre)	910	25	1			
12	Trạm đường Căn Bò (TT Khe Tre)	400	11	1			
13	Trạm KTĐC TDP4 (TT Khe Tre)	241	11	1			
14	Trạm Trung tâm Y tế huyện (Đại Hóa) (TT Khe Tre)		23	1			
15	Trạm đường Ý Lan (nhà Thảo đổi) (TT Khe Tre)	994	25				
16	Tuyến đường A Lon (TT Khe Tre)	94	2	1			
17	Trạm Bé Văn Đàn (TT Khe Tre)	1007	27	1			
18	Trạm Khu ĐC TDP1 (TT Khe Tre)	160	7	1			
19	Trạm ngã tư đường Ý Lan và Tô Vĩnh Diện(BHXX cũ) (TT Khe Tre)	630	16	1			
20	Trạm Đường TL14B TDP1 (đổi diện Minh Chi) (TT Khe Tre)	598	46	1			
21	Trạm đường TL14B TDP2 (trước CA huyện) (TT Khe Tre)	1066	85	1			
22	Trạm đường TL14B TDP 5 (ngã 3 TL) (TT Khe Tre)	796	56	1			
23	Trạm Bùi Quốc Hưng (nhánh trái Cầu H. Hòa) (TT Khe Tre)	1598	24	1			
24	Trạm Bùi Quốc Hưng (nhánh phải) (TT Khe Tre)		30	1			
25	Trạm đường bê tông TDP 1 (Nhà Hội) (TT Khe Tre)	248	6	1			
26	Trạm đường Nguyễn Thế Lịch (TT	500	30	1			

	Khe Tre)						
27	Trạm đèn công viên trung tâm (trước HT UBND) (TT Khe Tre)		531	25	1		
28	Trạm đường Trường Sơn Đông (Thuế củ) (TT Khe Tre)		729	20	1		
29	Trạm đường Trần Hữu Trưng (nhà Sáu) (TT Khe Tre)		422	10	1		
30	Trạm Cầu Leno (TT Khe Tre)		105	6	1		
<b>Đ2 7</b>	<b>XÃ LONG QUẢNG</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.344</b>	<b>87</b>	<b>4</b>		
1	Trạm UBND xã (Thượng Quảng)		1338	37	1		
2	Trạm Trường Tiểu Học (Thượng Long)		1176	12	1		
3	Trạm UBND xã (Thượng Long)			16	1		
4	Trạm Ngã tư xã (Hương Hữu)		830	22	1		
<b>Đ2 8</b>	<b>XÃ LỘC AN</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>180</b>	<b>8</b>		
1	TĐC Xuân Lai			14	1	Bình thường	
2	TĐC Sư Lễ			11	1	Hỏng	
3	TĐC Bạc Thạch			13	1	Hỏng	
4	Tuyến nhà Văn hóa ĐT Lê Đức Anh			38	1	Bình thường	
5	Tuyến Đá Dầm lên Thiện viện			104	4	Bình thường	
<b>Đ2 9</b>	<b>XÃ NAM ĐÔNG</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.537</b>	<b>124</b>	<b>8</b>		
1	Hệ thống điện đường chiếu sáng từ Ngã 3 huyện đội đến Trường Mầm non Hương Hòa		630	20	1		
2	Hệ thống điện đường chiếu sáng từ cầu Hương Sơn đến UBND xã Hương Sơn củ		684	19	1		
3	Hệ thống điện đường chiếu sáng từ		508	13	1		

	ngã 3 đường 74 đến nhà SHCD thôn Ta Rung					
4	Tuyến điện chiếu sáng từ ngã ba chợ Nam Đông đi thôn Tây Linh	603	17	1		
5	Hệ thống điện đường chiếu sáng từ Phòng khám đa khoa đến trường tiểu học Hương Giang	610	18	1		
6	Hệ thống điện đường chiếu sáng từ cầu Nam Đông mới đến nhà ông Bé, thôn Phú Thuận	192	7	1		
7	Hệ thống điện đường chiếu sáng từ cầu Nam Đông cũ đến trường tiểu học Kim Đồng	580	17	1		
8	Hệ thống điện đường chiếu sáng từ ngã 3 Thượng Nhật đến trạm thủy văn và cầu mới Nam Đông	730	13	1		
<b>D3 0</b>	<b>XÃ PHÚ HỒ</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>304</b>	<b>7</b>	
1	Tủ sân bóng Lộc Sơn		31	1		
2	Tủ ngã ba chữ Y(TL10A)		37	1		
3	Tủ Nguyễn Đức Xuyên		26	1		
4	Tủ đường Tây Phá Tam Giang mới		35	1		
5	Tủ trường cấp 2 Phú Xuân		41	1		
6	Tủ Diên Đại( Phòng Khám ĐK)		42	1		
7	Tủ ngã tư Lộc sơn (TL3)		92	1		
<b>D3 1</b>	<b>XÃ PHÚ VINH</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.120</b>	<b>199</b>	<b>9</b>	
1	Giáp cầu Trường Hà đi biển thôn 6	2874,9	83	3		
2	Đường Nội Thị I	851,2	21	1		
3	Đường Nội Thị II	603,2	15	1		
4	Đường Nội Thị III	640,7	16	1		
5	Đường bãi tắm thôn 6	608	26	1		

6	Đường Bãi thôn Trung Định Hải		695	17	1		
7	Đường Bãi tắm thôn Phương Diên		847	21	1		
<b>Đ3 2</b>	<b>XÃ HƯNG LỘC</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>285</b>	<b>5</b>		
1	Tuyến đường nội bộ KTĐC Lộc Bôn			18	1		
2	Tuyến đường vành đai phía đông			109	1		
3	Tuyến đường Tỉnh lộ 14B La Sơn			135	2		
4	Tuyến QL1A đi miếu Ngòi (thôn Bình An)			23	1		
<b>Đ3 3</b>	<b>XÃ CHÂN MÂY - LĂNG CÔ</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>136</b>	<b>5</b>		
1	Tuyến đường Đông Dương (QL1A đến đồn biên phòng 236)			35	1	Bình thường	
2	Đường An Cư Đông			27	1	Bình thường	
3	Khu dân cư An Cư Tân			11	1	Bình thường	
4	Khu TĐC Nam Cầu Lăng Cô			34	1	Bình thường	
5	Đường Trinh Tố Tâm			29	1	Bình thường	
<b>Đ3 4</b>	<b>XÃ PHÚ VANG</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.030</b>	<b>899</b>	<b>14</b>		
1	Võ Phi Trắng		3.530	243	2		
2	Nguyễn Đức Xuyên		2.450	43	1		
3	Huỳnh Khái		800	19			
4	Tây Hồ		1.500	40	1		
5	Viễn Trình		410	12			
6	Hồ Đắc Trung		1.200	28	1		

7	Phú Thạnh		2.000	30	1		
8	Đỗ Tram		1.200	61	1		
9	Đỗ Quỳnh		1.020	24			
10	Hồ Đắc Hàm		890	20	1		
11	Lê Văn Trĩ		2.000	62	1		
12	Hồ Ngọc Ba		2.000	35	1		
13	Mai Bá Trai		2.420	46			
14	Trường Sa		3.300	77	2		
15	Hồ Vinh		290	6			
16	Phú Vinh		2.800	67	1		
17	Nguyễn Đạt		270	10			
18	Trần Đình Ân		270	10			
19	Phạm Văn Điền		620	13			
20	Cầu Phú Thứ + Khu vui chơi		300	11			
21	Phan Văn Tuyên		360	7			
22	Đường Tây phá Tam Giang		1.400	35	1		
<b>Đ3</b>	<b>XÃ PHÚ LỘC</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>852</b>	<b>30</b>		

<b>5</b>			<b>31.446</b>				
<b>I</b>	<b>ĐƯỜNG ĐÔ THỊ</b>						
1	Tuyến đường Cổ Loa		1200	21	1	Tốt	
2	Tuyến đường 19 tháng 5		810	47	1	Hư hỏng một số bóng	
3	Tuyến đường Đặng Minh Hoàng		500	32	1	Tốt	
4	Tuyến đường khu TĐC khu vực 5		552	11		Hư hỏng một số bóng	
5	Tuyến đường Bạch Mã		3600	79	1	Tốt	
6	Tuyến khu phố chợ Cầu Hai		446	20	1	Tốt	
7	Tuyến đường Từ Dũ		450	41	1	Tốt	
8	Tuyến đường Lương Định Của		510	31	1	Tốt	
9	Tuyến đường Lê Dong		450	13	1	Tốt	
10	Tuyến đường Trần Đình Túc		4100	12	1	Tốt	
11	Tuyến đường Trần Ấm		280	8	1	Tốt	
12	Tuyến đường Phan Sung		270	8	1	Tốt	
13	Tuyến đường Lê Bá Dỵ		190	4	1	Tốt	
14	Tuyến đường Thánh Duyên		170	6	1	Tốt	
15	Tuyến đường Nguyễn Sơn		151	6	1	Tốt	
16	Tuyến Vedana		312	8	1	Tốt	
18	Tuyến đường Lê Cương		260	7	1	Tốt	
19	Tuyến đường Đoàn Trọng Tuyển		3250	98	2	Hư hỏng một số bóng	
20	Tuyến đường Hoàng Đức Trạch		2900	72	2	Tốt	
21	Tuyến đường Nguyễn Cảnh Chân		2100	74	1	Tốt	
22	Tuyến đường Trần Tiến Lực		230	7	1	Tốt	
23	Tuyến đường Nguyễn Thúc Nhuận		390	10	1	Tốt	
24	Tuyến đường Lê Chuông		1450	20	1	Tốt	
25	Tuyến đường xóm Loài Mộc Sơn		523	16	1	Tốt	
26	Tuyến đường đầu nối QL1A		1355	100	1	Tốt	
<b>II</b>	<b>ĐƯỜNG NÔNG THÔN</b>						

1	Tuyến Khu Tái định cư Lộc Trì		1373	41	1	Tốt	
2	Tuyến ven sông Cầu Hai		505	10	1	Tốt	
3	Tuyến đường vào Thác Nhị Hồ		1883	19	1	Tốt	
4	Tuyến đường ven đầm khu Âu Thuyền		1236	31	1	Hư hỏng một số bóng	
<b>Đ3 6</b>	<b>XÃ A LƯỚI 2</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.000</b>	<b>462</b>	<b>32</b>		
1	Đường Hồ Chí Minh		5400	170	4		
2	Động So		280	8	1		
3	Lê Khôi		0	0	1		
4	A Nờ		0	0	1		
5	A Biah		760	20	1		
6	A Ko		0	0	1		
7	Bắc Sơn		680	18	1		
8	Nơ Trang Long		160	5	1		
9	Võ Bầm		360	10	1		
10	A Sáp		880	26	1		
11	Quyñh Trên		240	7	1		
12	A Vầu		360	10	1		
13	Hồ Văn Hảo		120	4	1		
14	Ăm Mật		400	10	1		
15	Võ Át		0	0	1		
16	Đội Cán		200	7	1		
17	Konh Hư		560	15	1		
18	Đình Núp		440	11	1		
19	Trờng Sơn		440	16	1		
20	Konh Khoai		160	6	1		
21	Nguyễn Văn Quãng		720	10	1		
22	Hồ Huấn Nghiệp		520	16	1		
23	Kăn Tréc		560	15	1		
24	Giải Phóng A So		0	0	1		

25	Kim Đồng		1160	31	1		
26	A Đon		320	9	1		
27	Nguyễn Văn Hoạch		1000	27	1		
28	Nguyễn Thức Tự		160	7	1		
29	Động Tiên Công		120	4	1		
<b>Đ3 7</b>	<b>PHƯỜNG HƯƠNG THỦY</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>24.264</b>	<b>565</b>	<b>20</b>		
<b>I</b>	<b>PHƯỜNG THỦY CHÂU (CŨ)</b>						
1	Tân Trào (Thủy Châu 2)	Ngã 3 Tân Trào - Sóng Hồng đến TL10A	827	22	1		
2	Tỉnh lộ 10A (Phù Tây 1)	Từ QL 1A đến trường THCS Thủy Châu (Võ Trác)	817	20	1		
3	Thủy Châu 1 (Lò mỏ)	Từ QL 1A đến lò mỏ Thủy Châu (Võ Liêm)	568	14	1		
4	Thạch An	Từ chợ Thần Phù đến TBA Thạch An (Châu Sơn)	822	21	1		
5	Tủ Phạm Huy Thông - Vân Dương	Hết đường Phạm Huy Thông	1.829	44	1		
6	Tủ Lê Trọng Bật - Dương Khê	Đường Lê Trọng Bật, và Dương Khuê	1.214	29	1		
7	Tủ Đỗ Nam		499	12	1		
8	Tủ Lê Thanh Nghị - Mai Xuân Thuởng	Mai Xuân Thuởng - Lê Thanh Nghị	2.082	50	1		
9	Tủ Võ Trác	Từ điểm đầu (đường Võ Trác) rẽ vào Kiệt 219 Võ Trác và đầu nối với đường Vân Dương	2.474	62	1		

10	Tủ Sóng Hồng (đoạn đầu tư năm 2018)	Từ đường Tỉnh lộ 10A đến đường Nguyễn Thượng Phương	691	14	1		
11	Tủ đường Châu Sơn	Dọc đường Châu Sơn từ đưng Nữ Vương đến đường sắt	953	20	1		
<b>II</b>	<b>PHƯỜNG THỦY LƯƠNG (CŨ)</b>						
1	Thủy Lương 1 (Tủ điện 1)	Từ thôn Lương Đông đến Lương Nhon	1.465,5	33	1		
2	Thủy Lương 2 (tủ điện 2)	Từ thôn Lương Hậu đến Lương Xuân + đường Thái Vĩnh Chinh đến cầu Phú Thứ	1.920	40	1		
3	Thủy Lương 3 (tủ điện 3)	Thôn Lương Mỹ	405	8	1		
4	Thủy Lương 4 (tủ điện 4)	Chợ mới Lương Văn	350	9	1		
5	Thủy Lương 5 (tủ điện 5)	Khu vực Hạ tầng Thủy Lương	995,5	26	1		
6	Điện chiếu sáng tuyến Thuận Hóa (giao Thái Vĩnh Chinh về Phú Thứ)						
		Tuyến Võ Trác	1.941,1	41	1		
<b>III</b>	<b>XÃ THỦY TÂN (CŨ)</b>						
1	Trạm biến áp Tân Tô	Gồm Thôn Tân Tô	2.368	52	1		
2	Trạm Thủy Tân	Gồm Trung tâm xã Thủy Tân	741	16	1		
3	Trạm Tô Đà	Gồm thôn Tô Đà	1.303	32	1		
<b>Đ3</b>	<b>SỐ XÂY DỰNG</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>154</b>	<b>3</b>		

<b>8</b>			-				
1	ĐCS cầu Trường Hà			58	1		
2	ĐCS cầu Tư Hiền			58	1		
3	ĐCS cầu Tam Giang			38	1		
<b>Đ3 9</b>	<b>XÃ VINH LỘC</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	-	<b>119</b>	<b>2</b>		
1	ĐCS toàn bộ xã Vinh Lộc			119	2		

**PHỤ LỤC 05****DANH MỤC HỆ THỐNG BẾN, ĐIỂM ĐỖ, NHÀ CHỜ XE BUÝT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ GIAO TRUNG TÂM QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC HẠ TẦNG THÀNH PHỐ HUẾ QUẢN LÝ***Kèm theo Quyết định số : 696/QĐ-UBND ngày 23/02/2026 UBND thành phố Huế*

STT	Danh mục tài sản	Vị trí	Chỉ tiêu về hiện vật	Tình trạng tài sản		Ghi chú
			Số lượng	Còn sử dụng được	Hỏng, không sử dụng	
<b>I</b>	<b>TRUNG TÂM QUẢN LÝ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HUẾ</b>					
<b>A</b>	<b>BÃI ĐỖ XE</b>	Phường Võ Dạ	<b>27.332,22</b>			
	<b>ĐANG QUẢN LÝ</b>		<b>25.026,92</b>			
1	Bãi đỗ xe đường Tố Hữu	Phường Võ Dạ	1.170,92	ĐSD		
2	Bãi đỗ xe Đập Đá	Phường Võ Dạ	490,00	ĐSD		
3	Bến xe khách Đông Ba	Phường Phú Xuân	6.121	ĐSD		
4	Điểm đỗ xe du lịch Nguyễn Hoàng	Phường Phú Xuân	4.525	ĐSD		
5	Điểm đỗ xe thuyền cá Bãi Dâu	Phường Phú Xuân	8.220	ĐSD		
6	Điện Hòn Chén	Phường Kim Long	4.500	ĐSD		
	<b>TIẾP NHẬN THÊM</b>		<b>2.305</b>			
1	Bãi đỗ xe Phía Nam cầu Tuần	Phường Thủy Xuân		ĐSD		Bãi đỗ xe, nhà vệ sinh, hệ thống điện, ATGT
2	Trạm quay đầu xe Buýt Phú Bài	Phường Phú Bài	1.000	ĐSD		
3	Trạm quay đầu xe Buýt Tuần	Phường Kim Long		ĐSD		
4	Trạm quay đầu xe Buýt Thuận An	Phường Thuận An	480,2	ĐSD		
5	Trạm quay đầu xe Buýt Phong Điền	Phường Phong Điền	825,1	ĐSD		Bao gồm tường rào và đường vào trạm

<b>B</b>	<b>BẾN THỦY NỘI ĐỊA</b>	Phường Thủy Xuân	<b>30.162,80</b>			
	<b>ĐANG QUẢN LÝ</b>		<b>29.292,80</b>			
1	Bến Than	Phường Thủy Xuân	2.440	ĐSD		
2	Bến Voi ré - Hồ quyền	Phường Thủy Xuân	1.644	ĐSD		
3	Bến Thanh Tiên	Phường Dương Nỗ	1.250	ĐSD		
4	Bến thuyền du lịch Tòa Khâm	Phường Thuận Hóa	3.227	ĐSD		
5	Bến thuyền số 5 Lê Lợi	Phường Thuận Hóa	2.748	ĐSD		
6	Bến neo đậu thuyền Phú Cát	Phường Phú Xuân	13.875	ĐSD		
7	Điểm đỗ xe thuyền du lịch Thiên Mụ	Phường Kim Long	3.688	ĐSD		
8	Bến Bao Vinh	Phường Hóa Châu	420,8	ĐSD		
	<b>TIẾP NHẬN THÊM</b>		<b>870,0</b>			
9	Trạm quản lý đường thủy nội địa sông Bồ (bao gồm cả bến)	Phường Hương Trà	270,0	ĐSD		
10	Bến thuyền Chương Dương	Phường Phú Xuân	600,0	ĐSD		Bến 180m2+sân bãi 420m2
<b>C</b>	<b>CẦU CẢNG</b>		<b>2.000,0</b>			
1	Cầu Cảng Thuận An	Phường Thuận An	2.000,0	ĐSD		
<b>D</b>	<b>NHÀ CHỜ XE BUÝT</b>		<b>624,44</b>			
	<b>ĐANG QUẢN LÝ</b>		<b>263,24</b>			
	<i>Phường Thuận Hóa</i>					
1	Nhà chờ Nguyễn Huệ -Đổi diện bệnh viện Đại học Y	Phường Thuận Hóa	10,40	ĐSD		
2	Nhà chờ xe buýt Ngã tư Nguyễn Huệ và Phan Bội Châu	Phường Thuận Hóa	10,40	ĐSD		
3	Nhà chờ xe buýt Trường tiểu học Lý Thường Kiệt (đường Lê Quý Đôn)	Phường Thuận Hóa	10,40	ĐSD		

4	Nhà chờ xe buýt Tổng Liên đoàn Lao động (đường Đống Đa)	Phường Thuận Hóa	10,40	ĐSD		
5	Nhà chờ xe buýt Bệnh viện Trung Ương Huế (đường Lê Lợi)	Phường Thuận Hóa	10,40	ĐSD		
6	Nhà chờ Nguyễn Huệ - Công ty Điện lực Huế	Phường Thuận Hóa	10,40	ĐSD		
7	Nhà chờ xe buýt Ngã tư đường Phạm Hồng Thái- Hà Nội	Phường Thuận Hóa	10,40	ĐSD		
8	Nhà chờ xe buýt Đối diện khách sạn Vinpearl	Phường Thuận Hóa	10,40	ĐSD		
9	Nhà chờ xe buýt Trường Cao Thắng (đường Đống Đa)	Phường Thuận Hóa	10,40	ĐSD		
10	Nhà chờ Nguyễn Huệ -Đối diện khách sạn Xanh	Phường Thuận Hóa	10,40	ĐSD		
11	Nhà chờ xe buýt Công viên Kim Đồng (đường Hà Nội)	Phường Thuận Hóa	10,40	ĐSD		
12	Nhà chờ xe buýt Trung tâm Văn hóa tỉnh (đường Lê Quý Đôn)	Phường Thuận Hóa	10,40	ĐSD		
13	Nhà chờ Phan Bội Châu-Học viện Chính trị Nguyễn Chí Thanh	Phường Thuận Hóa	10,40	ĐSD		
14	Nhà chờ xe buýt Sân vận động Huế- Lê Quý Đôn	Phường Thuận Hóa	10,40	ĐSD		
15	Nhà chờ Bên hông Siêu thị Big C (đường Bà Triệu)	Phường Thuận Hóa	10,40	ĐSD		
16	Nhà chờ Đối diện Ngã tư Nguyễn Huệ và Phan Bội Châu	Phường Thuận Hóa	10,40	ĐSD		
17	Nhà chờ xe buýt Đối diện Tổng liên đoàn Lao động (đường Đống Đa)	Phường Thuận Hóa	10,40	ĐSD		
	<b>Phường Phú Xuân</b>					
18	Nhà chờ xe buýt Đối diện Cửa Ngăn (đường Lê Duẩn)	Phường Phú Xuân	10,82	ĐSD		
19	Nhà chờ xe buýt Đối diện Cửa Quảng Đức (đường Lê Duẩn)	Phường Phú Xuân	10,82	ĐSD		
20	Nhà chờ xe buýt Đối diện Cửa Nhà Đồ	Phường Phú Xuân	10,82	ĐSD		

	(đường Lê Duẩn)					
21	Nhà chờ xe buýt Cầu Dã Viên (đường Lê Duẩn)	Phường Phú Xuân	10,82	ĐSD		
22	Nhà chờ xe buýt Đối diện Cầu Dã Viên (đường Lê Duẩn)	Phường Phú Xuân	10,82	ĐSD		
23	Nhà chờ xe buýt Đối diện Nhà Văn hóa TP. Huế (đường Trần Hưng Đạo)	Phường Phú Xuân	10,82	ĐSD		
24	Nhà chờ xe buýt Chợ Đông Ba (đường Trần Hưng Đạo)	Phường Phú Xuân	10,82	ĐSD		
25	Nhà chờ xe buýt Bờ sông Bạch Đằng (đường Huỳnh Thúc Kháng)	Phường Phú Xuân	10,82	ĐSD		
	<b>TIẾP NHẬN THÊM</b>		<b>361,2</b>			
	<b>Sở Xây dựng quản lý</b>		<b>361,20</b>			
26	Ga Hương Thủy (768 Nguyễn Tất Thành)	Phường Phú Bài	21	ĐSD		Kết nối đến ga Hương Thủy và người dân khu vực xung quanh
27	Ngã 3 Nguyễn Tất Thành - Lê Trọng Tấn	Phường Phú Bài	21	ĐSD		Phục vụ hành khách đi sân bay Phú Bài
28	Đầu đường Lê Trọng Tấn	Phường Phú Bài	21	ĐSD		Phục vụ nhu cầu đi lại từ sân bay Phú Bài vào Thành phố Huế
29	749 Nguyễn Tất Thành	Phường Hương Thủy	16,8	ĐSD		Phục vụ người dân vào trung tâm thành phố
30	Trường cao đẳng Công nghiệp Huế cơ sở 2	Phường Dương Nỗ	21	ĐSD		Sv-hs Trường CĐ Công nghiệp 2, và Trường Phan Đăng Lưu
31	Bến xe thị trấn Thuận An	Phường Thuận An	21	ĐSD		Dân cư đi lại trong khu vực
32	Ngã 3 Trường Hà – Vinh Thanh (điểm cuối)	Xã Phú Vinh	21	ĐSD		Chợ chiều Vinh Thanh
33	Bến xe thuận an	Phường Thuận An	16,8	ĐSD		Phục vụ người dân địa phương

34	Bưu điện thôn Trung đông	Phường Mỹ Thượng	16,8	ĐSD		Phục vụ người dân địa phương
35	Công viên thị xã Hương Trà	Phường Hương Trà	16,8	ĐSD		UBND thị xã Hương Trà
36	Đối diện cổng bệnh viện TW Huế cs 2	Phường Phong Thái	16,8	ĐSD		Bệnh viện TW Huế cơ sở 2
37	41 phò trách (đối diện Công an huyện Phong Điền)	Phường Phong Điền	21	ĐSD		Dân đi ga Phò Trách
38	Bệnh viện TW Huế (cơ sở 2)	Phường Phong Thái	21	ĐSD		Bệnh viện TW Huế cơ sở 2
39	UBND thị xã Hương Trà (cũ)	Phường Hương Trà	21	ĐSD		Phục vụ người dân đi vào Huế
40	Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Điền (cũ)	Xã Quảng Điền	16,8	ĐSD		Người dân khám bệnh trong khu vực
41	Trường trung cấp nghề Quảng điền	Xã Quảng Điền	16,8	ĐSD		Trường Trung cấp nghề Quảng Điền, UBND thị trấn Sịa
42	Chợ trung tâm thương mại Quảng Điền	Xã Quảng Điền	21	ĐSD		Phục vụ người dân, sinh viên hướng vào Thành phố Huế
43	Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Điền	Xã Quảng Điền	16,8	ĐSD		Người dân khám bệnh trong khu vực
44	Bệnh viện đa khoa Phong Điền	Phường Phong Điền	16,8	ĐSD		Đường Cách mạng tháng 8

**Phụ lục 06**

**DANH MỤC HỆ THỐNG NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI, TRẠM BƠM TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ GIAO TRUNG TÂM QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC HẠ TẦNG THÀNH PHỐ HUẾ QUẢN LÝ**

*Kèm theo Quyết định số : 696/QĐ-UBND ngày 23/02/2026 UBND thành phố Huế*

STT	DANH MỤC TÀI SẢN	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Công suất (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Nhà máy xử lý nước thải (Vô chí công)</b>	<b>110.559,4</b>	<b>30.000,0</b>	<b>(m<sup>3</sup>/ngày.đêm)</b>
<b>II</b>	<b>Trạm bơm</b>	<b>3.354,2</b>	<b>7,0</b>	
1	Trạm bơm số 01 (Bùi Thị Xuân)	1.530,8	12.806,0	
2	Trạm bơm số 02 (Phan Chu Trinh)	569,3	22.832,0	
3	Trạm bơm số 07 (Lê Lợi)	237,1	5.370,0	
4	Trạm bơm số 04 (Đặng Văn Ngữ)	237,1	31.173,0	
5	Trạm bơm số 05 (Nguyễn Minh Vỹ)	273,8	4.397,0	
6	Trạm bơm số 06 (Hàn Mạc Tử)	506,1	3.569,0	
7	Trạm bơm số 08 (Tố Hữu)	1.230,4	112.260,0	
<b>3</b>	<b>Hệ thống thoát nước công chung, công bao</b>		<b>212,84</b>	
1	Cống cũ được cải tạo thay thế bằng cống mới, Cống xây dựng mới (cống chung BTCT)	km	179,77	
2	Cống thoát nước áp lực có khẩu độ cống từ DN200 đến DN600 (ống HDPE)	km	10,36	
3	Cống thoát nước tự chảy có khẩu độ cống DN200 đến DN800 (ống GRP)	km	22,71	
4	Hố ga	hố	6.466,0	
5	Giếng tách	cái	166,0	









2	Kiệt 24 Trần Thúc Nhẫn	Trong kiệt			56,0											
3	Kiệt 30 Trần Thúc Nhẫn	Trong kiệt				123,0										
4	Nguyễn Thiện Kế	Phan Bội Châu	Nguyễn Huệ	191	49,0											
5	Nguyễn Trường Tộ	Ngô Quyền	Nhà thờ Phú Cam		344,0	463,0		4.000								
6	Ngô Quyền	Nguyễn Trường Tộ	Nguyễn Huy Tự		800,0			815								
		Pack View	Phạm Hồng Thái	150												
7	Khu TT 46 Ngô Quyền	Trong khu vực		340	388,0											
8	Kiệt 19 Ngô Quyền	Trong kiệt		26												
9	Lê Lai	Ngô Quyền	Lê Lợi					1.120								
10	Nguyễn Huy Tự	Ngô Quyền	Lê Lợi		316,0											
11	Ngô Gia Tự	Ng. Văn Cừ	Đông Đa	50	276,0			636								
12	Nguyễn Văn Cừ	Lý Thường Kiệt	Hai Bà Trưng		212,0			498								
13	Hai Bà Trưng (Khu C)	Hà Nội	Ngô Quyền				1.306									
	Hai Bà Trưng (Khu B)	Ngô Quyền	Nguyễn Huệ	250	150,0	300,0	8.127									
	Hai Bà Trưng (Khu A)	Nguyễn Huệ	Phan Đình Phùng				898									
14	Kiệt 16 Hai Bà Trưng	Trong kiệt														
15	Kiệt 57 Hai Bà Trưng	Trong kiệt														
16	Lê Lợi	Cầu Ga	Hoàng Hoa Thám					4.631								
17	Hà Nội	Lê Lợi	Lý Thường Kiệt		300,0			2.338								
		( Còn nhánh Công viên)														
18	Trương Định	Hà Nội	Hoàng Hoa Thám	110	259,0	188,0		1.092								
	Trương Định	Hoàng Hoa Thám	Hùng Vương	296				437								

















1	Dương Văn An (Số lẻ)	Bà Triệu	Ng. Bình			110,0			2.081							
	Dương Văn An (số chẵn)	Bà Triệu	Số 8 (Hỏi NT)			30,0										
2	Kiệt 112 Dương Văn An	Trong kiệt					50,0									
3	Kiệt 118 Dương Văn An															
4	Hỏi Nhất Trí	Chợ Công	Cổng số 7		400		287,0									
5	Văn Cao	Dương Văn An	Nguyễn Lộ Trạch		119	147,3	7,4									
6	Nguyễn Bình	Dương Văn An	Nguyễn Lộ Trạch		50	185,5	50,5									
7	Nguyễn Tuấn	Dương Văn An	TTTTĐ Tỉnh		131	243,0										
8	Nguyễn Đỗ Cung	Dương Văn An	Nguyễn Lộ Trạch			250,0										
9	Nguyễn Lộ Trạch	Bà Triệu	Nguyễn Đỗ Cung			7,0	170,0									
10	Kiệt 183 Nguyễn Lộ Trạch	Trong kiệt				17,0	250,0									
11	Kiệt 179 Nguyễn Lộ Trạch	Trong kiệt				180,0										
12	118-150 Nguyễn Lộ Trạch	118 Nguyễn Lộ Trạch	150 Nguyễn Lộ Trạch		40	276,0										
13	Ngô Thúc Khuê (k167)	Trong kiệt				110,0										
14	Thoát nước Lô Hồ	Cầu Văn Dương	Sông Văn Dương	154		64,0	14,0									
15	Lê Quý Đôn	Hùng Vương	Bà Triệu						4.848							
16	Bể bơi Sân Vận Động	Trong khu vực			120											
17	Bà Triệu	Ng. Công Trứ	Hùng Vương			680,0	24,0		180	2.800						
18	Kiệt 235 Bà Triệu	Trong kiệt			186											
19	Khu QH sau TTTĐ tỉnh TT Huế	Tổ Hữu-Lý Tự Trọng-Trần Văn Ôn - Đặng Thùy Trâm					893									
20	Trần Văn Ôn	Tổ Hữu	Bùi San				330,0									
21	Chinh trang vỉa hè Trần Văn Ôn	Tổ Hữu	Đặng Thùy Trâm						863							



	<b>5) PHƯỜNG DƯƠNG NỔ</b>			<b>226,6</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	<b>Khu vực Phường Phú Dương (cũ)</b>																	
1	Hạ tầng khu tái định cư thôn Phú Khê	Đường BTXM	Ruộng lúa	227														
	<i>Gói thầu số 9: Tuyển kê sông Phổ Lợi đoạn qua thôn Phú Khê, thôn Phò An, thôn Mỹ An. Nạo vét gia cố 2 bên hói Phú Khê và cầu Mỹ An</i>	<b>Hệ thống thoát lũ Phổ Lợi-Mộc Hàn-Phú Khê</b>																
2	- Kè bờ tả sông Phổ Lợi đoạn qua Thôn Mỹ An	Thôn Phú Khê - Thôn Phò An - Thôn Mỹ An																
3	- Kè bờ hữu sông Phổ Lợi đoạn qua Thôn Phú Khê																	
4	- Kè bờ sông Phổ Lợi đoạn qua Thôn Phò An																	
<b>A</b>	<b>Phường Phú Xuân</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>24.812,86</b>	<b>1.804,15</b>	<b>51.926,56</b>	<b>22.498,35</b>	<b>38.963,48</b>	<b>46.711,23</b>	<b>8.312,50</b>	<b>50.006,60</b>	<b>6.227,67</b>	<b>68,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	
1	Lê Duẩn	Cầu Phú Xuân	Cầu Bạch Hồ	532		917	192				10.608	2.652						
		Cầu Bạch Hồ	Cầu An Hòa	1.500			2.200			8.313								
2	Lê Duẩn	Cầu Phú Xuân	Cửa Quảng Đức					5.400,084										
3	Đường Cửa Ngăn	Lê Duẩn	Trần Huy Liệu			93					418	139						
4	Đường Cửa Quảng Đức	Lê Duẩn	Hào Thành			85					352	117						
5	Đường Cửa Nhà Đò	Lê Duẩn	Hào Thành			141					245	82						
6	Tăng Bạt Hồ	Đào Duy Anh	Lê Duẩn	121		12	35											
7	Tăng Bạt Hồ (Giai đoạn 1)	Nguyễn Trãi	cầu Bạch Yến			1.704,1	99,1											
8	Tăng Bạt Hồ (Giai đoạn 2)	Nguyễn Trãi	Lê Duẩn			787,4	149											
9	23 tháng 8	Đoàn Thị Diễm	Lê Huân									1.496						



21	Đặng Trần Côn	Lê Huân	Nguyễn Trãi	317		6											
		Nguyễn Trãi	Trần Nguyễn Đán	158		8											
22	Trần Bình Trọng	Lê Huân	Nguyễn Trãi	313													
23	Trần Nguyên Hãn	Lê Huân	Tôn Thất Thiếp	596		615											
24	Nguyễn Thiện Thuật	Nguyễn Trãi	Trần Nguyễn Đán	662		8											
25	Ngô Thời Nhậm	Nguyễn Trãi		522		183											
		Lê Huân	Nguyễn Trãi														
26	Tôn Thất Thiệp	Ông Ích Khiêm	Triệu Quang Phục			24	8										
27	Chỉnh trang tôn tạo sông Ngự Hà (toàn nhánh bên phải) - Triệu Quang Phục, Phùng Hưng, Trần Quý Cáp (đến Lê Văn Hưu)					2.216						3361,48					
28	Chỉnh trang tôn tạo sông Ngự Hà (toàn nhánh bên trái) - Triệu Quang Phục, Phùng Hưng, Trần Quý Cáp (đến Lê Văn Hưu)					2.600						1619,22					
29	Tôn Thất Thiệp	Triệu Quang Phục	Thái Phiên	64													
30	Hoàng Diệu	Nguyễn Trãi	Tôn Thất Thiếp	214		358	154		2.543								
	Kiệt 20				40												
	Kiệt 26			60													
	Kiệt 35			40	90												
	Kiệt 15				50												
31	Lê Đại Hành	La Sơn Phu Tử	Trần Khánh Dư	68		94	198		972								











99	Trần Xuân Soạn	Thế Lữ	Trương Hán Siêu			305										
		Thế Lữ	Trương Hán Siêu													
100	Nguyễn Trực	Trần Xuân Soạn	Thánh Gióng			80										
		Trần Xuân Soạn	Thánh Gióng													
101	Trương Hán Siêu	Trần Xuân Soạn	Thánh Gióng			87										
		Trần Xuân Soạn	Thánh Gióng													
102	Tôn Thất Thuyết	Nguyễn Xuân Ôn	Phạm Đình Hồ	22		96										
		Nguyễn Xuân Ôn	Phạm Đình Hồ													
103	Thái Phiên	Trần Nhật Duật	Nguyễn Xuân Ôn			419										
		Nguyễn Xuân Ôn	Mang Cá			115										
104	Thánh Gióng	Trương Hán Siêu	Trần Nhật Duật	54		388										
		Trương Hán Siêu	Nguyễn Xuân Ôn													
	Kiệt 52 Thánh Gióng	Trong kiệt				119										
105	Phan Huy Ích	Thái Phiên	Thánh Gióng			152										
		Thái Phiên	Thánh Gióng													
106	Thế Lữ	Thái Phiên	Thánh Gióng			148										
		Thái Phiên	Thánh Gióng													
107	Khu Tái Định cư Chợ Xếp	Cuối đường Phạm Đình Hồ		50			48									
108	Trần Hưng Đạo	Cầu Phú Xuân	Cầu Trường Tiền	534		264			4.952					68		







	Nguyễn Hàm Ninh	Ngô Kha	Hoàng Văn Lịch			155											
	Nguyễn Văn Thoại	Ngô Kha	Hoàng Văn Lịch	195		245											
	Nguyễn Tư Giản	Ngô Kha	Hoàng Văn Lịch	144		219											
	Hoàng Văn Lịch	Nguyễn Hàm Ninh	Ngô Kha			250											
	Ngô Kha	Nguyễn Gia Thiều	Hoàng Văn Lịch														
141	Khu TĐC Phú Hậu GĐ2			561		1.053	259,20										
	Nguyễn Đình Tân	Nguyễn Hàm Ninh	Sông Hương														
	Trịnh Hoài Đức	Nguyễn Hàm Ninh	Hoàng Văn Lịch														
	Đường 26m	Nguyễn Gia Thiều	Hoàng Văn Lịch														
	Nguyễn Hàm Ninh	Nguyễn Đình Tân	Đường Hồ Quý Ly														
	Nguyễn Tư Giản	Nguyễn Đình Tân	Đường Hồ Quý Ly														
	Nguyễn Văn Thoại	Nguyễn Đình Tân	Đường Hồ Quý Ly														
	Hoàng Văn Lịch	Nguyễn Đình Tân	Đường Hồ Quý Ly				207										
142	Đình Tiên Hoàng	Mai Thúc Loan	Trần Quý Cáp					3.466									
	Đình Tiên Hoàng	Mai Thúc Loan	Trần Hưng Đạo					5.927									
143	Đào Duy Anh	Cổng Thanh Long	Tăng Bạt Hồ							5.673							











16	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Phía Bắc Hương Sơ (Khu vực 1) - Giải tỏa Thượng Thành	Cả khu	888,75	1.387	525,84	5882,96								120	20
17	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Phía Bắc Hương Sơ (Khu vực 2) - Giải tỏa Thượng Thành	Cả khu	759,83	1.931	69	5818,78									
18	Hạ tầng kỹ thuật khu đất xen ghép tổ 4, khu vực 2, Phường Hương Sơ	Cả khu	78,02	256											
19	Hạ tầng kỹ thuật khu Tái định cư Hương SƠ, Giai đoạn 4 Đợt 1 (gói số 10)	Cả khu	681	2.151		8230									
20	Hạ tầng kỹ thuật khu Tái định cư Hương SƠ, Giai đoạn 4 Đợt 2	Cả khu	487	1.550	241,5	6423									
21	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Phía Bắc Hương Sơ (Khu vực 3) - Giải tỏa Thượng Thành	Cả khu	1361,4	3.980	603,9	14253,63					240	20			42
22	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Phía Bắc Hương Sơ (Khu vực 4) - Giải tỏa Thượng Thành	Cả khu	1305,15	3.873	715,602	13716,81					21	4			53
23	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Phía Bắc Hương Sơ (Khu vực 5) - Giải tỏa Thượng Thành	Cả khu	1222,79	3.873	177,93	12059,65									46
24	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Phía Bắc Hương Sơ (Khu vực 6) - Giải tỏa Thượng Thành	Cả khu	1361,4	3.980	603,5	14253,63					264	40			47
25	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Phía Bắc Hương Sơ (Khu vực 7) - Giải tỏa Thượng Thành	Cả khu	1274,45	3.286	521,32	12622,97					176	20			30
26	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Phía Bắc Hương Sơ (Khu vực 8) - Giải tỏa Thượng Thành	Cả khu	945,37		2634,63	10764,87									
27	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Phía Bắc Hương Sơ (Khu vực 9) - Giải tỏa	Cả khu	782,1		3225,9	9455,09					8	3			

















**PHỤ LỤC 08**

**DANH MỤC NGHĨA TRANG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ GIAO TRUNG TÂM  
QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC HẠ TẦNG THÀNH PHỐ HUẾ QUẢN LÝ**

*Kèm theo Quyết định số : 696/QĐ-UBND ngày 23/02/2026 UBND thành phố Huế*

<b>STT</b>	<b>DANH MỤC TÀI SẢN</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>II</b>	<b>TRUNG TÂM QUẢN LÝ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HUẾ</b>	<b>1.476.100</b>	
1	Nghĩa trang nhân dân phía Bắc - Long Hồ	603.600	
2	Nghĩa trang nhân dân phía Nam - Thủy Phù	407.800	
3	Nghĩa trang nhân dân phía Nam tại Thủy Phương	464.700	